

80  
INDO-CHINOIS

2156

N° 5

in kỳ nhì. — 1935

ĐOÀN - TRUNG - CÔN

# VĂN - MINH NHÀ PHẬT

DEPOT LEGAL  
INDOCHINE

N° 20994

QUA TÀU . . .

(Thầy Huyền-Trang đi thịch kinh)

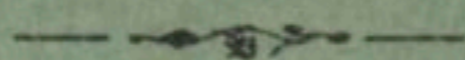


IMPRESSEUR  
M. DE LA VILLE

TIRAGE à  
1500 exemplaires  
Saigon le 23-1-1935



## Kính cáo mấy nhà từ tâm.



Võ-trụ là một trường tương-lễ. Các chúng-sanh cần phải tiếp  
lân nhau, điều dắc nhau mới mau tấn-bộ.

Bồn-quán nghĩ rằng nếu duy có kẻ giàu mới coi kinh sách  
được thì lấy làm đau lòng. Trong khi tư-tưởng các ngài nhờ  
kinh sách mà tấn-hóa, biết bao người vì chẳng có tiền mua coi  
mà phải trụ lạc, đáng thương thay !

Vậy thì qui-vị dư giả mà có lòng lành, thường hay bố-thí, hãy  
mua sách thỉnh kinh nơi bồn-quán mà tặng cho bà con, quen  
biết, láng giềng nghèo mà muốn tu hành học đạo. Như vậy công-  
dức lớn lắm. Hãy gửi thư đến bồn-quán mà mua mỗi thứ một  
vài mươi cuốn, năm ba mươi cuốn, hay một vài trăm cuốn gì  
tùy ý. Rồi các ngài để ở nhà mà tặng, hoặc giao chùa nào, sở nào  
đó tặng giùm cho. Còn ngài nào thỉnh nhiều thì bồn-quán sẽ in  
tên vào kinh sách, để bá-lánh biết đặng đến mà xin, luôn dịp  
cũng làm gương lành trong thiên-hạ nữa.

Việc này có nhiều đều lợi ; 1. các ngài thi-chủ sẽ được công-  
dức, được phước ngay đời này hoặc để dành các đời sau ; 2.  
người nghèo cũng tấn-hóa được nhờ xem kinh sách bố thí ; 3. mà  
bồn-quán cũng vừa được phần tài-chánh để tu-bồ thơ-xã, cho  
ngày một vẻ vang, dùng đặng.

Xin các ngài tùy hỷ mà thi hành ngay cho thêm.

Kính cáo :

ĐOÀN-TRUNG-CỒN

143 Rue Louvain -:- SAIGON.

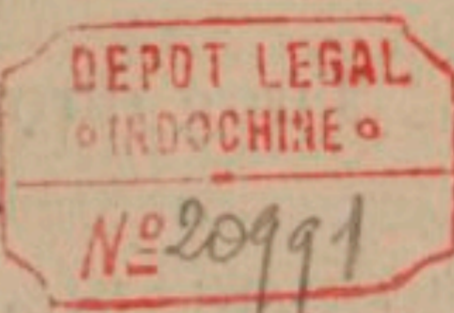


N° 5

ĐOÀN - TRUNG - CÓN

in kỹ nhĩ

VĂN - MINH



NHÀ PHẬT

QUA TÀU ■ ■ ■

(Thầy Huyền-Trang đi thỉnh kinh)

1935

EDITIONS DOAN-TRUNG-CON

143 RUE LOUVAIN SAIGON

8° Indoch.  
2156



Cuốn « Văn-Minh nhà Phật » này kỷ đầu, năm 1931, in ra 2.000 quyển. Trong một tháng đầu, tiêu-thụ trên phân nửa.

Từng được các nhà thức-giả hoan-nghinh, các báo chí khen-tặng, và các độc-giả ham xem. Vì có nhiều vị hỏi dặng coi cho biết và giữ cho trọn bộ, hiệp luôn với mấy cuốn khác của soạn-giả, nên nay bốn-quán xuất-bản lại kỷ nhi.

Vị nào ở xa muốn có cuốn này, xin gửi thơ hỏi bốn-quán sẽ gửi lại theo cách lãnh hóa-giao ngân.

**ĐOÀN - TRUNG - CÒN**

**143 Rue Louvain**

**SAIGON**





## TIÊU TỰA



Cuốn sách này nhan đề là «VĂN-MINH NHÀ PHẬT...  
QUA TÀU...» hay là «THẦY HUYỀN-TRANG ĐI  
THỈNH KINH».

Văn-minh nhà Phật ! Văn-minh nhà Phật đã làm  
cho tỏ rạng các nước Phương-Đông. Ta dầu quên,  
nhưng sử-sách vẫn còn. Sử-sách dầu nát nhưng đèn  
đài ở Ấn-độ hãy còn ; lại dấu-tích Đứ-Tiên Đế-Thích  
hãy còn, là bằng cứ rất quang-minh vậy ! Này, ta chớ  
bôn-chôn mà không khỏi lăm to. Ta cứ ngảnh lại góc trời  
Đông-Á thì tức khắc thấy yển sáng thật của ta, cũng như ta  
ngắm vào tâm là thấy Phật, phương gì phải đi kiếm đâu  
xa. Này ngoài hai ngàn năm, trong lúc người Âu-Mỹ chưa  
có lịch-sử rõ-ràng, bấy giờ ngay ở nước Pháp người « Gô-  
Loa » còn ở từng đoàn, đánh giết lẫn nhau, và thờ đủ ác-  
quỉ hung-thần, thì bên Đông-Á con người sanh-hoạt rất  
phồn-hạnh ; về chánh-trị, về khoa-học, về đạo-đức, về mĩ-  
thuật, người bên ta rất xuất sắc tài tình. Nhưt là ở Ấn-độ,  
tinh-thần nhà Phật soi sáng ra đến các nước ngoài, cho  
nên ở nước Tàu, nước Miếng-Điện, với nhiều nước láng-  
giềng có lắm nha danh sư qua Ấn-độ để viếng Phật, thỉnh  
kinh.

Trong mấy nhà sư Tàu, có thầy Huyền-Trang được  
công-nghiệp rất to, đi khắp các nơi viếng Phật linh, chùa  
lớn, quan-sát và nghiên-cứu rất rành. Sau về nước bèn viết  
sách, dịch kinh. Thầy Huyền-Trang có thỉnh và dịch ba  
Tạng Kinh, gồm cả về Phật-giáo...

Lừ nước Tàu qua các nơi có dấu tích nhà Phật ở Ấn-  
độ, phải trải qua biết bao sự nguy-nan cực-nhọc, bao  
phen tưởng phải bỏ mình. Nhưng có lẽ lòng tin-ngưỡng



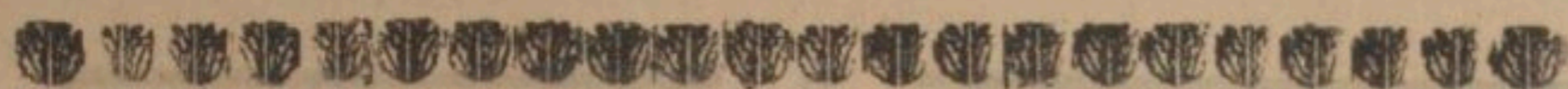
cao đến cực-điểm khiến cho thầy đi đến nơi về đến chốn và nghiên-cứu rõ ràng. Nếu hẳn là người chưa thật thành tâm thì mong gì vượt khỏi những nơi đồng không đầy cát nóng, những nơi núi non nguy hiểm, sương tuyết bao giăng !...

« Ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ người đào giếng », dân-tộc Viễn-Đông hiểu được Phật-giáo, đọc được ba Tạng Kinh, biết khoái về chủ-ngĩa từ-bi, và nương theo gương Phật, ấy là nhờ một phần lớn ở nơi công-phu thầy Huyền-Trang vậy. Ta biết ơn người mà không hiểu tích người, ấy chẳng là trái lắm rồi. Quyển sách này sẽ chỉ rõ những nông-nổi trên đường của thầy Huyền-Trang. Và ta nên chăm-chỉ vào những bằng-cớ ấy còn hơn nhớ đến cuốn « **Truyện Tây du** » là tiểu-thuyết bịa ra lắm chuyện phi-lý, mơ hồ làm hại đến lòng tin-ngưỡng của một phần đông trong xã-hội ta lúc sau này.

Đ. T. C.







## Nói sơ về sự hại của Truyện «Tây-du»

**T**rong các độc-giả, có lẽ phần đông đều biết bộ «Tây-du diễn nghĩa» rồi. Bỉ-nhân cũng đã có xem lúc nhỏ, có xem vì chung quanh mình người ta đều có sẵn, thời mình làm sao lại tránh đi cho được. Ảnh-hưởng truyện Tây-du và các thứ truyện nhảm-nhi khác, gần đây tuy đã bị ít nhà thực-giả công-kích, nhưng vẫn còn vững chặt trong đầu-óc của lắm người. Những sự hại của truyện đã nhiều, mà lại còn có người lợi dụng cái lối thích của chúng-ta mà cồ-động thêm, hoặc trên tường hát, hoặc trong bài họa, lại nhiều nhà xuất-bản mạnh ai nấy in ra mà bán đủ các nơi.

Ai đã coi bộ Tây-du rồi thì nào có hiểu đạo Phật là gì. Rong rả những chuyện hoang đàng, tà mị, làm cho người thêm mê muội, tối tăm. Dấy dậy những hung-thần, ác-quỉ, làm cho người thêm hèn nhác tánh tình.

Đối với người có tư-tưởng thì chẳng qua là một bộ truyện lộn-lạo vừa Lão-Giáo, Khổng-Giáo, Phật-Giáo với những mối dị-đoan. Mà đối với người thường hoặc đờn-bà, con trẻ thì họ phải nhiễm vào mà càng ngu muội thêm. Đọc xong bộ sách, đâu biết thầy Huyền-Trang ở vào thế-kỉ nào, đâu biết Phật Thích-Ca Như-Lai gốc ở xứ nào, mà người ta chỉ thấy những lối phỏng định mơ hồ.

Ta thử đi hỏi các bà con anh em, trong mười người ắt có bảy người sẽ nói với ta rằng «Tây-du» nào phải là một bộ tiểu-thuyết bịa, mà thật là một pho lịch-sử trong ấy Tề-Thiên đại-thánh với Bác-Giải, Sa-Tăng cùng đưa Tam-Tạng đi thỉnh-kinh ! Cho đến hạng nhà tăng cũng ngỡ như vậy. Và một nhà đạo kia viết sách cũng có nói năm chiêm bao thấy Phật bà Quan-Âm chỉ cho biết cái cầu lúc trước «Đại-Thánh» đi thỉnh-kinh có đi ngang !

Bỉ-nhân lấy làm vui mà trưng ra một bảng-cờ để đánh đố những lối dị-đoan kia. «Cuốn Văn-minh nhà Phật»



ra đời là vì chủ-nghĩa Phật-học và để phá-hủy những sự tin-tưởng hoang-đàng.

Độc-giả cứ xem thì sẽ thấy thầy Huyền-Trang có đi thỉnh kinh, trải qua lắm nỗi nguy mà không có yêu-tinh quỷ-quái gì toan ăn thịt. Độc-giả sẽ rõ thầy Huyền-Trang ở vào thế-kỉ nào và thầy có viếng các nơi có dấu tích của Phật-tổ với tin-đồ.

Đạo Phật suy đời là bởi con người ham tin các sự bày bố ở ngoài mà không tưởng đến chơn-lý bề trong. Chớ hẳn chuyên về Phật-giáo, thì nên thông-hiểu đạo-lý và cư-xử nhơn-từ. Bấy giờ mình sẽ thấy nhờ yển-sáng nhà Phật mà mình được cao-thượng thêm. Mình cứ ăn ở hiền lành, cứu giúp và tiếp trợ người, tâm-táob mình không còn nhơ-bợn thì tự mình lướt lên trên đường đạo chớ phương gì lại cầu-khẩn mãi các vị thánh-thần !

Giả sử không có thầy Huyền-Trang qua Ấn độ mà học đạo, thỉnh kinh thì Phật-giáo ở nước Tàu càng lộn-xộn thêm, ắt trong cõi Viễn-Đông không mấy chỗ được hiểu đạo cho rành. Nhưng có mấy người biết nghĩ đến kẻ đạo-giếng mà tầm nước kia đâu ! *Người ta chỉ coi truyện Tây-du mà độ phỏng ỉhầy Huyền-Trang : chẳng qua là một bác thầy chùa muốn đi thỉnh kinh, nhờ có Tề-Thiên, Bác Giải và Sa-Tăng dẫn đường và trừ yêu cho. Chẳng qua là một thầy sợ-sệt, lo-lắng và trăm việc đều ỷ-lại vào mấy kẻ dắt đường.*

Chớ hẳn Huyền-Trang là một nhà cao-tăng. Nội Trung-Quốc không mấy người thông đạo-lý bằng thầy. Thật là một bậc thầy tu muốn chấn-chỉnh Phật-giáo lại và tránh những lối dị-đoan, mơ hồ. Ấy là một người háo học, vì thấy đạo-đức trong nước còn khuyết-diểm nên dốc lòng qua Tây-Phương mà khảo thêm và tầm kinh quý về để truyền cho chúng-sanh, chớ không phải trông qua được xứ Phật để thành Phật đâu.

Rõ ràng là một người dày công, chịu cực-khổ không nản chí, ngã lòng, cho đến thấy cái chết trước mắt mà chơn vẫn bước tới luôn. Như lúc qua đồng cát, không còn một nhử nước, nhưng thầy cứ đi.



Còn nói về tài-trí thì tưởng không còn chỗ nào chê được. Thầy đi đến đâu cũng thuyết-pháp, giảng kinh, hạng vua chúa với bực cao-tăng lấy làm phục. Thầy nói chuyện người ta nghe không chán và biết làm cho họ thương. Cho nên ra khỏi nước Tàu, một thân trời-trọi, không có phép vua, không ai bảo-bọc, thế mà đến xứ lạ ai cũng yêu-vì và trợ giúp cho một cách sốt-sắng. Ấy là một nhà có khoa ngôn-ngữ, biện-luận chính đáng, dành rành, có tài ngoại-giao, *giả-sử làm sứ đi lo cuộc hòa-ước cho vua thì rất hoàn toàn*. Lại là một người trọng lẽ ngay, cho nên đến những nước tuy tu về đạo Phật mà tông-phái có khác thì thầy cũng nói thẳng luôn, chỗ nào họ không chính-đáng thầy cũng sửa ngay, chớ không chịu nin thình vì sợ người phiền. Bởi vậy dầu là cao-tăng mà hành đạo sai, tưởng đạo trật, thì thầy cũng chỉ rõ ra. Có vài lần thầy với nhiều người khác cùng luận đạo với nhau, họ bị thầy đánh đổ nhưng họ vẫn có học, biết trọng sự thật, nên họ cho thầy là giỏi mà phục tài, chớ họ không có hờn chút nào.

Độc-giả xem quyển sách này, sẽ thấy rõ tâm-tánh của nhà đạo hoàn-toàn là thầy Huyền-Trang, thì những sách làm cho ta hiểu lầm kia, ta tự đình-chánh ngay đi vậy.

Thầy Huyền-Trang thật có qua Tây-Phương mà học đạo và tầm ba Tạng Kinh, chớ không có những tích hoang-dàng hồ mị rất hại đến tinh-thần tôn-giáo.





## Thời-thế ở nước Tàu

**T**ừ xưa đến khi thành dân-quốc, nước Tàu vĩ-đại tuy có đủ văn-minh, mỹ-thuật, mà phần chánh-trị vẫn lộn-xộn luôn. Trên trước là hoàng-đế với cả ngàn cung-phi mi-nữ, trong tay nắm đủ oai-quyền, vận-mạng của nhơn-dân, rõ ràng là một nhà vinh-vang đặc-biệt, lắm người trông thấy mà ham muốn vô cùng. Cho nên ngôi vua thường thay đổi, hoặc khi về một viên quan có đảng-phái, hoặc về một nhà có mưu-tri hơn người. Vua thường mài-miệt với cuộc vui sướng, rượu trà, mềm mại với điệu phú-quí phong-lưu, không mấy người thiết vì dân-chúng, tha-hồ lỗ-lơi nghiêng - ngửa, bèn bị đánh đổ đi. Và mỗi lần thay bực đổi ngôi là mỗi lần có lộn xộn ở bề trong. Lại một nỗi phía trên có một đoàn dân hung-ác, bọn Mông-Cổ dã-man, thường hay chờ thời mà kéo xuống cướp phá và giựt ngôi.

Bởi những cuộc lộn-xộn ấy, Phật-giáo không được mau tiến-bộ ở nước Tàu. *Con người những lo mang cung lên ngựa, những mắc vào việc chiến-tranh, đặng nầy cùng phe nọ, ai cũng lo giữ phần mình và giựt phần người, ai cũng ham chủ-nghĩa trung-thành với đảng phái mình, ham nghĩa-vụ của con nhà tướng phải trái gan giúp nước, mà rất bơ-thờ với đạo từ-bi. Trong cuộc đánh giết nhau, người ta ngỡ rằng kẻ giết nhiều hơn hết là hạng anh-hùng đáng kính, dẫu có chết cũng được làm thánh-thần. Thời càng giết lại càng hay !*

Phật-giáo truyền-bá qua Tàu trước thế-kỉ đầu, mãi đến khi thầy Huyền-Trang đi thỉnh-kinh về mới thịnh. Vào đời vua Lương-võ-Đế đã có Đạt-Ma tổ-sư qua mở đạo ở nước Tàu (520) nhưng rất lấy làm khó-nhọc nguy-nan. Vì lúc đạo Phật qua Tàu thì đạo Khổng rất thịnh, quan quyền và các nhà qui-tộc đều là người nhà Nho, họ bảo thủ đạo



Không mà đánh đổ đạo Phật luôn. Họ bảo rằng hễ dân theo Phật-giáo thì không còn biết trung-thành với vua với nước, không còn biết xử theo nhơn-đạo, làm tuyệt dòng-giống và giảm số người. Họ nói vua rất nghe. Song đạo Phật nhờ trọng sự từ-bi hỉ xả nên lan dần thanh phát. Và cũng có nhiều nhà có thế-lực, phú-gia, đại thần tể tướng cử đông và truyền-bá ra, lại nhà vua cũng nhận làm chánh đạo cho dân thờ, cho nên đạo Phật càng ngày càng mạnh và tràn ra khắp nơi. Đến sau thầy Huyền-Trang đi tìm kinh-sách về, thầy gia công dịch lại, nhất là thầy dịch đủ ba Tạng Kinh, tức là các giáo-lý đạo Phật.

Một đảng Đạt-ma tổ-sư đem Chánh-pháp truyền qua, một đảng thầy Huyền-Trang thỉnh kinh rước Phật bên Ấn-độ về, nước Tàu thọ lấy cái tinh-thần Phật-giáo bởi hai vị ấy mà nền văn-minh Tàu càng thêm sáng rõ, tinh anh.

---



---

## Phật - Học Tạp - Chí mới

Muốn nghiên-cứu đạo Phật từ thấp lên cao, từ dễ đến khó, nên mua báo « TIẾNG CHUÔNG SỚM »

TIẾNG CHUÔNG SỚM do hai SƠN-MỘN to nhất Bắc-kỳ Bà-đá (Linh-Quang) và Hòa-Giai (Hồng-Phúc) cùng chung xuất-bản, bắt đầu diễn-thuật tiền-thừa nên ai ai cũng có thể hiểu được.

Báo-quán ở chùa Bà-Đá Hà-nội.

	Đồng niên. . . . .	2\$40
Giá báo :	Sáu tháng. . . . .	1\$20
	Mỗi số. . . . .	0\$10





Con người nhiều khi vì bị nạn khổ, như nạn đao binh, mà hồi tâm hướng thiện, bèn nương theo chủ-nghĩa từ-bi, vái lạy Phật Trời.



## Thân-thê thầy Huyền-Trang

**Đ**ạo Phật không mau thành hành ở Tàu là bởi chiến-tranh, mà cũng nhờ có nạn chiến-tranh nên lại được thành hành. Con người từ bậc vua chúa đến hạng thấp-thường, lúc còn trai trẻ đởm đương thì hay tung hoành trong võ-trụ, chí nam-nhi muốn xoay ngược càn-khôn. Ý đã muốn là lất nhiên thi hành. Nào là ra mặt anh-hùng thà chéi chẳng thà thua, nào là mê cuộc trăm trận trăm ăn, nào là giết người thây thành núi máu thành sông, nào là gươm đàn nửa gánh, trừ xong các bậc siêu quần, một tay tóm thâu các nước láng-diềng ! Sau khi chiến-tranh, cha xa con, chồng biệt vợ, nhà cửa tiêu-diêu, ruộng nương bỏ phế, người ngồi trên trông xuống trăm họ khổ nguy ắt cũng đau lòng ! Cảnh huống lao-đao lặn dạn đến mấy chục năm. Bấy giờ con người mới hồi tâm, bị nạn khổ mới tỉnh hồn, cái tánh tự cao hèn hạ thấp, rồi trông lên vái lạy Phật Trời.

Từ thế-kỉ thứ năm, đến đầu thế-kỉ thứ bảy là nhằm đời vua Đường Thái-Tôn, nạn chiến-tranh ở nước Tàu rất nguy. Trong xứ lôn xộn mãi, con người xung đột nhau mãi. Sau khi ấy, thấy sự đau khổ quá nguy-ngập, họ bèn đem mình nương theo chủ-nghĩa từ-bi !

Chinh Đường Thái-Tôn là một nhà chinh-chiến có danh, từng đi ngược về xuôi mà dẹp yên bờ cõi, từng khoát áo cầm binh cùng với các tướng tài đi đánh phạt Cao-Ly và giặc láng-diềng. Ròng rã mười mấy năm nhọc nhằn ngoài biên-giới, điều-định cho binh tướng, trừ phá các nơi, rồi mới được về ngôi yên trên ngôi báu, nghĩ mình đúng bậc anh-hùng.

Ai dè thời-kỳ chiến-tranh ấy vùng hóa ra thời-kỳ tôn-giáo rất vẻ vang. Lại trong đời ấy, có hai nhà tên tuổi làm rạng rỡ nền lịch-sử nước Tàu : một là vua anh hùng, hai là gã thiếu-niên chuyên về đạo-đức. Trong khi nhà



vua lướt xông nơi trường huyết chiến, đánh Nam dẹp Bắc để khôi phục nước-nhà, thì có một thầy tăng còn nhỏ tuổi lánh mình lên một tỉnh miền trên. Xa giặc giã, bèn ngồi tham thiền ở một nhà chùa. Chính là thầy Huyền-Trang. Người vậy vùng trong chốn trần-gian, lừng lẫy ngồi trên thiên-hạ; kẻ trong cửa bồ-đề, gác mình ngoài vòng danh lợi. Người xưa binh đuổi giặc, một chèo vét lấy giang-san: kẻ mở trửa chuông tối, không ngoài hai chữ từ-bi. Thế mà kẻ nhà chiến cũng được tôn-sùng yêu vị như nhà vua chúa oai quyền! Danh tiếng vua Thái-Tôn là công trình mười mấy năm trên sương tuyết, ngựa hao, tướng chết, muôn dân xa cửa xa nhà, trong ý có thích mà trong lòng vẫn lo. Còn thầy Huyền-Trang tuy phải nhọc nhằn trải qua Tây-Phương Phật, nhưng cái tâm bao giờ cũng vững vàng, tỉnh táo, thanh tịnh, thâm trầm.

Huyền Trang quê-quán ở Lạc-Dương là Hồ-Nam-Phủ bây giờ, sanh lối năm 602. Đến gần 16 tuổi, trong nước giặc-giã lung-tung, thầy lánh lên miền trên để tâm nơi yên-tĩnh. Người ta nói thầy là con một nhà quan. Chính thầy là dòng nhà Nho, lúc nhỏ đã thông hiểu văn-chương của Khổng-Phu-Tử khá nhiều. Ngõ là về sau thầy sẽ thành một nhà quan, xuất sắc về Nho-học, nào dè lại phát hiện ra là một nhà đạo-đức rất sớm, cứ chuyên cần chủ-nghĩa từ-bi. Anh em bạn học, mấy tiểu-ăng lấy làm kiêng nề, vì thầy rất thông minh, đọc kinh nhớ nghĩa đành-rành. Bảy giờ thầy mới được mười ba tuổi, hòa-thượng thấy nhỏ, chưa muốn cho xuất-gia, nhưng biết thầy thành-tâm và sáng trí nên phải nhận ngay. . .

Đường đã dọn, người cứ đi. Huyền-Trang rất mộ triết-lý đạo-đức bên Tây-Phương. Phật-giáo lúc ấy đã chia thành nhiều phái với nhiều lý nghĩa khác nhau, đại khái là Tiểu-thừa với Đại-thừa. Thầy thích về tư tưởng thâm-trầm và Niết-Bàn bên Đại-thừa, nên hằng lo tu luyện mà quên ăn ngủ, trót ngày thâu đêm.

Cảnh-thế éo le, người muốn tu mà nào có ngồi được đâu, nào có tham thiền được đâu. Giặc cứ rời nhau, binh vua cứ lo bình trị các chỗ loạn, thành ra khắp trong nước



không có nơi nào được yên. Trên đường đầy những thầy chết chinh-chông, trong hẻm trộm cướp phá hoại dân lành. Người ta đánh giết càng, nào kể đến sãi ở chùa. Kẻ nhà chùa cũng mạnh ai nấy lành.

Nhà Đường mới vừa thành lập. Thái-Tôn ở ngôi đầu được yên. Vua tôi chỉ lo việc binh-gia để bình-trị các nơi rối-loạn, nào có thiết nghĩ đến đạo-đức được cho! Huyền Trang đành phải lên núi mà lo đạo từ. May gặp được ít thầy cũng ở vào hoàn-cảnh như mình, là đi trốn giặc. Cùng nhau hội-hợp vừa tu-luyện vừa biện-luận đạo mầu. Thầy ở đó vài năm được tấn-phát lắm, hiểu đạo-lý khá sâu. Chẳng những thầy thông về mấy môn cần, thầy lại còn rõ hết đại-ý của mỗi tông. Thầy không phải là người chỉ lo hiểu lấy chỗ mình, cho đến chỗ khó của người thầy cũng hiểu nữa. Nhưt là thấy rất thấu đáo những môn khác hẳn với môn thầy, chớ không phải coi tầm-thường mà bỏ qua. Nhờ sự ngiên-cứu kĩ-cang ấy mà về sau, khi đến các nơi chùa to sư giỏi, ai cũng kiêng-nể tài học rộng hiểu xa của thầy. Và cũng nhờ đó mà khi đi khắp Ấn-độ, thầy càng thấy-biết đạo-lý thêm rất lạ-làng. Lại nhờ đó mà đến sau, dịch kinh, thầy phân biện rất rành về khoa-học và siêu-hình-học trong các môn Phật-giáo.

Đến năm hai mươi tuổi, thầy trở nên một nhà sư có danh. Bấy giờ giặc loạn bớt lần, thầy từ giã miền trên mà đi xuống Trường-An, vì là nơi trung-tâm Phật-giáo ở nước Tàu. Từ trước đến đời Thái-Tôn là năm trăm năm, mấy nhà danh sư bên Ấn độ hằng đem đạo Phật truyền qua Tàu, lấy đất Trường-An làm nơi trú ngụ để dạy đạo cho chúng-sanh. Vì ở Kinh-đô có nhiều nhà học cao, có thể hiểu triết-lý, Phật-pháp, và có nhiều hạng quyền thế dễ bề cổ-động đạo lành. Nơi đó người ta thường dịch chữ Phạn ra để cho bá-tánh hiểu rõ văn-chương Đại-thừa và Tiểu-thừa. Đến đời thầy Huyền-Trang, người ta còn tu theo đạo-lý của Phật Thích-Ca Như-Lai, nhưng họ đã bày-bố ra nhiều lối khác với nhau rồi. Phải nào tưởng theo phái nấy, không ai đồng ý-kiến với ai, làm thành nhiều sự khó, người thiện-tâm muốn tu-luyện mới



trông vào nào hiểu đâu là đâu. Nông-nôi rất quan-hệ mà có mấy người thấy biết cho. Trong cảnh ấy, Thầy Huyền-Trang cứ suy nghĩ và lo lắng mãi. Thầy bèn nguyện đi đến Tây-Phương để trực-tiếp với các nhà danh sư và nghiên-cứu cho rõ-ràng những chỗ khuyết-điểm và bói-rối nơi Phật-giáo ở nước-nhà.

Đã quyết định, thầy hiệp với nhiều nhà sư đồng-chí, trình lên vua Thái-Tôn một lá sớ để xin đi ra ngoài. Nhưng vua nào có khứng cho, viết chiếu cấm thầy không được đi xa. Bấy giờ việc triều-chánh không lấy làm yên, ở nước ngoài người ta chưa mấy kiêng-vi, và cuộc ngoại-giao với lân-ban chưa được thân-mật, đậm-đà. Vua không thuận tình phái Huyền-Trang đi Tây-Phương và cũng không nỡ để cho thầy đi đường-đột một mình. Mấy bạn đồng-chí đã bị lệnh vua cấm, không còn ai bạo gan nữa. Huyền-Trang vẫn biết cuộc hành-trình có nhiều chỗ nguy, nhưng thầy không lo sợ. Thầy tự nghĩ rằng : « Bần-tăng không màng đến sự vui-sướng trên đời này, thì còn sợ sệt nỗi gì mà chẳng dám đi ? » Lòng mộ đạo tràn-trề khiến thầy không còn lui bước. Thầy nhứt định ra đi, chẳng quản gió bụi tuyết-sương, chẳng quản hùm beo ác-thú, không cần có thánh-chỉ và giấy tờ của vua, và cũng không yêu-cầu ai tiếp giúp mình. Thầy vào một nhà chùa linh, làm lễ Phật và xin thủ hộ thầy đi thỉnh kinh. Thầy thấy một điềm mộng làm cho thầy được sốt-sắng thêm. Ấy là vào năm 629. Một hôm thầy nằm chiêm-bao thấy hòn núi Tu-Di nằm giữa biển. Thầy muốn lên đến đánh núi, sắp đánh liền lội ngang sóng biển. Bỗng đâu có một tòa sen hiện dưới chơn và đưa thầy qua đến triền núi. Cao biệt mù, đá chập chồng ghê gớm, không thể lần bước lên được. Liền đó có một ngọn gió đưa thầy lên đến tận đánh núi. Thầy trông ra thấy chơn trời minh-mông, một mình đứng trên cao, xem đủ các nơi, tuồng như đã trải qua các chỗ linh mà nghiên-cứu đã lạnh. Thầy đẹp lòng lắm, liền giựt mình thức dậy.

Ít hôm sau, thầy ra đi.





## Mấy bước đường đầu

**K**hi bước chơn ra, Huyền-Trang tuổi chừng hai mươi sáu. Thật là một người khôi-ngô, cao lớn, gọn gàn. Gương mặt trắng, cặp mắt sáng và bộ tướng nghiêm-trang tề-chỉnh hợp với cốt-cách dịu-dàng, mau-mẫn làm cho ai thấy cũng khen thắm. Động cười thanh-bai và tiếng nói cao-ráo khoan-hai, rất có mực-thước, bàn về đạo-đức nghe không chán tai. Người xem ra phong-nhã phương-phi, nếu không mặc đồ nhà sư thì chúng ngỡ là một nhà Khổng-giáo cao-siêu vậy. Mà có lẽ một phần ảnh-hưởng ở luân-lý nhà Nho xen lộn với tinh-thần nhà Phật làm cho thầy càng thêm ôn-hòa, cao-thượng. Thầy vốn dòng nho-sĩ, mấy đời ông-cha đều nổi tiếng văn hay. Một phần lớn thầy nhờ hưởng lấy cái quả vinh-hoa ấy, cho nên tánh-tình bề trong và cách cư-xử với người đều tỏ ra là một người có thọ-lãnh phong-hóa Khổng Mạnh rất nhiều: thầy có đủ đức-ánh, lễ-nghi, hiền-nậu, vui-vẻ, ôn-hòa, dè-dặt, tinh-táo và có nhơn-nghĩa với mọi người. Còn về đạo-đức thì thầy lại đích-đáng làm một nhà danh sư, bao giờ cũng giữ được trật-tự, nghiêm-nghị, gắt-gao của nhà đạo, bao giờ cũng một lòng từ-bi bác-ái tràn-trề, bao giờ cũng sốt-sắng mà thi-hành theo đạo-lý. Thầy lại là một người biết chọn bạn lành, không giao thiệp hằng-hờ.

Người ta trông vào thấy thầy lộ ra ánh sáng phi-thường và biết thầy là một người rất khoái-lạc về tâm như những nhà đại-đức. Thầy bước chơn đi nhẹ-nhàn, đều-đặn ngó ngay tới trước và mắt không lảo-liên. Thầy oai nghiêm như sông cả bao vòng thế-giới và sáng-rõ như hoa-sen trên mặt nước bằng...

Chỉ dốc làm theo lời nguyện, thầy trải qua những non cao, vực thẳm dài theo các tỉnh miền Tây. Những chỗ ấy bây giờ vẫn còn hiểm nguy. Hết núi chơn-chở, đến đồng bát-ngát minh-mông. Nơi biên-giới mười phần độc



địa. Một mình một ngựa gập-gheñh khó bước, tai nghe ác-thú kêu róng chung quanh. Cảnh trống trơn chẳng có người. Tỉnh-thoảng gặp một vài hang-ồ của mọi-mường cùng là một ít đoàn bộ-hành di rần-rộ cả trăm. Cho đến nay, ở nước Tàu và Ấn-đô, ít ai dám lướt một mình giữa đồng sâu rừng vắng. Chỉ có dân binh-bồng kéo đi cả đoàn, có đủ khí-giải, vật-dụng, có đủ nước uống, bánh khô. Họ hội hiệp mấy trăm con người, gặp cảnh tốt bèn đóng trại nghỉ ngơi, làm lụng, gặp cảnh xấu thì cứ đi, cùng nhau đùm bọc che chở cho nhau. Lăn hồi như vậy mãi, đến chợ búa thì bọn họ tha hồ đổi chác, bán buôn.

Ngánh lại thầy Huyền-Trang một mình, một bóng, không lạc đà, không khí-giải, nước uống với cơm khô chỉ vài bao trên lưng ngựa, may ra còn có tâm đạo với hy-vọng là bạn-bè. Một đôi khi cũng không đến quá chán, thầy vào chợ-búa được thổ-dân cầu tụng kinh, giảng đạo. Họ bèn thết đãi thầy rất ân-cần, cấp cho cơm nước và tiền bạc để tiền-hành. Nhưng thầy không thọ-lãnh bạc vàng. Có khi người ta ép quá, thầy nhận chút ít để đến chùa nạp lễ nhan đèn.

Ra khỏi hòn núi Kan-sou, quê-hương xem chừng ở phía sau. Trước mặt đồng cát Gô-Bi bát-ngát xa trông. Chung-quanh là cát với trời ! Thật là một chỗ ghê-gớm cho khách lữ-hành. Càng bước tới tường như càng gần với cái chết. Bao nhà văn-sĩ vì cảnh ấy mà xúc-động lòng thơ, ngâm thành nhiều bài ai-oán. Nhà thi-nhơn có danh nhất là Lý-thái-Bạch, ngâm rằng : *Vừa sang thu giặc ngoài biên giới đã toan kéo vào. Ta bèn lướt ra khỏi tràng-thành để chống ngã, cùng nhau binh tướng rần-rộ trên đường, theo ngựa của viên soái kéo thẳng ra xa, mãi đến đồng cát Gô-bi mới ngừng.* Trời đêm, bóng trắng nằm cheo leo trên không làm cho ta còn nhớ là ở nơi hoàn-cầu. *Chung-quanh minh-mông quanh-quẻ, binh mã đều phải sương tuyết lạnh-lùng. Trái qua cảnh ấy nào phải một đời ngày.* Ở nhà vợ con trông đợi, mòn mỏi dưới bóng đèn khuya !

Xa nữa, mấy dãy núi cao ngất đến trời. Núi là núi Pamir, làm cho binh tướng nhà vua lấy làm lo sợ. Nhà du-tăng nào dám chắc sẽ đến nơi được ru ! Nhân đó Lý-





Trước khi đi Tây-Thiên-Trước, thầy Huyền-Trang có làm lễ nguyện với Phật, xin chứng-minh cho thầy.

Và trong khi đi khắp nơi bên Thiên-Trước, đến những chùa xưa, thầy thường làm lễ trước tượng Phật.

Đây là hình Phật ngồi tuyệt Pháp, tượng khắc bằng đá, to lớn, nghiêm trang.



thái-Bạch mới ngấm thành thơ, đại khái nói rằng : « Đã đến tháng năm mờ trên núi, tuyết vẫn chưa tan. Trong cảnh eo-ngặt ấy, không một đóa hoa. Tai nghe những thông reo hòa với tiếng gió, biết là ở giữa mùa xuân, mà trước mặt đâu dám nhận là cảnh tươi của trời xuân ! » Lại vì cảm về quân lính chịu đói rét, cực nhọc chốn non cao, nhà thi-sĩ cũng than rằng : « Trời vừa rạng đông, binh tướng đều dàn ra lo việc chiến-chinh, và tuân theo tiếng chiêng trống của bề trên. Đánh mãi đến tối, phải ngủ giữa trận, người không cỡi giáp, ngựa chẳng rời yên... »

Núi non đã nguy khổ cho kẻ lữ-hành mà thầy Huyền-Trang lại còn phải lăm đèn cực nhọc đặng qua khỏi mấy ải địa-đầu, vì thầy không có lệnh của nhà vua.

Khi đến xứ Lang-Châu (Léang-tchéou) thì nhắm ngay ở biên-giới. Người ta canh giữ rất nghiêm. Nếu không có thánh-chỉ thì chẳng ai được đi qua. Quan địa-phương hay Huyền-Trang vừa đến và muốn vượt qua Tây-Phương, bèn cho đời thầy lại đặng truyền cho thầy trở lại quê-nhà. Thầy giữ kín không cho ai thấy và lén qua khỏi ải : ban ngày trốn-tránh, ban đêm lại ra đi. Nhọc nhằn như vậy, sau đến xứ Koua-tchéou. Nhưng phải gặp một con sông cái chặn ngang. Thầy lấy làm khó chịu lắm. Nước đồ cuộn cuộn, ghe thuyền không thể chèo chống gì được. Phía bên kia lại là lầy rất sâu, gần đó có binh lính canh giữ ngày đêm. May được qua sông khỏi lầy với lính, phải đi theo một con đường mòn nhỏ-nhít, nhưng khó mà tránh cái ải cuối cùng có đến năm đánh tháp cao, quân canh ngồi trên tháp thấy suốt bốn góc trời. Hễ qua đó được là ra khỏi nước Tàu.

Huyền-Trang biết như vậy, lấy làm lo rầu. Ngựa của thầy vì nhọc mệt quá nên đã chết rồi. Lại thêm người ta hay thầy lén đi nên cho quân lính theo bắt mà dẫn trở về. Nhưng may cho thầy. Là quan địa-phương vốn người mộ đạo Phật, không muốn làm khó và đã điều-định đưa thầy ra đi. Bấy giờ có hai tên ti-tùng không còn dám theo nữa, một dứa vì sợ lệnh vua, một dứa vì chịu khổ không nổi. Thầy phải cho chúng-nó trở về. Thôi thì đành đi một mình.



Thầy mua một con ngựa khác và vái đức Di-Lặc xin cho gặp một kẻ ti-tùng dâng tiễn bề qua khỏi ải địa-dầu. Chẳng bao lâu, có một đừa thổ-dân chịu theo thầy cùng đi thỉnh kinh và dắc đường. Thầy vui lòng nhận. Trời vừa tối, thầy trò đồngra đi, trải qua một cảnh đồng cỏ rậm-rạp um-tùm. Đến một xóm kia, vào nghỉ trọ trong một nhà. Chủ-gia nghe thầy muốn đi Tây-Phương, lấy làm kinh-ngạc lắm. Ấy là một lão già đã từng lặn lội trong các rừng sâu núi độc, đã trải qua nhiều đường hiểm nguy. Nhưng nghe nói đường đi Ấn-Độ thì lão sợ lắm. Lão bèn cản lại mà rằng: « Còn cai hiểm trở gay-go bằng đường qua Tây-Phương. Khi thì những trận cát kéo thành mây mà chôn mất bộ-hành, khi thì những luồng gió nóng đốt cháy ra tro. Trong trăm người gặp cát và gió ấy, không được một người còn mạng. Mấy đoàn mừng-mọi đi cả tốp với lạc-đà, thường lạc đường luôn và chết mất giữa đồng. Như vậy mà thầy còn đi một mình, làm sao mong đến nơi được? Thầy nên giữ gìn cho lắm, và chớ coi mạng sống làm thường. » Huyền-Trang tỏ ý rằng mình đã nhứt định rồi. Ông lão, không thể ngăn ngừa, bèn dâng lên một con ngựa có tài đi đường xa. Thầy trò từ giã ông lão và ra đi, Trời tối. Đến mé sông cái, dòng nước chảy mạnh vô-cùng. Thầy ngại ngừng lắm, nhưng cũng đánh liều. Chẳng bặt đi đốn nhiều cây lại, nó kết thành một chiếc bè to, thả xuống nước rồi quất ngựa lên bè : thầy trò qua sông. Đến mé bên kia thầy mệt lắm, bèn trải chiếu trên đất và ngủ mê-man. Thành linh thầy thấy một điềm mộng dị ki : thằng bạn năm đang xa, vùng ngồi dậy, rút gươm, nhẹ nhẹ xốc lại và toan chém thầy. Nhưng còn đến mười bước thì nó ngừng. *Bấy giờ thầy biết có nạn, liền vái Bồ-tát Quan-Thế-Âm.* Lúc đó thằng bạn có tuồng sợ, mới chạy trở lại chỗ cũ và nằm ngủ luôn.

Sáng ra, thầy thức dậy, không nhắc chuyện khi hôm. Thầy sai thằng bạn đi kiếm nước. Nó đi, nhưng tuồng mặt xem ra quạu-quọ lắm.

Nó nghi cho thầy đã biết việc ác của nó nên nó thẹn. Và nó đã sợ các nông-nồi đi đường, nên nó nói rằng :



« Chỗ lầy này to lớn và nguy hiểm lắm. Đâu có cây cỏ nước nổi gì. Họa là đến dưới tấp thờ năm kia mới có. Nhưng phải lên đi tối và nếu quân canh bắt được thì chắc phải chết liền. Chi bằng trở về cho xong. » Thầy không chịu trở lại. Hai người bèn lên bờ lầy trên lầy. Thỉnh linh thẳng bẹn dương cung ra và buộc thầy phải đi dẫn đầu. Nó thấy thầy quả-quyết không chịu, nó có hơi sợ, đành phải đi trước và chỉ đường. Được vài ngàn thước, nó nói không dám cãi lệnh vua và không dám liều mạng. Nó bèn bỏ thầy mà đi mất.

Bây giờ ra đến đồng cát Gô-Bi, có danh là một chỗ chôn không biết bao nhiêu kẻ lữ-hành. Bát-ngát minh-mông những cát. Thỉnh thoảng thấy xương cốt người và thú nằm chết rục rục bao giờ. Thầy lần bước theo dấu xương mà đi. Thỉnh linh thầy thấy như cả ngàn quân lính kéo nhau vây khắp chơn trời, khi thì đi, lúc lại ngừng. Các quân lính mặc đồ theo giặc mọi, ở đồng Gô-Bi cùng đi với ngựa và lạc-đà, gươm giáo chói sáng ngời và cờ-xi phất coi hùng dũng lắm. Xem ra cả trăm vòng binh. Thầy càng đi tới thì càng thấy nhiều vòng binh khác, hề tốp này qua rồi lại đến tốp kia. Thầy lấy làm lạ lắm, tưởng cho là binh-lương của Ma-vương, đã muốn phá Phật lúc tầm đạo gần xong. (Xem cuốn « Truyện Phật Thích-Ca »).

Nhưng bây giờ lại gặp nạn khó tránh hơn : Thầy đi gần tới cái tháp thờ nhất trong năm cái tháp ở miền biên-giới. Thầy lấy làm sợ quân canh, bèn xuống dưới mé rạch, nằm sát và đắp cát phủ hết cả mình, chờ đến tối mới đi. Qua bên kia tháp, về phía lầy, thầy gặp giếng nước trong, theo lời người ta đã chỉ. Người ngựa đều uống no-nê và thầy múc theo bao đề dành. Nhưng vừa lúc ấy, có một lần tên xẹt gần trúng đầu gối. Kế có một mũi nữa găm gần bên thầy. Biết rằng quân canh đã bắt gặp, thầy liền la lên rằng : « Tôi là người tu hành ở Trường-An. Xin chớ bắn tôi. » Thầy dắt ngựa đến trước cửa tháp. Quân canh mở cửa, đem thầy vào trình lên quan trấn. Ông này vốn người qui-y theo đạo Phật, lấy làm kính phục thầy, nhưng cũng khuyên thầy không nên qua



Tây-Phương, đường mười phần nguy-hiêm. Quan ấy muốn cho thầy đi đến xứ Touen-houang, vì chỗ ấy có một nhà đại-đức cao, chớ phương gì lại liệu mình mà đi xa. Thầy đáp lại một cách quả-quyết rằng: «Bần-tăng từ thuở bé đã mộ đạo từ bi. Và lâu nay ở bốn-xứ các nhà đại-đức lấy làm yêu trọng sự học-hiểu của bần-tăng, vì bần-tăng đã nghiên-cứu khá nhiều và từng giảng đạo các nơi. Không phải khoe tài, bần-tăng nguyện qua Tây-Phương tìm cho rõ đạo-lý của Phật, đặng về giúp ích nước-nhà, nên không còn nghi ngờ, sợ sệt chi nữa.»

Quan trấn là người bị chôn chặt xa xuôi ngoài biên-giới nào rõ thời-sự ở quê-hương. Nay được biết danh-sư thì lấy làm cảm mến. Huyền-Trang định khêu lòng từ của quan, thầy bèn giảng rằng: «Tình-hình nhà Phật trong nước rất lồi thối. Đạo chia thành năm bảy phái, lạt-lẻo thờ-ơ với nhau. Kinh-sử hụt-thiếu, sai-lạc rất nhiều. Kẻ muốn tu không biết tìm kiếm vào đâu, nhiều khi phải lầm lạc mà hại đến tâm-chí đi vậy. Bần-tăng không nỡ ngồi điềm-nhiên giữa cảnh ấy, nên đánh liều với nạn khổ, chẳng lấy đời sống làm vui. Bần-tăng đã nguyện qua Tây-Thiên-Trước học đạo mà Phật-Tổ đã truyền lại cho tin-đồ. Bần-tăng vẫn nghe danh thượng-quan là người hiền-đức, lẽ nào thượng-quan lại ra lệnh cho bần-tăng trở về. Nếu thượng-quan có lòng yêu thương con người phải bị đau-khổ và muốn cho nhơn-loại được về nơi Cực-lạc, thì có chi qui bằng tiếp trợ cho bần-tăng. Vì thượng-quan muốn cho bần-tăng trở lại, thì thượng-quan cứ giết ngay đi là xong, vì bần-tăng đã thệ nguyện trước Phật-đường.» Quan trấn nghe giảng càng thêm phục tài biện luận của thầy, và nhận rằng không còn ai thuyết giỏi bằng Huyền-Trang. Quan định giúp thầy. Cấp cho cơm nước xong xuôi, quan viết một phong thơ giới-thiệu cho quan trấn tháp khác, và dặn nên tránh cái tháp thứ năm vì quan giữ tháp ấy là người nghịch với đạo Phật.

Thầy ra đi. Vì tránh tháp thứ năm nên phải đi vòng lên phía Tây-Bắc, đâm thẳng vào đồng cát, mịt-mù một bầu trời, cát, không chim, không núi, không cây cỏ, nước nổi.



Không ai dẫn đường, không dấu chi trên cát dặng đê đường. Trông ra chỉ có người với ngựa. Thầy đành phải dò bóng để định đường, vừa đi vừa niệm Phật đọc Kinh. Ta thử tưởng tượng một cảnh đồng minh-mông, trên đó một nhà lữ-hành, không bè bạn, không thạo đường, trăm ngàn nạn chết vây phủ quanh mình. Ở giữa bầu trời bí-thâm ấy, không còn biết đâu là đâu, nhà lữ-hành muốn vượt qua khỏi đê thẳng đến Thiên-Trước mà tầm kinh học đạo. Mà chỉ có bóng của thầy, bóng của tin-ngưỡng thầy chiếu xuống dưới biển cát, là bạn đi đường thôi! Thầy lại bị sức nắng gắt chói xuống, làm cho cát thành than, cùng đốt thầy. Duy có lòng đạo-đức mạnh-mẽ xông ra chống chịu cho. Thầy muốn tầm mạch nước, nhưng kiếm mãi không ra. Khát nước lắm, thầy mới mở bao ra. Nhưng vì bao nặng lắm, sút rớt ra khỏi tay thầy. Liền đó nước đổ tuôn ra hết trên cát. Thầy vẫn biết mình đi gần đến mạch nước, nhưng đường quanh queo nhiều nẻo nên không biết phải đi nẻo nào. Chán lắm, thầy thấy cái chết đến gần. Nếu đi nữa mà không gặp nước thì mong gì sống được. Thầy phải quày ngựa trở lại biên-thùy. Thối bước được chừng vài dặm, thầy vùng xét lại mà rằng: « Buổi đầu mình đã có thệ nguyện, quyết đi tới Ấn-Độ chớ không hề thối lui. Thôi, mình cứ đi. Dầu có thác, mình đành nhắm mắt về phía trời Tây, chớ chẳng thà ham sống mà trở về xứ.» Suy nghĩ như vậy, thầy liền quày ngựa lại hướng Tây, vừa đi vừa niệm đức Bồ-tát Quan-Thế-Âm. Ngó ra tứ phía, mịt mù trời với cát, không thấy dấu người ngựa chi cả. Ban ngày đông gió đùng đùng, cát bay như những trận mưa to. Còn đến đêm, ma-quỉ theo phá chẳng thôi và cầm đèn đuốc đi nhiều tợ sao giăng. Giữa những nạn ấy, thầy không lấy làm lo, thầy chỉ sợ hụt nước thôi. Và bởi khát quá thầy không còn sức đi. Rong rả năm ngày không có một nhử nước vào họng. Trong ruột tuồng như bị lửa đốt, tuồng đâu thầy đã chết khát rồi. Không thể bước nữa, thầy nằm vùi trên cát. *Tuy đuối sức mà thầy vẫn niệm đức Quan-Thế-Âm luôn.* Và thầy có vài rằng: « Bàn-tặng đi đây, nào



phải vì ham vinh-hoa phú-quí, mà chỉ muốn tầm đạo-lý cao xa ngay thật thôi. Bồ-tát Đại-từ Đại-bi hằng cứu nạn cứu khổ cho chúng-sanh, bần-tăng đương bị nạn khổ rất nguy ngập, lẽ nào Ngài chẳng giải cho !»

Thầy cứ niệm như vậy đến đêm thứ năm. Thình lình có một luồng gió mát thổi tới đưa ngay vào thân-thể, làm cho mình thấy thầy tươi-tắn dịu-dàng như được tắm dưới nước trong.

Mắt thầy đã nhắm cứng, bây giờ lại mở ra. Và thầy thấy con ngựa cũng khoẻ lại đương đứng chờ.

Được khoẻ lại, thầy định ngủ một chút. Nhưng đương ngủ vùng thấy một vị hộ-pháp hình cao đến mấy trượng, một tay cầm phượng, một tay cầm đao, miệng hô lớn rằng : « Sao chẳng đi lại còn ngủ nữa ? »

Thầy bị đánh thức, bèn lên ngựa ra đi. Được vài dặm, thình lình con ngựa quay ngả khác. Thầy kèm thúc nó và kéo cương trở lại nhưng nó cũng không tuân. Thầy đành phải chịu theo ngựa. Dây lát gặp được một đám đồng cỏ. Thầy mừng lắm, nhảy xuống và cho ngựa ăn. Gần đó có một ao nước trong như gương. Thầy uống luôn mấy hơi. Bây giờ được sức khoẻ lại, thầy múc nước để vào bao, cắt cỏ để dành cho ngựa rồi lên yên nhẹ gót.

Được hai ngày ra khỏi đồng cát và đến đất Yi-Wou là xứ Ha-Mi bây giờ. Chỗ ấy là một nơi đồng cỏ, có cây cối và dân-sự. Từ trước dân Tàu từng cư ngụ và làm thuộc-địa. Đến lúc Trung-Quốc có nội-biến, nước Turfan thừa cơ đánh lấy và cai trị luôn. Huyền-Trang qua đó, đất còn về người Thổ (Turfan). Ít tháng sau vua Thái-Tôn đem binh chinh-phạt và sáp nhập lại với nước Tàu. Thầy vào một nhà chùa, may còn ba thầy tăng người Trung-Hoa. Hòa-thượng, người lớn tuổi hơn hết, ra tiếp rước thầy, vừa hôn vừa khóc rằng : « Ta có ngờ đâu hôm nay lại còn gặp người đồng-hương ! » Thầy nghe nói cảm động lắm, cũng không ngừng giọt lụy được.

Vua trong xứ hay có Huyền-Trang đến, bèn triệu vào triều. Vua phái mười vị quan đi rước, quân lính xem rất



chỉnh-tề. Thầy không muốn qua viếng vua, vì có ý viếng nhà chùa có danh với một ông sư giỏi nhứt ở miền Gô-Bi. Nhưng vua là người mộ đạo và có oai-thế nhiều nên thầy cũng nghe theo. Đi ngang đồng Char-Nor sáu ngày mới tới kinh-đô.

Lúc ấy, trên cõi Á-Châu, có nước Thổ (Turfan) là mạnh mẽ lắm. Vua đương cầm quyền tuy mộ Phật-giáo, nhưng là một người ham việc binh-đạo, đã từng xung đột với mấy nước láng-diềng, và dám đương-cự với hoàng-đế Trung-nguyên mà đoạt xứ Yi-Wou. Ấy là người có quyền-thế và có ảnh-lương với các vua gần. Muốn nhờ lấy sức tiếp trợ của một nhà oai-quyền, thầy đành qua viếng vua và luận đạo với mấy vị danh-sư. Đường từ kinh-đô qua đến đất Yi-Wou không phải gần. Nếu không binh lính đông đảo, không người ngựa rành rang thì khó mà qua khỏi cánh đồng Char-Nor kia vậy. Vì thấy người quá ân-cần nên thầy không nỡ từ. Vả lại quan binh vua phái qua rất đông, tuồng như buộc thầy phải đến yết kiến nơi trào thì cũng không dễ mà chẳng tuân đâu.

Thế thì Huyền-Trang vào nước Thổ, ghé viếng vua, bàn về đạo-đức với một ít nhà sư cao học và thấy biết văn-minh, phong-tục của nước giáp ranh với quê-hương thầy.

Quý ngài học Phật nên đọc báo

## VIÊN-ÂM

khảo, cứu, luận giải về Phật-giáo.

Giá đồng-niên 2 \$ 00

Thơ từ và mandat gửi cho

M. LÊ-ĐÌNH-THÂM

Directeur du Vièn-Âm — HUẾ





Trong lúc đi Ấn-Độ thỉnh kinh học đạo, mỗi khi có nạn rui, đều nguy, thầy Huyền-Trang thường niệm vái Quan-Thế-Âm. Kẻ dặc đường muốn giết thầy trong khi thầy ngủ, thầy cảm thấy sự nguy bèn niệm Quan-Thế-Âm, thẳng ấy sợ mà chẳng dám thi hành đều ác. Khi sắp chết khát giữa đồng khô, thầy niệm Quan-Thế-Âm, thầy bèn tỉnh lại, và có sức Bồ-Tát dặc con ngựa đi tìm được giếng nước cho thầy.

Đây là hình Quan-Thế-Âm Như-Lai ngồi đại-dịnh trong động đá, xem ra đầy vẻ từ bi, khồ hạnh.





## Những điều nghe thấy

Vào thế-kỉ thứ bảy, nhằm lúc Huyền-Trang ghé, Thổ (Turfan) là một nước đại khái ở Á-Châu, quốc-chánh cường thịnh với binh-pháp chỉnh-tề. Và cũng là một nước mà văn-minh, công-nghệ, mĩ-thuật đều khéo léo vẻ-vang.

Nhưng cơ trời dân bề, sự đời đời có bao lâu, ngoài một ngàn năm đã gây ra lắm cuộc bại thán. Xứ ấy khi xưa mạnh mẽ mười phần, bây giờ là một chỗ chẳng còn tên tuổi trên địa-đồ! Ngày xưa dân sự rất vinh-vang về thương-mãi và mĩ-thuật, bây giờ là những đoàn dân chết mất ở giữa làn sóng văn-minh này. Dấu xưa hãy còn, ta cứ vào những nhà cổ-tích thì tức nhiên thấy tranh-ảnh khéo xảo, tài tinh, ta cứ xem cốt Phật thì cũng đủ thấy là một dân-tộc có văn-minh và tôn-giáo rồi.

Người Thổ rất mộ văn-chương và đạo-đức nhà Phật, có nhiều nhà sư rành chữ Phạn, thường xem và dịch kinh sách bằng chữ ấy.

Người trong nước phần đông đều thọ ảnh-hưởng của Tàu về phần văn-minh vật-chất. Hồi đó, vua là một người mộ đạo Phật lại gốc gác là người Tàu, từng giao-thiệp và cống-sứ cho Trung-Quốc. Khi vua Thái-Tôn bình trị thiên-hạ, nhà vua bên này hằng giữ nghĩa và kết tình liên-ban rất thân mật. Vả vua gốc là dân Tàu nên khi nghe có danh-sư nhà Đường nhân đi thỉnh kinh, gần đến nước mình thì ý quyết rước cho được mới nghe.

Sách tàu nói vua tuy mộ đạo nhưng mà bạo ngược, kiêu căng, muốn cho mọi người đều chịu lòng mình. Vừa được tin Huyền-Trang đến đất Yi-Wou vua liền phái sứ đến đời. Thầy muốn qua đường khác và viếng một vị cao tăng, nhưng tuồng như vua ép thầy phải ghé lại thành. Thầy đến kinh-đô lúc chiều tối. Muốn mau gặp thầy, vua không chờ đến sáng. Vua liền ra khỏi thành, đi chực rước thầy và thỉnh lên một chỗ đã sắp đặt nghiêm-trang rồi. Vua đứng trước mặt thầy, làm lễ và đọc bài



diễn-văn chúc mừng : « Bạch thầy, từ hôm nghe thầy qua đến xứ này, đệ tử lấy làm vui khoái cho đến quên việc ăn uống ngủ-nghe. Đệ tử đã độ đường từ đất Yi-Wou qua đây, biết rằng hôm nay thầy vào đến kinh-thành. Nên đệ tử cùng vợ con đều bỏ ngủ, đọc kinh để chờ thầy. » Dây lát hoàng-hậu, công-chúa, hoàng-tử đều đến ra mắt Huyền-Trang. Cuộc lễ đêm ấy khá trọng. Vua vì quá yêu thầy, quá mộ đạo, nên ngồi bàn-luận với Huyền-Trang đến gần sáng mới chịu kiếu về.

Thầy đi đường xa nên đã mệt, hôm ấy phải ngồi hầu chuyện với vua trót đêm, lại càng mệt thêm. Khi vua ra về, thầy mới nghỉ yên được.

Trong đêm gặp gỡ ấy, người có trí suy nghĩ đã hiểu biết tánh-tình của vua rồi. Huyền-Trang lại càng hiểu biết hơn ai hết. Cho nên tuy thầy có vui về sự biệt đãi mà cũng có lo vì cuộc lợi-dụng về sau. Thật vua có lòng mộ đạo, nhưng có hơi khiếm-nhã. Qua ít hôm sau, vua tặng nhiều món đồ quý báu, định phong chức tước cao sang, và dời các nhà danh sư trong nước đến luận đạo với thầy. Vua lấy làm hân-hạnh mà thỉnh được cao tăng, nên không đành để thầy đi, ý muốn giữ lại mà phong quyền tước vinh-vang và giao mỗi đạo trong nước cho thầy. Thầy từ cả thấy mà rằng : « Bần-tăng đi đây, nao phải vì sự phú-quí vinh-hoa, mà chính là vì tình-hình đạo-đức dở-dang ở nước-nhà ! Bần-tăng thấy đạo-lý ở tề-quốc còn khuyết-điểm và kinh sách thiếu hụt, lạc lầm, nên mới chịu trăm ngàn sự khổ mà ra đi tìm đạo. Vì chủ-nghĩa ấy, bần-tăng chẳng nề tử sanh, quyết đến Tây-Phương mà học thêm đạo-lý. Bần-tăng muốn rằng chẳng những tinh-thần nhà Phật ảnh-hưởng cho Ấn-Độ mà lại còn truyền khắp Trung-Quốc với các nước Viễn-Đông. Vậy Bệ-hạ nào ngăn cản bần-tăng. Xin Bệ-hạ dứt bỏ lòng quá yêu và để cho bần-tăng thông thả ra đi mà xử tròn phận-sự ! »

Vua không khứng, bèn đáp rằng : « Bạch thầy, đệ tử kính mến thầy vô cùng vô tận. Xin thầy đoái đến thì đệ tử rất vui lòng hầu hạ thầy. Đệ tử đã quyết cầu khẩn



cho được. Xin thầy tha lỗi cho, đệ-tử sẽ bạch rằng dầu cho núi Ba-mia (Pamir) có đời, ý-kiến đệ-tử cũng không đổi ! »

Huyền-Trang nghe nói lấy làm lo sợ. Nhưng thầy cũng như định không ngã lòng. Vua thấy cầu khẩn mãi chẳng được, giận dữ đưa tay ra và phán rằng : « Thầy chẳng nghĩ đến, thôi để ta làm thẳng cho thầy coi sẽ đi được hay không. Ta đã quyết định cầm thầy lại, không thì ta sẽ buộc thầy trở về. Ta để cho thầy thông thả suy nghĩ lại. Tốt hơn là nên nghe theo ta. » Huyền-Trang chẳng thuận tình bèn đáp lại khẩn-khái rằng : « Bần-tăng vì đạo cả mà đi, nào có sợ sệt ai. Bệ-hạ dầu muốn cầm lại thì chỉ giữ được xương cốt của bần-tăng thôi, chớ nào có khiến được tinh-thần và chí ý của bần-tăng đâu. »

Vua vẫn cố-ý cầm lại, hết sức nộ-nạt, hăm-dọa rồi đến ngon ngọt vỗ về. Bấy giờ vua càng trọng đãi thêm, càng phong thưởng thêm, cho đến bồn thán lo dọn cơm nước và hầu hạ bên thầy. Huyền-trang thấy vua chẳng khúmg cho mình đi, bèn hăm rằng sẽ nhịn đói luôn cho đến chết. Đoạn thầy ngồi ngay một chỗ, không hề dấy trở động tịnh, chẳng nói năng chi cả : rờng rá ba ngày không hớp vào miệng một nhử nước. Qua ngày thứ tư vua thấy hơi thở của thầy yếu dần và trông thầy có tuồng nguy. Vua then thường và sợ-sệt lắm, mới thụp quì xuống đất mà xin tội. Vua thề trước tượng Phật, chịu để cho thầy đi. Huyền-Trang vững lòng, mới nhận dùng ít món cơm canh. Nhưng vua xin bày nán lại một tháng đặng giảng đạo cho bá-quan và dân-chúng trong thành. Thầy vâng theo. Vua liền làm một nhà giảng, trong ấy dự được rất nhiều người nghe. Rồi cả triều-đình từ hoàng-thái-hậu, vua với cung-phi và các quan đều có dự với nhà sư-trưởng và các tăng-chúng, ai nấy đều nghe, rất kính phục tài diễn giải luận biện của thầy. Mỗi ngày, tới giờ giảng, vua đến rước thầy, tay cầm lư hương còn lưng thì thụp xuống để thầy nương theo mà bước lên đài.

Lúc trước vua vì thương tài mà làm đủ chước để cầm



giữ thầy. Bảy giờ vua lại giúp cho mọi bề bề thầy đi được dễ dàng. Vua e thầy phải lạnh vì sẽ trải qua dãy núi rất cao, nên sắm sẵn cho những mền, hia, áo và nhiều đồ cần dùng khác để đỡ lạnh. Vua ban các thứ vàng bạc, lụa là và mọi thức ăn dùng trong khi đi đường. Vua lại cấp cho ba chục ngựa tốt và hai mươi lăm kẻ ti-tùng. Vua hết lòng trông nom và phái sứ theo qua đến xứ người Thổ miền Tây vì vua kết tình liên-ban đậm đà với xứ ấy. Vào lúc đó, người Thổ miền Tây (fures occidentaux) cường-thạnh và văn-minh đến cực-điểm. Nếu được họ tưởng đến, cuộc hành-trình của thầy không lấy làm khó nhọc bao nhiêu, thầy còn được các nước khác tiếp đãi rất thanh-tinh. Luôn dịp vua đưa ra cho thầy hai mươi bốn lá thơ và các đồ lễ. Đến đâu thầy sẽ trình thơ và dâng lễ thì các nhà vua chúa sẽ đưa đón trang-hoàng. Nhưng vua cố ý muốn giới-thiệu thầy đến nước Thổ miền Tây, vì nếu nhờ nước ấy bảo bọc cho thì mọi sự đều dễ dàng. Cho nên vua sắm lễ-vật giao cho thầy, là năm trăm cây gấm chở vào hai cỗ xe, với trao ra một phong thơ, cả thầy sẽ dâng lên vua nước Thổ miền Tây. Trong thơ vua nói rằng :  
**« Nhà đại đức Huyền-Trang vốn là em của tôi, nay muốn qua Tây-Phương mà tầm đạo, nhân đi ngang ghé viếng nước ngài, nhờ ngài mở lượng che-chở cho thì kẻ viết mấy hàng này lấy làm cảm phục lắm. »**

Từ đây trở đi, thầy nhờ có vua chúa và mấy ông hoàng tiếp trợ, nên việc đi đường không đến nỗi quá lộn-độn như lúc đầu. Nghĩ lại một mình ra khỏi Trường-An, rồi trải qua các xứ lạ lùng, trong lưng chẳng có ai theo nâng đỡ, một sự rủi nhỏ-nhít cũng đủ hại mạng thầy. Nhưng người đã cố gắng thì Phật bản chứng cho, tai qua nạn khỏi, lại được vua Thổ trông nom cho rất hân hoi. Rồi nhờ đó mà đến đâu thầy đều vào thẳng kinh-thành, quen biết với vua chúa, giao thiệp với các danh nhơn. Nhất là nhờ thầy dâng thơ và lễ-vật đến vua Thổ miền Tây mà trăm việc đều hóa ra gọn gàng. Và nhờ đó thầy được bình yên mà đi thẳng vào gần đến Ấn-Độ.



Tướng đầu thầy đã đóng một vai sang trọng ở triều vua nước Thổ, nào ngờ vua ấy chẳng nỡ ép tình mà lại còn giúp cho mọi việc. Thật nhờ lòng kiên-nhẫn, chí khấn-khái và bụng thành-tin của thầy, bao nhiêu việc khó đều hóa ra dễ, bao nhiêu việc dở đều hóa ra hay.

Đến ngày tiễn biệt, vua, đình-thần, các nhà tăng với chúng dân đều đưa thầy ra khỏi thành. Vua vừa tiễn chơn vừa khóc muối. Thầy hứa chừng trở về sẽ ghé và náu lại ba năm với vua. Nhưng vua băng trước. Thành ra mười bốn năm sau thầy về không thể xử đáp với người ân !

Huyền-Trang ra khỏi thành vua, bèn nhắm xứ Yen-k'i mà đi tới. Có trải qua một hòn núi có danh nhờ nhiều mỏ bạc. Yen-k'i chính là xứ Ca-rá-ha (Qarashar), vẫn là đất nước phồn-thạnh ngày xưa. Những đoàn bộ-hành thường đi lại đó ma buôn-bán. Nhưng ở mấy khoản vắng hay có quân cường-đạo cướp giết của người. Thầy gặp thầy của nhiều thương-gia, vì muốn đi mau tới chợ, bèn tách riêng một mình, nên bị bọn cướp đón giết và giết đi. Chính thầy cũng có bị bọn ấy đón lại mà đòi tiền « mồi lộ »

Nhưng qua khỏi mấy khoản vắng thì đến xứ Qarashar, chợ-búa xem ra náo-nhiệt lắm. Việc buôn-bán đã thành phát mà nghề trồng-trặc vừng vàng là nhờ có núi phủ phía ngoài, có ngòi-rạch nhiều và đồng ruộng bao-giăng. Xứ ấy cũng thọ ảnh-hưởng văn-minh nhà Phật, mỹ-thuật xem ra khéo xảo, văn-vang, gốc ở cõi Ấn-Độ đưa vào. Trong xứ có mười nhà chùa với hai ngàn thầy tăng, tu theo Tiểu-thừa. Vua là người mộ đạo trọng tăng, nên vừa nghe có Huyền-Trang lại thì dơi hết quần-thần ra ngoài thành để nghinh tiếp và rước vào, giúp cho những vật cần dùng để đi đường. Vua vì đạo-đức mà hoan-nghinh thầy, chớ hẳn vua không thích với nước Turfan, thường bị bên kia ép-bức và lấn-lướt hoài. Tuy vua trọng đãi thầy, mà vua cũng dè dặt và để quân lính theo thầy ở ngoài thành. Huyền-Trang nghỉ một đêm ở đó. Đến sáng, thầy từ tạ lên đường, thẳng tới xứ Cút-ha (Kutsha). Đường tuy không bao xa, nhưng phải lần theo nhiều dãy núi rất cao, lấy làm nhọc mệt lắm. Thầy lại còn phải đi



ngang một con sông to và lần theo trường một đôi xa mới đến xứ Kutsha, tiếng phạn kêu là Cu-xi. Ấy là một tỉnh thành lớn nhất ở cõi Đông-Á miệt trung. Dân sự giàu có và phần đông đều khôn-lanh, giỏi-giẩn. Nghề canh-nông rất thanh với lúa, gạo, khoai, bắp. Công nghệ cũng tấn phát với nhiều mỏ bạc vàng. Phong-thổ điều hòa và tập-tục hiền lương, thành-thật. Tài hơn hết là nghề âm-nhạc, người bôn-xứ có thể ăn qua các nơi, họ xuất sắc về chỗ thổi sáo và đánh đờn. Mĩ-thuật khéo có tiếng, như nói tới đèn vua thì không xứ nào bằng. Các nơi đều nhận rằng đèn-đài, cung-điện vua Kutsha thật là cảnh thần-tiên, không kém bông-lai chút nào. Huyền-Trang là người tu, cứ quan-sát về tình-hình đạo-đức, nên không để ý đến các việc khác trước mắt bên tai. Chớ nhân-vật trong xứ thật là đẹp. Nhất là bọn thương-khách thích xứ Kustha vì hàng phụ-nữ ở đây mấn-mà, yểu điệu, trang-diễm coi tươi-lãng, dịu-dàng lắm. Trong xứ có nhiều dầu thơm phần tốt, xài không hết đến bán ra ngoài. Đàn-bà con-gái đã xinh đẹp, có đủ hương phấn, mà lại có tài đánh đờn, bản nào khó lạ đến đâu, họ nghe qua bèn lập lại trong vài lần là thuộc rồi. Nghề đờn có danh tiếng, khách tài-tử có truyền qua Trung-Quốc nhiều bản mà người ta lấy làm ưa. Đời nhà Đường, vua có rước qua một bọn ca-nhi để giúp vui trong những lúc lễ-tiệc ở triều. Xứ Cúc-Ha (Kustha) được khéo xảo, một phần lớn là nhờ ảnh-hưởng đạo-đức và mĩ-thuật bên Ấn-Độ. Và bởi xứ này ở ném về kẻ giữa cho nên cõi Viễn-Đông hiểu biết đạo-lý nhà Phật là nhờ mấy nhà đạo-đức ở Kustha đưa qua. Như vào thế-kỉ thứ tư, trước thầy Huyền-Trang vài trăm năm có nhà danh-sư Cưu-Ma-La-Thập (Kûmarajîva), con nhà qui-phái, qua học đạo bên Ấn-Độ rồi trở về xứ lo viết sách dọn kinh. Bấy giờ nhằm lúc sứ Tàu sang qua, thừa dịp ấy, ngài bèn vào nước Tàu, và dịch nhiều cuốn kinh, nhất là kinh Pháp-Hoa sau truyền ra ở các nước Viễn-Đông (1) Xứ này không xa Ấn-Độ, cho nên có nhiều chỗ

(1) Xem cuốn « Các tông phái đạo Phật », các ngài sẽ thấy những kinh sách soạn bởi Cưu-Ma-La-Thập.





Trước thầy Huyền-Trang vài trăm năm, có nhà danh sư Cưu-Ma-La-Thập (Kūmarajīva) con nhà quý-phái ở Kustha, qua học đạo bên Ấn-Độ rồi trở về xứ lo viết sách dọn kinh. Kể gặp dịp sứ Tàu qua, ngài bèn vào nước Tàu, và dịch nhiều cuốn kinh, nhất là cuốn Pháp-Hoa (Diệu Pháp Liên-Hoa-Kinh).

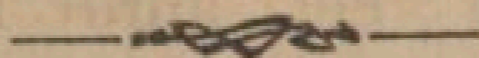


mường tượng với quê-hương đức Thích-Ca. Thầy Huyền-Trang lấy làm hân hạnh mà xem các tranh ảnh, hình tượng về nhà Phật. Vua là người rất mộ đạo, hằng bảo bọc, trông nom năm ngàn tăng-chúng ở các chùa và rất kính trọng nhà sư tổ mà vua thường hỏi ý-kiến luôn. Vua giao-thiệp với nước Tàu, giữ bề tôi, hằng đem lễ cống dâng cho hoàng-đế Trung-Nguyên. Tiên-vương đều giữ lễ với Tàu. Đến đời mình, vua cũng phái sứ qua nhà Đường nạp lễ vật cho hoàng-đế Thái-Tôn và có lãnh ấn sắc của nhà Đường. Vua đã là người trọng tăng mộ Phật lại ưa thân mật với người Tàu, nên nghe Đường-tăng thỉnh kinh vừa đến thì vua sẵn lòng tiếp rước vào triều. Vua đi cùng bá quan và mấy nhà danh-sư ra ngoài thành để đón thầy Huyền-Trang.

Khi vào thành, có một nhà sư đem dâng một tràng hoa. Thầy lãnh rồi đem đến bàn Phật mà làm lễ cúng dường. Thầy có viếng đủ các chùa và có luận đạo với chư tăng. Nhưng trong nước người ta tu theo Tiểu-thừa. Còn thầy chuyên về Đại-thừa nên ý-kiến về đạo-đức không mấy thích hợp với nhau. Thầy vẫn đuổi theo chủ-nghĩa bao-la, nay gặp mấy nhà tăng đeo theo triết-lý hẹp hòi bên Tiểu-thừa thì thầy cho rằng họ không đủ học-thức mà luận biện với mình, nên thầy chẳng phục tài ai hết.

Thầy có tranh biện với vị sư tổ trong xứ. Tuy cãi nhau về đạo-đức mà cũng không tránh khỏi những tiếng chua cay. Huyền-Trang cứ kích-bác triết-lý của mấy nhà tăng, nhưng thầy nhận rằng họ học đạo khá cao và ăn-ở thảnh-bạch lắm. Bên kia, tuy họ không đồng ý với thầy, chớ họ cũng thường lui tới luận đạo trong hai tháng trường, vì lúc ấy tuyết phủ cả núi thầy đi không được, phải nán lại xứ Kustha. Cùng nhau chống cãi có khi dữ dội, nhưng mấy nhà sư không phiền chút nào. Cho nên khi trời trong, tuyết rã, thầy định lên đường thì họ lại cấp cho rất nhiều tôi-tớ, lạc-đà với ngựa và theo đưa gót tới ngoài xa.

Ấy nhà đạo-đức đích đáng thì chẳng hề phụ nhau. Dầu ý-kiến và tông-phái có khác, chớ cũng không ngoài mấy chữ đại-từ đại-bi của Phật.







## Những dân-tộc lạ lùng

**T**hầy ra đi, phải qua một con sông rộng, đường sá không lấy gì làm khó. Nội vùng thuộc về người Thổ miền Tây, họ hằng canh giữ. Nhưng bởi đường dài khoản vắng, việc tuần phòng dầu kĩ, quân gian ác cũng dễ hoành hành. Chúng hay đón người giựt của, kéo nhau đi cả đoàn rất đông, có đủ khi-giải, cung, tên. Thầy đi được hai ngày, gặp một bọn cướp đến hai ngàn người, chúng mới vừa thâu đoạt tiền của và vật dụng của một tốp bộ-hành. Song vì phân chia không đồng mà chúng cãi lầy và la-lối nhau cho đến đánh đập nhau rồi mạnh ai nấy giựt. Việc cướp phá ở giữa đồng vắng, việc trộm đạo trong khi lữ-hành là những tấn tuồng tự cổ chí kim thường diễn ra trên mấy cánh đồng to núi lớn ở cõi Á-Đông ta vậy . . .

Qua khỏi đường thấp, bây giờ lần lần lên miệt non cao, hai bên triềng phủ đầy những tuyết. Thầy càng đi thì càng lên cao. Đường núi thấy rất nên ghê sợ, nên thầy có mượn bút tả cảnh để giải nỗi lòng : « Đến đây, trông ra toàn là một dãy núi bằng tuyết, về phía Bắc núi Ba-mia (Pamir). Chỗ này rất nên nguy-hiểm và đánh núi lướt lên tới trời. Có lẽ từ lúc tạo thiên lập địa, tuyết cứ bao phủ luôn luôn mà làm cho núi thêm cao, chất chồng lên đầy những thớt tuyết to tác lạ thường. Ròng rã cả năm cả đời, dầu xuân, dầu đông, cũng không bao giờ tuyết tan rã. Minh-mông từ phía, xa đến chơn trời cũng chỉ là tuyết lộn với mây, càng xem kĩ càng thấy tuyết trắng phau. Chỗ cao, chỗ thấp không chừng làm cho mình phải đi lên đi xuống, lại phải đi quanh lộn, rất lấy làm khó. Còn một nỗi đông gió to như bão đưa đến ném vào mặt những thớt tuyết như mấy tảng đá bay. Dầu có giày tốt với áo trùm năm bảy cái cũng không khỏi lạnh rung được. Cho đến muốn ăn, ngủ cũng không kiếm được chỗ nào. Thôi thì cứ nấu đồ trên không mà ăn và trải chiếu trên tuyết mà nghỉ ! » Một chuyến qua núi, thầy phải hao hết mười bốn người, chết vì đói rét, không kể số ngựa với bò chết loi-nhoi.



Qua khỏi triềng núi, thầy đi dài theo một mé rạch, chẳng bao lâu đến một cái hồ, nước nóng hằng năm, không bao giờ đặc như các nơi. Biền hồ này chừng một ngàn dặm bề tròn. Từ phía Đông đến phía Tây rộng lớn hơn từ phía Nam đến phía Bắc. Từ hướng đều có núi bao giăng, và nhiều sông rạch chảy ra đến biền hồ. Xem nước có màu xanh và đen, còn nếm thì mặn và chát. Khi thì sóng chạy đũa thành những cụm rất dài, khi thì trời hụp coi rất ghê sợ. Nước chỗ này nóng, và dọc theo bờ thì ấm áp. Đến mùa đông mấy ông hoàng thường đến tránh lạnh. Thầy Huyền-Trang đi vòng lên phía Bắc, gặp vua nước Thổ miền Tây đương đi săn. Ấy là nhằm đầu năm 630. Lúc đó nước này cường thịnh đến cực-điểm. Dân tình ưa thích việc binh đao. Trong khoảng ngoài một trăm năm, từ đầu thế-kỉ thứ sáu đến thế-kỉ thứ bảy, họ rất hăng-hái mà tung-hoành ở giữa cõi Á-Châu, tóm thâu những nước nhỏ ở gần, và kết tình liên-ban với mấy nước mạnh, như nước Tắc (Perse) và nước Byzance. Bởi họ gốc là dân mọi rợ, ở nhau xúm-xít thành đoàn lũ, ưa việc gây gỗ, tham-lam, cho nên thừa khi thế mạnh, họ bèn đánh mãi và cướp giựt xứ sở và tiền-của những dân đã bị họ chiếm-đoạt. Nhưng họ cũng sợ sự quả-báo, việc tội phước, nên họ trọng đạo-đức nhà Phật lắm. Vào năm 580, nhà vua tu theo Phật-giáo và có học đạo với một vị cao-tăng. Kế đến đời vua Tông-Che-Hou, gặp thầy Huyền-Trang, vua lấy làm trân-trọng.

Sử nhà Đường còn ghi rằng Tông-Che-Hou là một nhà vua oai cường. Tuy làm chúa một thứ dân-tộc bình bồng mà giang-san rộng rãi, cơ-đồ to tát lắm. Nơi biên-thùy một đảng giáp với nước Tắc, một đảng giáp với nước Tàu. Vua là một nhà chinh-chiến lệ-làng, can-dã-m, ra trận đánh rất hay. Thừa lúc vài nước lớn tranh giành nhau dữ dội, vua bèn chiếm-đoạt và đuổi xua những nước nhỏ làm cho cơ-nghiệp càng rộng thêm mấy phần. Và mỗi nơi vua đều có đặt người trong dòng họ mình ở trấn-thủ và ngăn-ngừa việc binh-tình ở ngoài. Bấy giờ nghiêm-nhiên là một vị hoàng-đế cường thịnh, chung quanh là các nước chư hầu hằng giữ bề tôi và dâng lễ cống. Với mấy nước yếu tha hồ lấn hiếp và đánh thuế có khi cũng nặng nề. Mà với vài nước mạnh thì



vua lại xử trí rất khéo. Như đối với Trung-Nguyên, đời nhà Đường, vua giao-thiệp thân mật lắm. Vào năm 620, vua có phái sứ qua Tàu, muốn hỏi cưới công-chúa. Và đến năm 627 vua đi lễ cho hoàng-đế Trung-quốc một sợi dây ngọc-đái nhận cả muôn hột thủy-xoàng. Lúc ấy, vua Thái-Tôn mắc lo dẹp giặc Mông-Cổ, định nên hiệp với nước xa mà đánh nước gần, nên sẵn lòng giao-thiệp. Tuy Thái-Tôn không đưa công-chúa nhưng cũng giữ tình lân-ban rất đậm đà và coi vua nước Thổ miền Tây như một người bạn thân vậy.

Thầy Huyền-Trang vì cảm về binh-pháp của họ nên có tả rằng : « Người ngựa đông đảo vô cùng. Chúa thượng xem rất oai - nghi, mình mặc áo gấm xanh, đầu không đội mào, thả tóc thòng xuống, nhưng chỗ trán có nịt bằng lụa và cho mối rớt xuống phía sau. Chung quanh là hai trăm vị quan võ, mặc toàn áo đẹp bằng lông chiên và cả thấy đều để tóc dài. Còn bao nhiêu binh tướng đều là những người rành về việc lên ngựa cầm thương, mặc áo bằng lông, nai-nịt hần-hồi, có đủ khí-giải cung, tên. Quân binh đầy đặc, Hắng-hà sa số, sắp lớp nhau trông đà mùt mắt.»

Thầy tả về binh-tướng và vua-chúa của họ, rõ ràng là một dân-tộc dã-màn, bạo-ngược, chưa có nề-nết thuần, chỉ giỏi trong việc chiến-chinh thôi. Họ cứ chuyên về sự cướp phá, không mấy khi nói đến công-ly, cho nên hễ ý muốn liền ra binh. Họ cứ xâm lấn và đánh phá mãi, nên chẳng bao lâu mà cơ-nghiệp họ rộng rãi, phú cường, đường đường là một dân một nước có thế-lực to lớn ở Á-Châu. Binh-pháp của họ tiến-bộ mãi, cho đến lúc thầy Huyền-Trang lại, họ lên đến cực-điểm rồi.

Nhưng là một dân-tộc cốt trọng việc lên ngựa cầm thương, ngoài ra không biết gì nữa. Văn-học, khoa-học, luân-ly, đạo-nghĩa họ đều không rành. Tình-thế tuy mạnh mà phong - tục vẫn dã - man hủ - bại. Dầu cho họ bạo phát thì lại bạo tàn. Một phen suy họ ngã rất nặng, đâu có đủ tinh-thần gì giữ lại được cho. Lúc thầy Huyền-Trang ghé thì họ cường thịnh vô cùng. Thầy đi chẳng bao lâu họ tan rã hết. Cho nên vào năm 630, họ kiểm-điểm, binh mã lần cuối cùng, trước khi họ phân chia nhau vậy. Mấy năm về sau, họ phải bị tướng nhà Đường



đánh phá rất nguy. Và vua Thái-Tôn thâu lại cho nước Tàu một phần đất rộng mà họ đã chiếm bấy lâu...

Thầy Huyền-Trang thấy họ tuy không có phong-tục vững-vàng mà họ cũng mộ đạo lắm. Mấy năm trước, nhà vua có rước một vị cao tăng, lấy làm ưa chịu và trọng lắm, hề có việc quan hệ là vua đến hỏi ý-kiến. Vị cao tăng và mười nhà đại-đức ở dạy đạo cho vua và bá-quan, kể qua năm 626 thì sang Tàu. Mấy vị ấy đi được bốn năm thầy Huyền-Trang mới lại. Vua vừa trọng đãi thầy, vừa nhắc nhở đức hạnh của nhà cao tăng kia.

Vua vì lúc đi săn gặp thầy, khi mãn cuộc săn bèn mời thầy về thành là một cái trại (tente) to lớn lợp bằng nỉ tốt, có kết tụi treo bông bằng vàng. Các quan ngồi hai hàng trên chiếu, mặc toàn đồ nhung. Phía sau, có một tượng đứng hầu. Tuy là chúa của một dân-tộc bình-bồng, nhưng xem ra cũng oai-nghiêm lắm-liệt lắm.

Vua với triều-thần đương lúc ngồi trên các nước chư-hầu, bờ cõi xa đến tít mù, họ lấy làm khoái chí, cùng nhau hỉ hạ vui mừng, hết dắc nhau đi săn bắn thì đến dùng những tiệc rượu ê-hề. Trong khi ăn thịt ngon uống rượu nồng, nhạc trời lên làm cho họ càng mê-mệt. Vua đương lúc vui về tiệc, mà cũng tưởng đến thầy Huyền-Trang. Vua khiến quân dọn cơm chai đãi thầy, đồ ăn khéo nấu, với bánh trái rất nhiều. Một bên là vua ngồi ăn yến với các sứ-giả lân-ban, một bên là thầy dùng đồ lạt. Vua rất trông nom thầy. Khi mãn tiệc, vua nhờ thầy giảng đạo cho. Bấy giờ giữa các quan sứ, giữa triều-đình nước Thổ, trước mặt vua Tong-Che-Hou, thầy đứng lên thuyết những lý cốt-yếu đạo lành : thầy giải về chủ-nghĩa từ-bi bác ái, giải về những phương-pháp để qua khỏi sông mê và để giải-thoát hoàn-toàn. Thầy thuyết pháp xong, vua đưa tay ra, thụp quì xuống đất và nói rằng mình rất thành tâm mà thọ giáo.

Bấy giờ đã nhận ra thầy là một nhà danh sư, vua rất yêu chuộng, và cũng muốn như vua bên xứ Turfan cầm thầy ở lại triều mà phong quyền-tước cao sang. Vua muốn làm cho thầy ngã lòng nên phán rằng : « Bạch thầy, thầy không nên qua Tây-Thiên-Trước đâu. Chính là một xứ nóng nực khó chịu lắm, cho đến mùa đông trời cũng nóng như



mùa hạ. Nếu thầy đi, thầy chưa qua đến đó, tôi e mặt thầy sẽ cháy hết đi. Dân ở xứ đó đen thui, phần đông họ kéo đi trần truồng coi ra thô-tục lắm. Thầy đến đó mà làm gì, có đáng công đâu.»

Thầy đáp : « Bệ-hạ thương mà phán như vậy, song bần-tăng đã nhứt định đi tìm đạo-lý, viếng dấu xưa tích cũ và lần theo chơn Tiên gót Phật.»

Vua không lẽ ép nữa, đành nghe theo. Bèn khiến quan làm giấy tờ giao cho thầy. Đến các nước chư-hầu thầy cứ trình ra, mấy ông hoàng sẽ trọng đãi lắm. Và vua có phái sứ đưa thầy đi đến xứ Kapiça. Thầy nhờ lòng quảng-đại của vua nên đến đâu cũng được dễ dàng. Nhưng thầy đi rồi, trong năm ấy vua bị thích khách. Vua vừa chết thì mười châu đều giải tán, binh lính đều chạy lạc đi hết. Chẳng bao lâu công-nghiệp đồ sộ kia tan tành như mấy dây đèn đài phải khi long trời lở đất. Một phen ngã, họ không còn dấu vết gì trên võ-trụ nữa.

Huyền-Trang nhắm hướng Tây đi tới. Qua khỏi một hòn núi lớn, thầy đến một chỗ rất lạ, có chín ngọn sông giáp lại thành ra một mối. Cuộc đất này có lại trăm dặm bề vuông. Phía Nam là những dãy núi tuyết, ba bề đều giáp với đồng bằng. Chỗ này có nhiều nước, nên cây trái phì mĩ tốt tươi lắm, bông lá sum-sê đầy đủ. Qua cuối mùa xuân, hoa rụng đầy trên đất như những bức tranh thêu. Người ta cũng gọi chỗ này là xứ có một ngàn sông-suối, vì ngòi rạch và ao vũng rất nhiều. Cuộc đất thật là mát mẻ, nên vua nước Thổ miền Tây thường đến để tránh nắng mùa hạ. Lại khắp nơi đều có nhiều nai, mỗi con có đeo lục-lạc, chạy nghe rồn rảng. Nai đã quen với người, cứ chạy trúng chỗ này đến chỗ kia, không sợ người chút nào. Vua ưa nai lắm và thích nuôi để coi chơi và có ra lệnh không cho ai giết hại. Hễ ai trái lệnh thì bị xử trảm. Nhờ vậy nên nai trong vùng được thông dong, tha hồ ăn chơi mãn đời.

Thầy qua khỏi sông Talas, đến một thành cũng một tên với con sông. Rồi thầy theo hướng Tây mà đi để tới một xứ có danh tiếng kêu là Xa-mát-Căng (Samarqand). Thầy phải lội ngang một cánh đồng vắng, cát đỏ lóm.



Đồng này cũng đáng ghê lắm, không nước, không hoa, mút con mắt toàn là cát, không thể độ đường còn bao xa. Thầy phải trông ra xa, lấy vọi một vài đỉnh núi cùng năm ba cái hài cốt của bộ-hành chết kbat, họa may có lần theo đó mà đi. Qua một khoản đồng vắng có lẽ đến 250 cây số, bấy giờ đến một con sông gần thành Xa-mát-căng (Samarqand). Ấy là một xứ cổ, vì lúc thầy Huyền-Trang ghé, thầy thấy dân họ đã văn-minh trước lối một ngàn năm rồi. Sử nhà Đường còn chép rằng người xứ Xa-mát-căng (Samarqand) giỏi về thương-mãi, trọng việc sanh-nhai. Trong mỗi nhà, con được hai mươi tuổi thì cha mẹ cho đi làm ăn xa. Và chỗ nào làm có tiền bạc thì họ đã có đến ở đó rồi.

Lúc thầy Huyền-Trang đến, tình-hình thương-mãi trong xứ cũng thanh-hành, địa-thế rất tốt, vì thương-khách Tàu muốn qua xứ I-răn (Iran), hay là thương-khách xứ I-răn muốn qua Tàu, đều phải ghé lại đó. Lại trong xứ có đồ tốt ít nơi bằng và quí giá lắm. Còn đất cát có đủ các thứ cây trái, bán ra rất đắt tiền.

Người trong xứ thường hay giao-thiệp với nước Tắc (Perse), phong-tục và chữ-nghĩa giống bên ấy nhiều phần. Mà về tôn-giáo thì họ tin thần lửa. Nước Xa-mát-căng (Samarqand) đã mấy lần bị người cai-trị, nhưng cũng được thoát ra khỏi ách nô-lệ. Lúc thầy Huyền-Trang đến, tuy được tự-trị mà vua phải nạp lễ cống cho vua Thổ miền Tây. Tình thế không lấy gì làm eo ngặt vì hai bên vẫn có bà-con.

Vậy mà họ còn sợ một vài nước mạnh, nên sau khi thầy Huyền-Trang đi thì nhà vua phái sứ qua Tàu và chịu nhận mình làm một nước bảo-hộ của Tàu. Vua Thái-Tôn thấy xứ Xa-mát-căng (Samarqand) rất xa-xuôi, cách trở bởi nhiều đồng cát nguy hiểm nên không muốn. Vua phán rằng : « Trẫm không ham danh-vọng mà làm hại dân. Nếu trẫm nhận bảo-hộ nước ấy, thì phải ra binh đến đó để ngăn ngừa cơn giặc-giả, tội nghiệp quân-linh phải trải qua cả muôn dặm đường, trẫm đâu có nở ! » Thái-Tôn tuy không muốn giúp sức, mà cũng vui lòng giao-thiệp với nước Xa-mát-căng (Samarqand), thường phái sứ đến đó và cho thương-khách thông thả lại qua.



Thầy Huyền-Trang vào thành Xa-mát-căng (Samarqand) tưởng như đến một thế-giới khác rồi. Thầy nghĩ rằng chỗ này ngày xưa có lẽ là một nơi danh tiếng về đạo Phật với nhiều chùa to sãi giỏi, mà bị ảnh-hưởng của nước Tắc nên người trong xứ đều bỏ phế Phật-giáo đi. Bởi quá nhiệm tôn-giáo ở nước Tắc cho đến vua và dân-chúng không còn tin đạo Phật nên họ trọng nhứt vị thần lửa. Thầy đến, vua tiếp rước có lễ phép, mà bề trong có tưởng khi-bạc. Nhưng, qua ngày kể, thầy thuyết lý và giảng đạo tại trào, vua lấy làm kinh phục lắm.

Vua trọng thầy, có lẽ bởi yêu tài đức, mà có lẽ cũng muốn làm vui lòng một nhà cao tăng của Đường Thái-Tôn. Vì vua có ý muốn nhờ nước Tàu bảo trợ cho đặng khỏi nước Tắc và nước Thổ miền Tây ép bức.

Vua bèn trợ tiếp cho thầy. Trong lúc ấy, dân-chúng rất oán ghét kẻ khác đạo, họ cố phá và đốt nhà trọ của thầy. Nhưng vua bắt được và phạt họ nặng nề. Nhờ có thầy xin họ mới được giảm tội.

Nước này phồn-thạnh về vật-chất. Về tinh-thần và tôn-giáo thì lồi thối, khi thì theo đạo này, lúc lại theo đạo nọ, tùy theo nước mạnh ở gần. Chính nhờ có thầy Huyền-Trang lại, vua và đình-thần vừa phục tài thầy vừa kiêng oai nhà Đường, nên nhiều người đã xin thầy nhận cho làm đệ-tử Phật. Thầy bèn mời bá-tánh lại, lập hội-nghị đoan trang và ban-hành điều-ước sùng-tu những chùa xưa đã hư sập và chấn chỉnh nền Phật-giáo trong nước. Sau khi thầy đi, nước Xa-mát-căng (Samarqand) gây dựng lại đạo Phật, ở trên vua ra lệnh lập chùa chiền và tầm rước những danh sư.

Ấy trách-nhiệm thầy rất thanh cao, đích đáng. Chẳng những thầy chịu các điều cực khổ trong việc đi đường, giữ đạo về phần xác theo luật nhà tăng, mà thầy lại còn giải thoát và cứu vớt cho người khỏi những nỗi mê-tin dị-đoan.

Và ai bảo thầy là một người chẳng trung với vua-chúa và nước-nhà ? Tuy ra nước ngoài, không có vua tiếp giúp cho, mà đi đến đâu thầy cũng nhận rằng mình là cao-tăng nhà Đường, và hằng nhắc đến oai-thế của vua Thái-Tôn.

Nhờ là dân Trung-Nguyên, thầy được người trọng



đãi. Mà cũng nhờ thầy có tài biện luận, có chí cao thượng nên người ta càng kính phục nước Tàu. Như có nhiều xứ còn ngần ngại nên chưa giao-thiệp với nhà Đường, nhưng đến khi có thầy lại thì họ nhứt định phái sứ qua Trường-An đề ra mắt vua Thái-Tôn. Thầy từ giã thành Sa-mát-căng (Samarqand), bèn đi thẳng theo hướng Nam, đến một hòn núi cũng là một chỗ ngách của dãy Ba-Mia (Pamir). Đường núi rất hiểm nguy, đầy những hầm hố sâu thâm-thẳm. Tuy là núi mà không có một cọng cỏ, một nhĩ nước. Đi được ba trăm dặm, đến giữa núi. Chỗ này người ta gọi là « Cửa Sắt » (Portes de fer), vì hai dãy núi chạy dài nhau, ở giữa có đường truông chật hẹp, đầy những hố, còn hai bên là đá chập chồng cao đến mây xanh, mà đá thì đen sì như sắt. Thật trong núi đá cũng có nhiều mỏ sắt. Đi mút đường gặp một cái cửa sắt, có hai cánh lớn, trên cửa có treo lục-lạc bằng sắt. Chỗ này khó đi lắm, người ta cấm nhật và giữ gìn kĩ càng. Ấy là biên-thùy phía Nam của người Thổ miền Tây. Họ canh giữ và đánh thuế trong vùng và những thương-khách vào ra nước Ấn-Độ.

Khi qua khỏi Cửa-Sắt, trông lại phía sau là Á-Châu miền trung-ương, còn phía trước là cõi Ấn-Độ mà thầy lối thấy rồi. Bao nhiêu nhọc nhằn đã trải qua rồi. Nhưng gần đến xứ Phật, còn phải chịu lắm điều cực khổ nữa, gặp đến mấy phần. Từ Trường-An qua đến Cửa-Sắt, thầy chỉ khảo về nước-non và phong-tục của người, mắt thấy tai nghe lắm việc lạ hơn ở quê-nhà. Nhưng về phần đạo-đức, thầy chưa nghiên-cứu được bao nhiêu. Những xứ thầy đã trải qua rồi đều có văn-minh vật-chất thật, về tôn-giáo thì còn bơ thờ lắm. Phần nhiều là những dân-tộc bạo-ngược nương theo thời-thế mà dựng nên cơ-nghiệp, chớ không phải là bực trí-thức anh-hùng. Họ mới vừa lập đất nước, thì có mấy khi nghĩ đến đạo-đức đâu.

Thầy Huyền-Trang sắp gặp tay đề luận đạo, sắp thấy những dấu-tích của Phật-tổ với tín-đồ, sắp viếng nhiều chùa danh tiếng ngày xưa. Nhưng trước khi cho hưởng quả quý thì Trời Phật còn vây vò, còn thử đến mấy phen, bấy giờ cửa từ-bi mới mở trọn dưới chơn, thầy rộng đường bước tới, tha hồ rước lấy đạo-đức thanh-cao vậy.



## Gần tới Tây-phương Phật

Qua khỏi « Cửa Sắt », thầy đi ngay tới, chẳng bao lâu vào một nước cổ tên Bắc-tri-an (Bactriane). Ấy là một nước có danh tiếng từ đời thượng-cổ, trước tiên-sử đã trải bao lần thành bại rồi. Nước Bắc-tri-an trước đã thuộc về nước Hy-Lạp (Grèce), bấy lâu nay thờ đạo Phật, có chùa chiền to lớn và kinh sách rõ ràng. Dân-tình giàu có và hiền lành. Nhưng rấn mình vào giữa, chung quanh là nhiều dân-tộc, dã man, độc ác, thường hay thừa dịp mà đánh phá và cướp giựt. Nhất là bọn Hung-Nô bên Mông-Cổ là đáng ghê hơn hết. Chúng-nó không quyết vào xứ làm ăn, quanh năm mãi đời cứ tập cỡi ngựa cầm cung cho bắt thiệp rồi coi nước nào giàu có thì kéo tới mà cướp giựt, tha hồ quơ vét. Chính ngay nước Tàu vĩ-đại kia cũng tránh không khỏi bọn nó. Vào thế-kỉ thứ năm, nhằm năm 425, giặc Hung-Nô kéo vào xứ Bắc-tri-an, đục đầu vét đó. Chẳng những chúng cướp những nơi tiền nhiều của lắm, mà chúng lại còn phá hại những dấu tích và mỹ-thuật, đền đài. Chùa Phật ở Bắc-tri-an là quý và mỹ-thuật nương theo Ấn-Độ và Hy-Lạp là xảo đều bị chúng đập tan-tành. Bọn Hung-Nô cai trị được trên một trăm năm. Người trong nước dưới quyền áp-chế của chúng-nó lấy làm thống khổ. Kế qua thế-kỉ thứ sáu, vào năm 566, hai nước Tắc và Thổ miền Tây hiệp nhau lại và đuổi được bọn Hung-Nô. Hai bên điều-đinh nhau xong, nước Tắc liền lãnh quyền cai-trị xứ Bắc-tri-an.

Kế chẳng bao lâu, thừa khi nước Tắc mắc lo việc chinh chiến với một nước gần, người Thổ miền Tây bèn đoạt lại về mình. Lúc thầy Huyền-Trang ghé, xứ Bắc-tri-an thuộc về Thổ miền Tây; có một ông hoàng Thổ cai-trị làm sứ-quân. Thầy vào thẳng kinh-đô, viếng sứ-quân chính là thái-tử con vua nước Thổ Tuộc-phần (Turfan). Thầy vào viếng vua và



luôn dịp đem tin bên nhà cha và anh về vua. Vua tiếp đãi trọng hậu lắm. Chẳng những vì có cha và anh gởi gắm thầy cho mình nên vua vui lòng giúp đỡ, mà cũng vì vua là người rất mộ đạo nữa. Vua quá yêu quá trọng, toan đưa thầy qua tới Ấn-Độ, nhưng vừa lúc ấy xảy ra một cơn thay bực đổi ngôi làm cho thầy phải đi một mình với chút ít quân hầu. Lúc ấy vợ vua là công-chúa bên Tuộc-Phăn (Turfan) băng đi. Vua đem một cô khác lên làm chánh-hậu. Nhưng cô này trước đã có giao tình với một ông hoàng, cũng con vợ trước vua Thổ miền Tây. Cô bèn lập mưu bỏ thuốc độc cho chồng chết và tôn tình-nhơn lên ngôi. Trong cuộc thay đổi vua chúa ấy, tuy lộn-xộn về việc nội-trị chút ít, mà thầy Huyền-Trang không có gặp điều gì trở ngại. Tân-vương cũng đãi thầy tử tế, và mời thầy đi viếng thành Fou-ho-lo (Balkh) có danh về đạo Phật và có nhiều chùa.

Ấy là một tỉnh thành xưa, còn nhiều cổ-tích. Và dân-chúng cũng còn tôn-sùng đạo Phật. Sau khi Phật tịch Niết-Bàn, vào đời vua A-Dục, ba trăm năm trước dương-lich, đạo Phật ở đây đã thành hành. Bấy giờ xứ này hằng giao-thiệp với Ấn-Độ, và sứ vua A-Dục thường đến viếng vua Bắc-tri-an. Sau trải qua mấy nhà vua Hy-Lạp và mấy cuộc chánh-trị thay đổi, người ta vẫn bảo-tồn Phật-giáo rất kĩ cang. Như quân Hung-Nô phá hủy nhiều nơi mà ở thành Fou-ho-lo, dấu xưa tích cũ vẫn còn. Lúc thầy Huyền-Trang ghé thì đất-nước phì mĩ, cây cỏ tốt tươi, dân-sự đông đảo, thanh phát lắm. Tuy giặc Hung-Nô có tràn qua một lần, nhưng cũng còn đến một trăm cảnh chùa với nhiều tích Phật và ba ngàn thầy tăng. Ở đây người ta tu theo Tiểu-thừa. Nên khi luận đạo thầy với họ không lấy làm thuận nhau. Nhưng họ học khá lắm. Một ít nhà danh sư có cất nghĩa cho thầy nhiều đoạn khó trong kinh sách căn-yếu bên Tiểu-thừa thì thầy chịu phục tài họ.

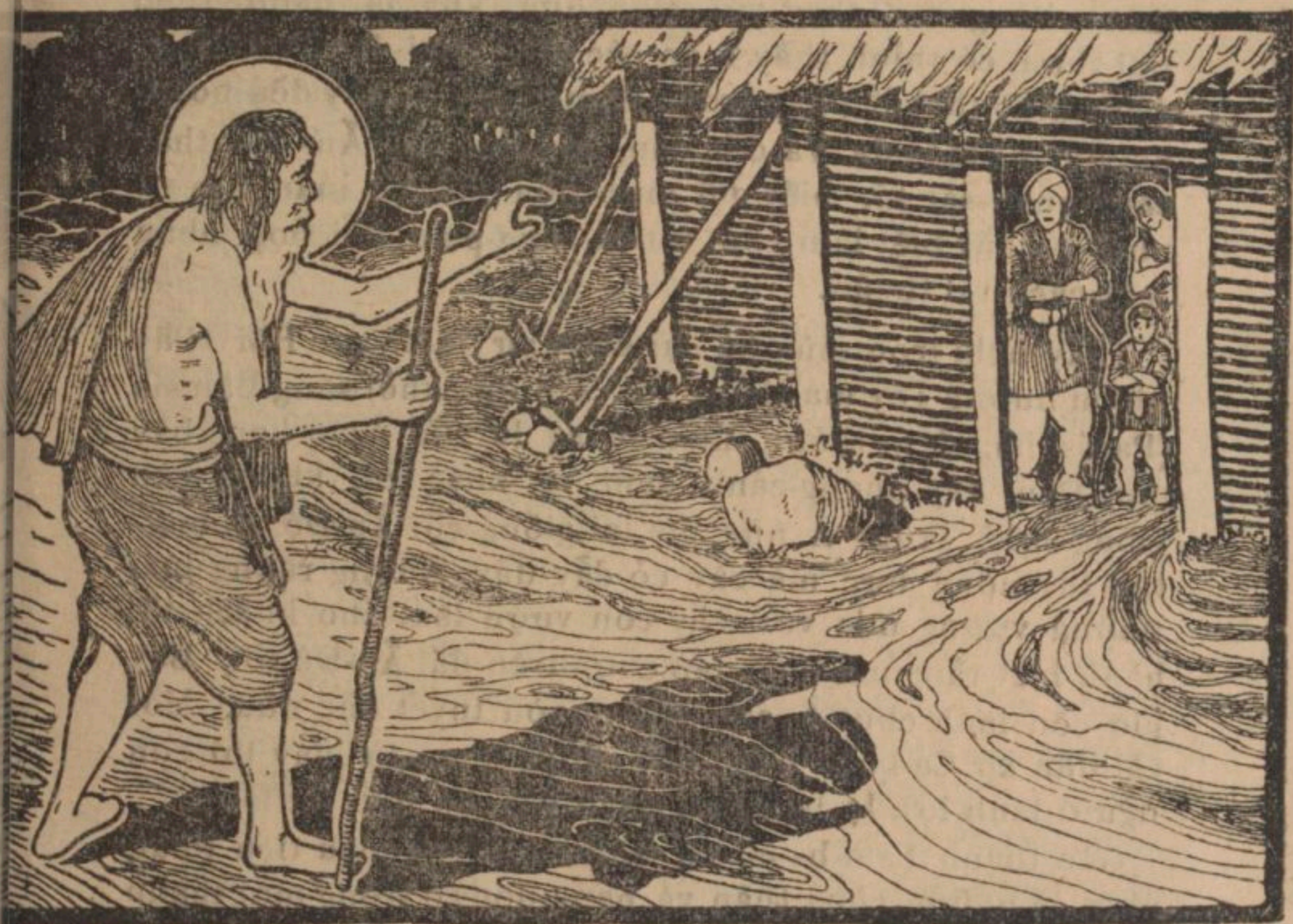
Thầy từ giã mấy nhà sư, bèn lướt theo đường núi tuyết Hindu-Kush. Từ đây nhọc nhằn lắm. Lúc trước tuy đồng vắng núi cao là khổ, mà miệt nầy lại nguy đến mấy phần. Mịt mù những tuyết, cho đến mây cũng động thành tuyết,



lại thêm đông gió thổi tứ tung, không còn biết chỗ nào là trống trải khoáng khoáng. Người ta đều ghê sợ. Một ít nhà thi-sĩ đã trải qua, có vịnh rằng : « Nước đặc đóng thành núi cao, và tuyết bay xa ngàn dặm. » Thầy đi đến giữa chừng núi, gặp một cảnh thị-tứ sáng rõ, thành Ba-mi-gian (Bamiyân). Ai ở bên Trung-Á muốn qua Ấn-Độ cũng phải đi ngang chỗ này, cho nên sự buôn-bán khá thịnh mà các nhà sư hành-cước cũng hằng ghé nghỉ chơn. Chỗ này lạnh lắm, ít có bông hoa và cây trái. Mùa đông thì có lúa mì. Người ta nuôi thú-vật, nhất là trừa và ngựa. Dân trong xứ dữ dằn, nghịch hợm, không mấy ưa giao-thiệp với người. Mà về lòng tin-ngưỡng thì họ khá lắm. Lúc thầy ghé, thành Ba-mi-gian có chừng mười nhà chùa với ít ngàn tăng-chúng thầy đều tu theo Giáo-thừa. Thầy có viếng nhiều cảnh chùa, cất theo động đá, rất chắc chắn, vững vàng. Và thầy có làm lễ trước hai tượng Phật to lớn, một tượng năm mươi ba thước và một tượng ba mươi lăm thước. Họ sơn phết rất khéo, mới thấy ngỡ là bằng đồng.

Thầy ra khỏi thành Ba-mi-gian, bèn theo đường truông. Đến khi toan qua dãy núi Si-bà (Shibar), thầy bị một trận cuồng-phong và lạc đường. Nhưng may gặp một bọn người đi săn, họ chỉ đường cho thầy. Qua khỏi núi một đôi xa, bấy giờ lối thấy cảnh đồng cỏ gần xứ Ca-bì-xa (Capiça). Chỗ này nhờ địa-thế tốt nên có đủ sản-vật, dân-chúng phần nhiều đều dư ăn. Thật là một nước phồn-thạnh, có tiếng từ buổi xưa. Vua là người khoẻ mạnh oai-phong, có cả chục nước chư hầu, các nơi đều kính phục. Vua giao-thiệp chắc-chắn với nước Tàu, có dâng qua nhà Đường nhiều ngựa tốt. Và vua Thái-Tôn cũng đáp lại bằng những lễ-vật đích đáng. Lúc thầy Huyền-Trang đến, nước Ca-bì-xa được thanh vượng. Vua là người có thế-lực và rất mộ đạo. Dân-chúng phần đông cũng đều theo đạo Phật. Bởi kinh-thành không còn cách với Ấn-Độ bao xa, nên thầy đã thấy nhiều nhà du-tăng Ấn-Độ đi viếng những chùa có danh. Máy nhà sư phần đông đều mặc rất đơn sơ. Nhiều người không cần che thân bằng áo quần. Có





...Mấy nhà sư phần đông đều mặc rất đơn sơ. Nhiều người không cần che thân bằng áo quần. Có người chỉ dùng một tấm vải cho khỏi ôa lô thôi. Họ lấy làm thích với cảnh nghèo...



người chỉ dùng một tấm vải cho khỏi lửa lò thôi. Họ lấy làm thích với cảnh nghèo. Nhiều chùa chen nhau mà rước thầy, chỗ thì theo Tiểu-thừa, chỗ thì có tuồng theo Đại-thừa.

Lúc ấy có nhà sư Tiểu-thừa bên thành Fou-ho-ho xứ Bắc-tri-an đi theo, thầy muốn làm vui lòng bạn nên ghé vào chùa bên phái Tiểu-thừa. Tuy ngụ trong chùa ấy, nhưng thầy thấy ý-kiến người rất hợp với mình. Chính là mới lần đầu thầy đến một nước mà đạo-lý bên Tiểu-thừa không sai chạy với Đại-thừa. Vua là người theo Đại-thừa, có thỉnh thầy luận các tông-phái đạo Phật. Thầy giảng kinh thuyết pháp trong năm ngày. Ai nấy đều hoan-nghinh và thỏa dạ. Và đến sau, khi qua tới Ấn-Độ, thầy càng quan-sát kĩ, biết giữ mực hòa nhã mà luận đạo và nhất là thầy biết làm cho nhiều tông-phái hội hợp nhau một cách rất thuận.

Thầy nghỉ trọn mùa hè tại chùa xứ Ca-bi-xa. Rồi thầy nhắm hướng Tây mà thẳng tới. Khi qua khỏi sông Bân-sia (Panjshir), đến thành Lam-ba-ca là xứ Lam-han bây giờ. Đến đây phong-cảnh xem ra khác rồi, không còn giống miệt Trung-Á nữa mà lại giống cõi Ấn-Độ. Phong-thổ tuy nóng nực mà cây cỏ đầy đầy. Những ruộng lúa, những vườn mía với mấy con vượn làm cho khách lữ-hành biết rằng mình đã đạp chơn trên đất Ấn-Độ rồi. Bây giờ còn lạnh chút ít chớ không còn tuyết đặc nữa. Mới rồi dân xứ Ca-bi-xa hung dữ, gặt gao, mà từ đây thì con người lạnh lợi, lệ làng, ưa thích việc ăn mặc tốt lành.

Gần thành Lam-ba-ca có nhiều nơi còn dấu tích Phật, nhất là những chùa tháp và hang động ở trong một thành cổ kêu là Na-ga-ra-ha-ra (Nagarahâra). Cách chỗ này chừng hai dặm, có một cảnh chùa xưa to lớn vốn của vua A-Dục cất. Ở đây có một truyện tích hay, là lúc đức Thích-Ca còn luân hồi. Một kiếp kia Ngài có gặp Phật Nhiên-Đăng, gần thành Na-ga-ra-ha-ra. Bấy giờ Thích-Ca là một chàng trẻ tuổi. Thấy Phật Nhiên-Đăng là một nhà Đạo cả, già thiếu-niên bèn thụp xuống lạy, tóc rớt trải ra trên đất như một tấm khăn nhưng quý đẹp. Chàng làm lễ rồi thì Phật Nhiên-Đăng thọ ký cho, mách rằng về sau chàng



cũng sẽ thành Phật và cứu vớt chúng-sanh, hiệu là Thích-Ca-Muru-Ni Phật.

Nhiều chùa khác có dấu củ của Phật. Chỗ thì thờ xương sọ, chỗ thờ áo, có chỗ thờ cây gậy của Ngài.

Lúc trước vua A-Dục tu bồ và cất thêm chùa. Sau dân-sự trong vùng cứ thờ Phật luôn. Cho nên xứ này thường có mấy nhà tăng lữ-hành đến viếng.

Lúc Phật sanh-tiền, Ngài không có đến thuyết pháp tại đây. Song khi Ngài tịch, người trong xứ cũng thờ tro-tàn xá-lợi, dấu tích và tinh-thần của Ngài. Vả lại cũng là một chỗ mà trong nhiều kiếp trước Ngài có đầu thai lại cho nên cũng đích đáng với đạo lắm.

Có điều đáng tiếc là lúc thầy đi đến đó thì tình-hình đạo-đức đã suy đi bộn rồi. Tuy còn ảnh-hưởng khá sâu, nhưng trong xứ phải một phen bọn Hung-Nô tràn tới, phá nát chùa chiền với nhiều dấu xưa. Dân-sự còn trọng đạo Phật thật, và quanh vùng còn nhiều chùa thật. Mà số tăng-đồ ngày một kém dần. Và tháp xưa đã đổng đầy cây cỏ rong rêu. Kể vài mươi năm sau, lại phải một cơn giặc A-rập chiếm đoạt, bọn ấy đánh phá tan tành, hư sập hết.

Cách thành Na-ga-ra-ha-ra chẳng bao xa, còn một nơi cổ-tích. Là chỗ Phật trừ một con rắn to. Còn bóng Ngài ở tại hang rắn. Thầy định đi lại đó viếng cảnh. Đường đi đến hang thì khó và nguy lắm, đã vắng lại đầy những cường-đồ. Nhiều năm rồi, không còn ai léo tới đó, và cũng không một nhà tăng nào bước chơn đến. Mấy sư đi với thầy đều cản lại và bảo đừng đi. Nhưng thầy không nghe, đáp rằng: « Biết rồi cả trăm đời sau còn gặp được bóng Phật nữa chẳng! Bần-tăng đã đi đến đây mà không vào viếng cảnh và làm lễ Phật thì đâu có hay gì? Mấy huynh cứ đi trước, bần-tăng qua đó rồi sẽ theo sau.» Thầy đi một mình vào động.

Gần tới động, gặp một cảnh chùa, nhưng không ai chịu theo mà chỉ đứng. May đâu gặp một ông lão, ông vui lòng dẫn đường giùm. Đi vừa được vài dặm, có một bọn cướp năm đứa nhẩy ra cản lại, tay cầm gươm đao chém. Thầy dõ mủ và trịch áo cho bọn ấy biết mình là nhà



đạo. Một đũa hỏi rằng : « Thầy đi đâu đây ? - Bần-tăng muốn vào động viếng Phật. — Thầy không biết chỗ này là ở ăn-cướp sao, mà còn tới ? — Dầu là ăn cướp nhưng anh-em cũng là người. Bần-tăng quyết đi lạy Phật, dầu đường có đầy ác-thú bần-tăng cũng cứ đi, không lấy gì làm sợ. Mấy anh em cũng là người, có lương-tâm, có Phật-tánh, biết thương cảm thì hà tất bần-tăng phải sợ ? »

Bọn cướp nghe nói, cảm-phục lắm bèn tháo ra mà để thầy đi. Bây giờ đi vào. Động ở về hướng Đông một cái suối, hai bên suối có hai dãy núi.

Động ở ném vào trong một hòn đá lớn. Thầy mới bước vào khỏi cửa, thấy ở trong tối tăm lắm. Ông lão chỉ đường bảo rằng : « Thầy cứ đi thẳng vào trong. Khi đến vách phía Đông, thầy hãy đi lui lại chừng năm chục bước và trông ngay về phía Đông, ấy là chỗ có bóng Phật vậy. »

Huyền-Trang một mình đi vào động. Theo lời ông lão thầy đi một chút đứng ngắm vách phía Đông. Thầy lui lại và đứng ngay ra. Thầy lấy hết lòng thành-tin mà thờ Phật, đoạn lạy đến một trăm lần, nhưng không thấy gì hết. Thầy lấy làm hối hận các tội lỗi mình nên than khóc rất bi thảm. Kế thầy cũng lấy lòng lòng thành mà niệm kinh-tâm và tụng kệ già-đà (gatha), vừa niệm vừa lạy. Thầy lạy đến một trăm lạy nữa thì thấy ở bên vách phía Đông có hào-quang, lớn bằng bình bát, nhưng vừa lộ ra liền biến mất. Thầy mừng khắp khởi và còn trách mình ít phước nên niệm kinh và lạy thêm. Chuyển này thầy thấy hào-quang lớn bằng một cái hồ, rồi cũng liền tiêu mất như bóng chớp. Thầy khoái chí lắm bèn nguyện rằng nếu không thấy Phật thì không chịu ra khỏi động. Thầy vái lạy thêm. Thình lình cả động sáng rõ ra. Thầy thấy rõ hình Phật trên vách rất oai-nghiêm. Bấy giờ cảm tưởng thầy như khi không mây vệt ra làm cho thầy thấy được một cảnh núi bằng vàng. Gương mặt của Phật sáng lạ thường. Thầy nhìn sửng, ngó không biết mỏi mắt. Minh Phật và áo tràng đều vàng hực ; từ gối lên trên đẹp vô ngần. Còn phía dưới, tòa sen tuồng như khuất trong mây. Hai bên và phía sau đều đủ Sa-môn và Bồ-tát theo hầu Phật.



Thầy nhận rõ điềm lạ ấy, bèn bươn bả ra ngoài bảo sáu người theo mình đem nhang đèn vào làm lễ Phật. Nhưng lửa sáng ra thì hào-quang Phật lại mất. Đoạn thầy bảo tắt đèn, liền thấy lộ ra hình Phật. Trong sáu người theo thầy có năm người được thấy, còn một người nữa không thấy gì hết... Thầy đã nhận rõ, qui lạy rất thành kính, tụng niệm và dâng hoa cúng Phật. Thầy làm lễ xong, hào-quang hết sáng. Thầy bèn lạy tạ và ra đi.

Bấy giờ thầy muốn đến một xứ tuy đã suy sụp mà xưa kia rất có tiếng tăm. Ấy là xứ Gan-đát-ra (Gandhâra) đã từng có tên tuổi trên lịch-sử Á-Đông. Chính là chỗ mà mấy nhà vua Hy-Lạp bị hãm bên Bắc-tri-an, bèn về nương ngụ trên một thế-kỉ. Xứ Gan-đát-ra có một thành kêu là Bết-ha-Hoai (Peshawar), kinh-đô về mùa đông của một nhà vua có danh tiếng là Ca-nít-ca (Kanishka). Bết-ha-Hoai là một thành cổ, đã hưng thịnh trên cả ngàn năm và nhờ chung quanh có núi bao bọc nên tránh khỏi việc phá hại của giặc Hung-Nô. Xứ Bết-ha-Hoai có nhiều người giỏi về Phật-học. Và là một nơi có nhà mĩ-thuật đúc tượng Phật trước nhất ở Á-Đông. Hiện nay bên Âu-Mỹ và trong các nhà cổ tích, những tượng Phật xưa và khéo hơn hết đều gốc ở Bết-ha-Hoai. Lúc trước người ta không dám đúc tượng Phật, cho nên không chỗ nào có hết. Bỗng đâu bên Bết-ha-Hoai có một nhà thiếu-niên đúc hình Phật theo như người thật. Rồi từ đó mấy nước gần đều đến thỉnh đem về. Lần lần đảo Tích-lan (Ceylan), Tàu, Nhật, chỗ nào cũng đều lên cốt Phật nương theo Bết-ha-Hoai.

Hai trăm năm trước thầy Huyền-Trang, có hai nhà đại-đức bên Đại-thừa dọn kinh sách có giá trị, các nhà tăng rất hoan-nghinh: một nhà tên A-tăng-già (Asanga) một nhà nữa tên Phật-tô-bàn-độ (Vasubandhu) quê-quán tại Bết-ha-Hoai, đều là bậc cao-học. Thầy Huyền-trang từng xem kinh sách của hai vị ấy. Nhưng rủi cho thầy đến đó thì bọn Hung-Nô đã tràn qua trước một thế-kỉ rồi, làm cho xứ Gan-đát-ra nghiêng ngã mà thành Bết-ha-Hoai cũng tan-tành. Nên thầy có than rằng: « Dòng dõi nhà vua đã tiêu diệt rồi, đất nước đã tuộc về xứ Ca-bi-xa rồi. Nào



thiền-thị, nào thôn-quê, ở đâu cũng trống trải lạnh tanh, trong xứ chỉ còn lại một mớ dân thưa. Trọn kinh-thành Bết-ha-Hoai mà còn có một ngàn nóc gia vời trên một ngàn cảnh chùa. Nhưng chùa hư hao quanh quê, cỏ lau vầy phủ um tùm, cảnh tinh rất nên buồn thảm. Cũng còn những tháp xưa, mà tháp cũng như chùa.» Một cơn cơn quá vực ghê-gớm, một cuộc tàn-hại lớn lao cho đến đồ cổ-tích đều mất cả mà cái bình bát của Phật đựng cơm thờ trong một cảnh chùa tại đó cũng không còn

Thầy viếng các chùa tháp, bụng rất ngậm ngùi. Tại Bết-ha-Hoai còn một cây cổ-thọ. Ngày kia có bốn vị Phật ngồi nghỉ chơn nơi cội cây ấy. Về sau vua Ca-nít-Ca làm tháp đề thờ. Người ta nói rằng một hôm vua Ca-nít-Ca đi săn, đến cội cây gặp một đũa trẻ mục-đồng, lúc ấy vua chưa qui-y đạo Phật. Vua vi theo đuổi một con thỏ nên lạc đến cội cây. Trẻ mục bèn lập lại lời Phật mà rằng: « Ta tịch chừng bốn trăm năm, sẽ có một nhà vua nổi tiếng trên hoàn-vũ, tên là Ca-nít-Ca. . . » (1) Vua nghe nói tin lắm, sau lập một cái tháp chỗ ấy mà thờ Phật.

Huyền-Trang ra khỏi Bết-ha-Hoai, và đi lại một thành nữa cũng trong xứ Gãn-đá-ra. Ấy là thành Bút-ca-rát-hoa-ti (Pushkarâvatî). Chỗ này có một cái tháp của vua A-Dục xây vì vua muốn nhớ tích một kiếp trước Phật dâng cặp mắt cứu người. Gãn thành Bút-ca-rát-hoa-ti có vài nơi cổ-tích, mỗi chỗ đều có xây tháp. Chỗ thì Phật làm cho một con chẵn tinh cái hóa thành đá. Chỗ thì một thầy tăng trẻ rất có biểu bị một ông vua dữ tợn bắn chết tươi. Còn một chỗ nữa là tích hoàng-tử Việt-hoảng-ta-ra (Vicvantara), nhà đại-từ mà mọi người đều biết. Phật kiếp trước là hoàng-tử ấy, hiền-lành và ưa việc bố-thí. Trong triều có một con bạch-tượng biết phép làm mưa. Một nhà vua nước khác phái người qua xin bạch-tượng. Hoàng-tử cho ngay. Đỉnh-thần tức và giận lắm, bèn xin vua đày hoàng-tử đi. Ngài lên rừng với vợ và hai con. Đi đường chỉ có một con ngựa kéo xe, mà ngựa và xe có người ta xin, ngài đều cho hể. Tới rừng, ngài lựa một cái chòi mà ở. Mỗi ngày cha, con, chồng, vợ đều hái trái mà ăn và múc nước khe

(1) Về tích Ca-nít-Ca (Kanishka) xem cuốn Lịch-sử nhà Phật.



mà uống. Sau có người đến xin hai đứa con, ngài cũng không từ. Thiên-Đế hóa hình người mà xin vợ, ngài cho luôn. Thấy ngài quá Đại-từ, Thiên-Đế bèn cho hai đứa con trở về nước và tâu giúp cho cha, sau hoàng-tử được ân-xá. (Xem cuốn Truyện Phật Thích-Ca) Ấy tại đất Bút-ca-rát-hoa-ti mà ngày xưa đức Bồ-tát bị đày.

Các nhà sư đi viếng cảnh đều có ghé lại đây. Trước Huyền-Trang có thầy Tống-Vân, cũng người Tàu, có tả rằng: « Trê non hoa quả ngon lành. Dưới suối nước uống ngọt ngào. Minh lại đây năm đầu năm có gió thổi mát. Và cây cỏ tươi xanh trong bốn mùa. Chim nháy nhót và kêu ca trên cành, bướm bay liệng dưới cỏ. Cảnh rất tươi cười... »

Huyền-Trang ra khỏi thành Bết-ha-Hoai, bèn đi về hướng Tây thẳng đến Ấn Độ. Thấy định ghé thành U-đi-da-na (Uddiyâna). Bấy giờ cảnh-vật khác rồi, là về phong-thổ miền Hỉ-mả-lập-sơn, khác hẳn với phía bên Bết-ha-Hoai. Từ đây đường càng hiểm, trướng càng tối. Khi thì thấy dây ngang hồ rồi chuyền theo dây mà qua. Khi lại bắt cầu trên hai đỉnh núi. Nếu không tỉnh trí vững tâm thì chết mất mười phần. Nạn khổ thì nhiều mà sự lạc-thú tưởng chừng như không phải ít. Là vì thầy thường gặp nhiều nơi có lắm chuyện cổ-tích rất hay. Nhờ vậy mà quên bớt nhọc nhằn. Như ở gần thành U-đi-da-na có vài tích xưa. Mỗi chỗ đều có một ít cảnh chùa, nào là tích ông sư bị cô gái lơ-lả giả ra làm tăng-ni rồi quên tình, nhưng ông không chịu; nào là tích Phật trừ rồng Á-ba-lát-la (Apalâla) dâng cứu dân khỏi nạn lụt, vì rồng đưa nước lên, toan làm ngập hết nhà, cửa, đền, đài. Nhất là có một tích thầy rất chú-ý, là chỗ Phật nạp thịt để cứu bò-câu. Người ta nói rằng thuở trước có một nhà vua rất nhơn-từ. Thiên-Đế muốn thử lòng vua, bèn hóa ra một con ó rượt bắt một con bò-câu, bò-câu có lẽ cũng là một vị Thiên-Đế. Bò-câu thì nhỏ thó mảnh mai, mình xanh như màu da trời, mắt đỏ như hột châu, bị ó đuổi gấp quá, tung nước bèn đáp xuống mình vua. Ó cũng bay xuống. Nó bảo vua để nó tự-do kiếm ăn nuôi mạng. Nếu vua không trả bò-câu thì phải nạp ngay một mớ thịt cân bằng





Một ít nhà tăng lữ-hành nhơn đến viếng chùa xưa cảnh cũ,  
bèn nằm nghỉ phía ngoài, xem ra rất thong dong, nhàn hạ.



thịt bò-câu. Vua vì lòng từ-thiện, bèn cắt thịt ở bắp vế mình. Nhưng lạ thay! Cắn với chim bò-câu, thịt vua cứ nhẹ mãi. Thét vua phải nạp hết mạng để thế cho bò-câu. Bấy giờ Thiên-Đế mới cho vua biết rằng mình muốn thử vua. Nhờ việc đại-từ ấy, về sau vua đầu-thai lên làm Thái-tử Sĩ-đạt-ta và thành Phật Thích-Ca Mưu-Ni.

Thành U-di-da-na đích đáng với lịch-sử nhà Phật. Nhưng cũng là xứ suy đồi như bên Gân-đát-ra, cũng bị bọn Hung-nô tràn qua và phá hại tan tành. Trong vùng có một ngàn bốn trăm nhà chùa. Ngoài một trăm năm trước, thầy Tống-Vân ghé, bấy giờ có đến mười tám ngàn thầy tăng, trọn cả đêm tiếng chuông rền khắp cả vùng. Nhưng lúc thầy Huyền-Trang lại, chùa đã đóng đầy rong rêu, số sãi đã giảm mà dân-chúng cũng thưa thớt và tản lạc đi nhiều. Tuy còn chùa với sãi, song tình cảnh xem ra suy kém lắm. Trong xứ, người Hồi-giáo choán hết phân nửa. Còn lại tăng-đồ nhà Phật, tu theo Đại-thừa. Nhưng ý của họ không vừa với thầy, vì họ thích chủ-nghĩa khoái-lạc thiên-na, họ ưa đọc kinh sách về chủ-nghĩa ấy, chớ không gia-tâm hiểu rõ lý-nghĩa và tinh-thần. Họ đã ưa tham-thiền nhập định. Họ còn mộ các lối phép phù ấn chú. Tăng-chúng ở thành U-di-da-na với quanh miền Hỉ-mả-lập-sơn ở nhằm cái phong-trào hoan-nghinh những thuyết chơn-ngôn, những chuyện thần-bí là bởi ảnh-hưởng của các « đạo-sĩ » bên phái Xi-hoa (Çi-va).

Huyền-Trang trông thấy nhà đạo-đức lắm đường thì thầy khổ tâm lắm. Vả họ cũng là phái Đại-thừa như thầy nhưng họ đi khác đường, nên thầy không muốn gần gũi lâu ngày. Sau khi viếng chùa tháp thầy liền ra đi.

Thầy qua khỏi vài trái núi thì đến xứ Bắng-sấp (Panjâb) với kinh-thành Tắc-xi-la (Taxila) là miền có tên tuổi từ xưa. Ấy là một xứ cổ, đến đời A-Dục thì vua sửa sang lại nghiêm trang. Vua A-Dục lấy thành Tắc-xi-la làm kinh-đô các tỉnh miền Tây-Bắc. Vua phái hoàng-tử con mình lên đó cai-trị. Những nhà thâm-nhiệm Phật-học có lẽ đều biết chuyện hoàng-tử Câu-na-la (Kunala) rồi. Chính ở thành



Tắc-xi-la ngài bị ám-hại một cách rất thương-tâm vậy. Số là hồi ngài còn ở tại đền, một bà hoàng-hậu thấy ngài có sắc đẹp thì đem lòng yêu. Câu-na-la thật lịch-sự vô cùng. Nhất là cặp mắt chàng sáng rỡ và có hào-quang rạng ngời. Ai thấy cũng nhận là người đẹp nhất trong nước. Hoàng-hậu trộm nhớ, dẫn lối tình-dục không nổi, bèn kiếm Câu-na-la mà bày tỏ tâm-sự mình và xin chàng đoái đến. Thái-tử vẫn có lòng lành, không khứng làm chuyện trái đạo - nghĩa, nên lánh đi. Hoàng - hậu đương có quyền-hành tại triều và là người yêu nhất của vua, nay bị Câu-na-la rầy rúng thì thẹn thường, giận giúi lăm, bèn thệ quyết rửa nhục và báo thù. Hoàng-hậu làm một tờ thánh-chỉ giả, nhân lúc vua ngủ mới lấy ấn đóng vào, liền truyền lệnh cho quân đi móc cặp mắt của thái-tử. Chàng nhận thánh-chỉ, thấy có đóng ấn theo luật đánh rành, bèn để cho quân thi-hành. Nhưng quân còn dằn dà thì chàng vừa móc mắt mình vừa nói rằng : « Đã có lệnh phụ-vương, ta nào dám trái ! » Từ đây thái-tử thành ra người mù, đi lang thang đầu làng cuối xóm và trên các nẻo đường để xin ăn. Một lúc chàng lần đến kinh-đô của vua cha. Đêm kia chàng lấy đờn ra, vừa gảy vừa ca những bản náo nùng về thân phận. Vua đương ngự trên lầu, nghe tiếng ca vừng dứt mình, cho người đòi kẻ ăn xin vào thì ra là con mình. Hoàng-tử nhờ có một nhà cao-tăng giúp cho nên khỏi mù. Vua biết ra hoàng-hậu quá ác-âm bèn xử hình phạt nặng nề. (1)

Thành Tắc-xi-la vẫn là một nơi cổ nhưng bởi là một xứ có nền-nếp với dân-tình phong lưu, giàu có, nên cũng khó mà tránh khỏi bọn cường-bạo Hung-nô kia. Nếu quân này không đến cướp phá thì thành Tắc-xi-la bây còn nhiều chùa tháp và tích xưa.

Thầy Huyền-Trang lại, may còn được thấy ít cảnh chùa và một cái tháp ghi tích Phật trong một đời trước dằng đầu mà cứu người.

Vào thế-kỷ thứ bảy, nhằm lúc thầy đến viếng, thành Tắc-xi-la thuộc về quyền bảo-hộ của vua Cách-xơ-mia (Kacmir), mà lúc trước thì về vua Ca-bi-xa.

Thầy ra khỏi thành Tắc-xi-la, không đi vào cõi Ấn-Độ

(1) Xem chuyện thái-tử Câu-na-la trong cuốn « Lịch-sử nhà Phật. »



trung-ương, bèn trở lên hướng Tây-Bắc mà viếng một cái tháp xưa. Chỗ này lúc trước, hồi Phật còn làm một vị hoàng-tử, có liềm mình thí thịt cho cọp mẹ và bảy cọp con đương bị nạn đói. Liền sau khi đó, đất cát trong vùng đều đỏ au, tuồng như thắm máu của Phật vậy. Đến nay đất vùng đó còn đỏ và cây-cối đều đỏ hết.

Kế thầy sang qua thành Cách-xơ-mia. Phải trải qua non cao, đèo vắng, phải đi đến ngàn dặm đường mới tới, nhưng là một xứ đẹp lạ lắm. Chung-quanh là bảy trăm dặm. Bốn bề đều có núi che, đường quanh co, chật hẹp. Bởi vậy nên mấy nước lân-ban không xâm phạm được. Xứ tuy lạnh mà cây cỏ thanh-vượng, đất đai phì-mĩ. Con người xem ra đẹp đẽ lắm, mà họ lạnh xảo hơn các nơi. Người ta nói Cách-xơ-mia có lắm truyện truyền kỳ, nào là trên núi có nhiều đảnh tháp của Tiên-Phật; vượn khỉ và thú-vật hái trái đem đến tháp mà cúng hằng ngày, tuồng như chúng-nó làm phạn-sự tu-hành. Thánh-thần thường đi lại trên núi, người ta còn thấy dấu trên nhiều hòn đá.

Cách-xơ-mia tu theo Phật-giáo rất kĩ, có danh là chỗ thanh hành về đạo từ xưa. Khi Huyền-Trang ghé, tình hình nhà Phật còn thanh với một trăm cảnh chùa và năm ngàn thầy tăng. Thầy có viếng ba đảnh tháp xây hồi đời vua A-Dục. Người ta còn nhớ tích một nhà đại-đức tên Mát-gian-lich-ca (Madhyântika) làm cho xứ sở khỏi bão-lụt và có hàng phục mấy con rồng yêu muốn hại dân lành. Vua Cách-xơ-mia nghe có danh-sư nhà Đường lai bèn đón rước rất rình rang. Dài theo lễ đều có cờ và lọng, còn trên đường rải đầy hoa thơm. Vua thân hành đi rước thầy, làm lễ dâng hoa trước đầu ngựa và mời thầy lên lưng tượng mà vào đền. Thầy đi trước, vua theo sau. Qua ngày kể, sau khi dùng tiệc cơm chay, vua mời thầy thuyết pháp. Thầy ở Cách-xơ-mia, chẳng những được người trọng đãi, lại được xem kinh sách dịch đáng và nhất là thầy thỏa lòng vi luận đạo với một nhà cao-tăng Đại-thừa : thầy nhận rõ là một người có tài đức, tuy tuổi đến bảy mươi mà vẫn còn sỏi và hiểu đạo-lý cao-siêu. Hai nhà biết nhau, rất lấy làm ái mộ. Tuy Huyền-Trang có kém hơn, nhưng nhà



tăng Cách-xơ-mia nói quyết rằng rồi đây thầy sẽ được hoàn-toàn như các bậc tổ-sư ngày xưa. Còn thầy thì tưởng như mới gặp một nhà đại-đức lần đầu. Bao nhiêu công nhọc kia sánh với dịp này đều là nhẹ cả. Vì quá yêu, quá phục nên thầy có nói rằng: « Ấy là một nhà đạo-đức cao-thượng lắm, giữ gìn luật-lệ rất nghiêm, lại tri huệ sâu xa và việc thấy biết, học hỏi đều hoàn-toàn. Tài-đức và tánh-trí của người hẳn là Phật đầu thai, còn lòng bác-ái thì minh-mông và bao giờ cũng chuộng sĩ yêu hiền. »



*Thầy Huyền-Trang từ lúc mới ra đi, đã là một nhà sư có tài rồi. Ở Tàu thầy từng được chư tăng kính mộ.*

Huyền-Trang cứ gần-gũi mãi với nhà danh-sư, và nhờ người mà thầy học thêm bộn bề. Chẳng những xứ Cách-xơ-mia có cao-tăng mà lại còn có kinh-sử của tin-đồ Phật-<sup>đ</sup>ồ, vì gần đó có thành Sát-lăng-đa-ra (Jalandhara) là



chỗ ngày trước vua Ca-ních-ca lập đại-hội, mời hai vị đại-đức với năm trăm vị La-hán nhóm lại mà dọn thành kinh (xem Lịch-sử nhà Phật)

Thầy ở tại Cách-xơ-mia hai năm, đến 633. Trong hai năm ấy, tha hồ nghiên-cứu, tha hồ luận đạo, tha hồ tham-thiền. Sau khi thành công, thấu rõ triết-lý, văn-minh, lịch-sử nhà Phật, bấy giờ học đạo đã đủ, thầy mới từ giã cảnh núi miệt Cách-xơ-mia mà lần xuống đồng bằng miền sông Hằng-hà mà theo dấu chơn Phật. Vì tự cố chí kiên, sông Hằng-hà là trung-tâm các nguồn đạo-đức ở Ấn-Độ. Các nhà lập đạo đều sanh ra và tu thành đạo ở đó. Cho đến sông Hằng-hà như một vị thánh thần, người bôn-xứ thường đến đó tắm rửa cho nhẹ bịnh và cầu mọi đều hạnh phúc.



QUÍ-VỊ MUỐN ĐÓNG KINH SÁCH

NÊN ĐEM LẠI

**M. NGUYỄN-VĂN-CHÂU**

423, Boulevard Gallieni, Saigon

Nói là độc-giả sách **Đoàn-trung-Còn** thì được giá rẻ.





## Những tích Phật miền sông Hằng-hà (Gange).

**T**ừ trên xứ Cách-xa-mia đi lần xuống, trước hết Huyền-Trang ghé thành Xa-ca-la (Çākala). Cũng là kinh-đô cũ của một nhà vua có tiếng là Di-lan-đà (Milinda). Trải qua bao lần thành bại, đất nước có thay đổi, tên vua Di-lan-đà (hay là Mi-lanh-đà) bây giờ cũng vẫn còn. Người dầu quên, sử sách dầu không còn nhắc, nhưng cũng còn một bộ kinh cũ kêu là Mi-lanh-đà-bản-na (Milindapanha). Ấy là bộ kinh trước nhất vốn của nhà đại-đức Na-Tiên Ti-kheo (Nagasena) dọn ra dâng cho vua. Bởi vua mộ đạo, rất ưa bộ kinh và muốn truyền bá ra cho dễ dàng nên đặt là kinh Mi-lanh-đà-bản-na. Kinh chép những chỗ yếu-lý đạo Phật, và luận về cái « Bồn-ngã ». Tuy kinh đã cũ, mà những nhà học Phật rất thích dùng (1).

Chẳng những thành Xa-ca-la có danh từ trước với nhà vua và bộ kinh vẻ-vang kia, mà lại trước Huyền-Trang hai trăm năm, thành ấy là nơi tâm đạo của Bồ-tát Phật-Tô-Bàn-Độ (Vasubandhu) nữa. Trước kia đại-đức theo Tiểu-thừa, nhưng sau theo Đại-thừa, được đắc đạo làm lão-tổ và làm cho kinh sách Đại-thừa được rõ ràng thêm. Ngài thường khảo-cứu và tham-thiền ở xứ Xa-ca-la, có rất nhiều học-trò. Sau khi ngài tịch thì Xa-ca-la cũng bị tàn bại như các vùng. Lối đầu thế-kỉ thứ sáu, quân Hung-nô phá gần hết cõi Ấn-Độ rồi. Tự bấy lâu chúng cứ cướp hoại, đến đâu cũng làm nghiêng ngã thành-ri. Viên chủ tướng của chúng nói rằng hễ dấu ngựa nó qua chỗ nào thì cỏ chỗ đó không mọc lên được nữa. Chúng chiếm Xa-ca-la làm kinh-đô, rồi chạy quanh các tỉnh thành nhưt là vùng trên mà đánh phá. Mọi nơi đều nể mặt vì sự sát hại của chúng vậy.

(1) Xem cuốn « Triết-lý nhà Phật » chỗ vấn-đáp về đạo-lý. Sau này tôi sẽ xuất bản cuốn *Na-Tiên-ti-kheo-kinh*.



Bọn Hung-nô bạo-ngược có tài chinh-chiến, trăm trận trăm ăn. Bởi chúng giết người chiếm xứ dễ như chơi nên muốn đánh đâu thì đánh, ai nghịch ý thì chúng không dung. Trong các nhà vua ở Ấn-Độ, chỉ có một người dám nghịch với bọn đó thôi. Hung-nô rất oán ghét đạo Phật, đến đâu có chùa thì chúng phá nát, gặp tăng thì chúng giết đi. Đến đời Bát-la-đi-ty-a (Bâlâđitya) vua là người quy theo Phật, thấy bọn ấy phá chùa giết sãi thì phiền lắm nên không chịu nạp lễ cống. Hung-nô giận, bèn kéo



*Một vị sư giải kinh diễn nghĩa*

binh đến phạt. Chúng có tài ra trận lại găm hết rền trời, vua và đình-thần cả thua đều trốn hết. Qua năm 530, Hung nô yếu thế, bị đuổi ra khỏi miền sông Hằng-hà. Chúng chạy lên phía trên, còn đoạt xứ Cách-xơ-mia, giết vua và ở nán lại đó. Chúng còn tung hoành một lúc, lại phạt vua xứ Gãn-dát-ra vì không dâng lễ-cống, giết vua với cả dòng-dõi, và đốt phá các chùa. Nhưng viên chúa tướng bỏ mạng, cả đoàn liền tản lạc và bị đánh đuổi. Chúng dồn lên trên. Mãi đến gần tới lúc Huyền-Trang lại thì giặc-



Hung-nô mới bị trục ra khỏi Ấn-Độ. Bởi nước Xa-ca-la mới vừa bị tay bọn ấy, nên Huyền-Trang được nghe người bôn-xứ thuật chuyện rất rành.

Thầy với vài người bạn đồng từ giã thành Xa-ca-la Chẳng bao lâu đến một khóm rừng, gặp một bọn cướp đến năm chục đũa. Quân cướp lột áo, giựt đồ lại còn cầm gươm rượt theo đến một cái hồ. May gặp hồ cạn lại đầy bụi rậm, thầy với mấy nhà sư kéo xuống trốn ở một chỗ kín, ngồi trong hang đá. Bọn cướp rượt đến hồ thì mất dấu, bèn trở lại. Thầy với mấy sãi ra khỏi hang, liền chạy vào làng mà thuật chuyện rui. Một người bà-la-môn đương cày ruộng, có lẽ là viên-chức lớn trong làng, hay tin ấy, bèn đánh mõ trống lên cho dân tụ lại dựng rượt bắt bọn cướp. Nhưng chúng đã chạy mất trong rừng rồi. Mấy sư mất áo và hành-lý đều kêu than. *Duy có Huyền-Trang là tươi tỉnh, vì tâm thầy như suối trong, nước dầu xao-xiểng, nhưng suối không đứt chút nào.* Mấy thầy vào làng. Có một lão bà-la-môn, mộ đạo Phật dâng cho áo quần và hành-lý để thay thế những đồ đã mất. May cho thầy vì lão này là một nhà cao học, rất rành Phật-giáo về môn Mát-đv-a-mi-ca (Mādhyamika, Trung - thừa). Thầy ở lại đó nghiên-cứu, vì thầy đã có đọc qua vài bộ kinh nhưng chưa hiểu nghĩa lý mấy chỗ cao. Được một tháng, thầy từ tạ nhà cao-sĩ mà xuống miệt đồng.

Bấy giờ mới hẳn là vào đất Phật. Càng bước tới, càng gặp kinh qui chỉ rõ nguồn đạo, càng biết nhiều vị tăng thông các chỗ bí thẳm. Khi đến thành Xi-na-bút-ti (Çinabhukti) thầy ghé viếng chùa tháp. Thầy ở đó trên một năm vì trong thành có nhiều kho sách đáng xem. Kế nhằm mùa mưa, thầy ở lại bốn tháng mà học đạo với sư-trưởng tại thành Sát-lan-đa-ra (Jālandhara). Sư rất giỏi mà thành này là chỗ trung-tâm về Phật-học với năm chục nhà chùa có danh.

Thầy ra đi theo hướng Đông-Nam, tới một thành đại-khái tên Ma-thù-Ra (Mathura, tàu dịch Mạc-huyệt-la) có tiếng từ xưa. Phong cảnh đã thuộc về miền sông Hằng-hà rồi. Trời nóng, đất dễ trồng cây. Thầy có nói đất cát xứ này



phi mĩ lâm. Chỗ nào cũng có xoài mọc như đám rừng, cây nào cây nấy đều sai hoẵng. Thành Ma-thù-ra có nhiều tích Phật: ấy là quê của mục-đồng Cờ-rit-Na (Krishna), nhà nhân-đạo hoàn. Trong xứ còn dấu tích của mấy người đại đệ-tử của Phật, như Xá-lợi-Phất và Mục-kiến-Liên hai nhà đại-đức trong mấy người học-trò đầu, Ưu-ba-li người thợ cạo cao-thượng hơn mấy ông hoàng Thích-Ca, A-nan-Đà học-trò yêu nhưt cửa Phật và La-hầu-La con đích đáng của Phật. Lại ở Ma-thù-Ra có tích vườn cúng Phật. Kinh còn ghi rằng một hôm có con vượn đến dâng một bình bát mật ong cho Phật. Thấy Phật thâu nhận thì nó vui mừng lắm, nhảy nhót cho đến đôi trượt chơn té bẽ đầu chết tươi. Nhờ phúc cúng dường ấy, nó liền đầu thai được làm Thần.

Ở xứ Ma-thù-Ra chùa tháp thật to và khéo. Vào thế-kỉ thứ tư và thứ năm, người ta có dựng một tượng Phật lớn lắm, khéo xảo không đâu bằng. Hiện nay ở tàng-cổ-viện trong thành cũng còn tượng Phật ấy.

Thầy ra khỏi Ma-thù-Ra, bèn lần đến thành Xa-tha-nít hoa-ra. (Sthānīcvara) là xứ Tha-nết-Hoa (Thaneswar) bây giờ. Chỗ đã từng làm một trường chinh-chiến của nhiều nhà vua, bao lần ở đó đã xảy ra nhiều trận giặc rất to. Thế mà thành-thị vẫn đông đảo, cuộc buôn bán vẫn thanh hành. Thầy quan-sát nhân vật và viếng chùa tháp xong, bèn đi ngay xuống. Bấy giờ vào đến miền sông Hằng-hà là một vị Thánh-thần của người Ấn-Độ. Trên nguồn rộng là ba dặm, ngoài vàm là mười dặm, nước chảy thấy trong xanh và thường hay đổi màu. Dưới sông có nhiều loại tôm cá rất lạ nhưng hiền. Nước uống ngọt và dịu lắm. Trong kinh sách bên Ấn-Độ, người ta nói rằng nước dưới sông này là thuốc trừ bệnh. Hễ xuống tắm thì tội lỗi đều tiêu tan. Uống nước hay là rửa miệng thì khỏi mang tai họa. Mỗi ngày người ta lên xuống đông đặc chỗ bờ sông. Người đạo Bà-la-môn quá tin như vậy, mà người đạo Phật thì cho là những tín-ngưỡng và thói-tục dị-đoan. Huyền-Trang nói rằng thuở xưa, có một lúc trai, gái, già, trẻ đương tự nhau tắm rửa dưới sông Hằng. Bỗng có một vị lão-tổ tên



Át-da Đê-hoa (Arya Deva tàu dịch Đê-bà) đến công-kích họ và cho là bọn mê-tin.

Bà-la-môn-giáo là một đạo mạnh-mẽ và trên trước nhất ở Ấn-Độ. Trong nước, có nhiều giai-cấp, hạng nào chơi bời qua lại theo hạng nấy, cho đến cũng không hỏi han những người khác hạng với mình. Đại khái có bốn hạng. Trên hết là Bà-lá-nôn, hạng này ăn ở trong sạch, không phạm vào như bọn. Kế đó là dòng nhà vua, từ mấy ngàn năm cứ cha truyền con nối, không ai được tranh giành. Thứ ba là bọn thương-gia công-nghệ, lo việc đổi chác trong thành hoặc đi ra ngoài. Thấp hơn nữa là hạng làm ruộng. Bốn hạng người đã phân chia rành rẽ, ai nấy phải cư xử theo bõn-phận mình, trên không được làm việc thấp thỏi, dưới chẳng được trèo đèo. *Tội nghiệp cho một bọn rất đông, tuy cũng ăn uống, sinh-hoạt mà người ta không sắp mình vào đâu, người ta bỏ riêng ra kể là lạc ngạch, không ai đoái tưởng, và không ai gần, cho đến không ai rờ đến mình ! Người ta khinh bọn này lắm, là những người làm thịt, câu cá, đồ thùng với các dân nghèo. Đi thì phải nép vào bên trái lề đường và không được đi gần bốn hạng trên. Sinh ra ở Ấn-Độ, nghèo hèn thì chịu nghèo hèn mãi, con thú vật còn sướng hơn bọn người lạc ngạch này !*

Trên bọn bà-la-môn cầm quyền đạo-đức, bọn nhà vua cầm quyền chánh-trị, họ ép các hạng dưới phải theo ; còn hạng thấp thì mê-tin, ngu si. Cho nên hai hạng trên dễ bề đánh đổ triết-lý của Phật với chủ-nghĩa bác-ái, bình-đẳng. Tuy vậy mà lúc thầy qua, trong nước còn nhiều nhà chùa có danh. Mùa hè năm 525, thầy tránh nắng và khảo cứu ở thành Ma-ti-bu-ra (Matipura) và có xem nhiều quyền kinh Tiểu-thừa, nhất là về phái Sarvâstivâda (Tát-bà-đa-bộ).

Kế thầy lần xuống miệt dưới, ghé lại giếng xứ Ca-bì-tha (Kapitha) là chỗ ngày xưa Phật lên khỏi Ba mươi tầng Trời để giảng đạo-lý cho mẹ, vì bà Ma-da (Maya) sinh Phật ra có bảy ngày thì tịch, không kịp hiểu đạo Ngài. Phật dạy đạo cho mẹ rồi, trở xuống trần, cũng tại xứ Ca-bì-tha. Thầy Huyền-Trang làm lễ, trước mắt tuồng như thấy Phật



xuống bằng một cái thang bắt từ trên Trời. Kinh còn chép rằng lúc Phật theo thang mà xuống thì trọn cái thang đều bằng vàng, còn hai bên một bên bằng bạc, một bên bằng thủy-tinh. Phật bước đi trước, theo chơn là các Tiên Thánh và chư Bồ-tát vừa rải hoa vừa đọc kinh. Người ta có chỉ chỗ Phật đứng, trên một hòn đá còn ghi dấu hoa sen. Thầy Huyền-trang có nhắc rằng lúc Phật trở xuống trần, một cô tăng-ni muốn tới trước hơn hết mà chào Phật, liền được làm một vị Thánh linh. Nhưng lúc đó có một vị tăng tên Tu-bồ-đề gom hết sức lực tư-tưởng mà tham-thiền về giả-cuộc ở trần. *Phật bèn cho tăng-ni kia hay rằng cô được quả tốt vì thấy người Phật, nhưng Tu-bồ-đề lại chứng quả tốt hơn vì thấu được tinh-thần và tư-tưởng của Phật.*

Thầy đi đến thành Căn-dát-kút-sa (Kanyakubja) là xứ Ca-nôi (Kanauj) bây giờ. Thành-thị giàu có và tốt đẹp lắm. Thầy có nói rằng xứ Ca-nôi chắc-chắn, mạnh mẽ với lâu đài cao rộng, cửa ngõ vững vàng. Đường sá sạch sẽ, hai bên có trồng cây và đai theo trước nhà đều có hoa thơm màu đẹp. Hàng-hóa nhiều món đặc tiền, dân-sự sung túc, yên vui. Lúc ấy xứ Ca-nôi là kinh-đô cõi Ấn-Độ, hoàng-đế thường ở đó. Hồi thầy lại, vua Hát-Sa (Harsha) đương trị vì, là một nhà vua có danh tiếng lẫy lừng, vừa là một bậc anh-hùng, vừa là một nhà cai-trị khéo léo và công bình. Mấy đời vua trước không được thanh, tinh thể càng ngày càng suy. Qua đời vua Hát-Sa thì ngài chấn-chỉnh lại và gồm thâu cõi Ấn-Độ. Nhờ ngài bắt thiệp lắm và nhờ ngài ở ngôi trên bốn mươi năm nên khắp cả nước đều được phong phú, dân-chúng được an hòa, vui vẻ.

Khi ngài mới lên ngôi, nhờ kỳ phạt được vua Xá-xăng-Ca (Çaçanka), mà báo thù cho anh, nên danh tiếng lừng lẫy rất mau. Lại cũng vì binh vực đạo đức mà ngài đánh vua Xá-xăng-Ca. Vua này phá chùa giết sãi, tàn hại đến nỗi dám bẻ gãy cây Bồ-đề. Đã là người mộ đạo, vua Hát Sa chịu không nổi với lòng ác ấy, bèn kéo binh phạt, đánh đến đâu thắng đến đó. Ngài đi dẹp giặc, tổn bao nhiêu công sức, ròng rã đến mấy năm mới từng phục được các



nơi. Sau khi yên ổn thì đất nước ngài càng thêm rộng lớn ra với nhiều chư hầu.

Vua Hát-Sa đã bình được các ông hoàng dữ tợn, không bao giờ ngài chịu ai đè ép mình. Nhưng đối với tăng-chúng, ngài rất hiền lành và kính trọng. Người ta nói ngài không kém vua A-Dục ngày xưa. Thật là một vị Thánh ở ngôi. Ngài hay trông nom và săn sóc dân-chúng, lo lắng cho về việc phúc-hậu luôn. Bao giờ ngài cũng hiền từ và công bình, cho đến lắm khi quên ăn ngủ để làm công việc từ thiện cho dân. Ngài noi gương vua A-Dục, cấm sát sanh hại vật và lập chùa dựng tháp nhiều nơi. Trên các nẻo đường, hoặc ở tỉnh thành hay về miệt nhà quê, ngài có cất nhà để bố-thí cơm, thuốc, áo quần cho người nghèo và kẻ lữ-hành.

Không còn ai than tiếc chút nào. Ngài rất chuộng hiền, nghe quan-chức ai có lòng từ thiện, hay giúp đỡ người thì ngài triệu vào triều mà khen tặng rõ ràng. Mỗi năm, qua mùa mưa, ngài thường đi tỉnh mà trông nom các cuộc, và nhứt là lo việc chẩn bần.

Ngài nhóm đại-hội hằng năm, mời tăng-chúng trong nước đến luận đạo, và thưởng những danh-sur.

Thầy Huyền-Trang đến thành Ca-nôi có lẽ nhằm lúc vua đi vắng, nên không gặp. Thầy ở ba tháng năm 636 tại chùa Ba-tra-huy-hát-ra (Bhadravihāra) mà khảo cứu ba tạng kinh.

Trong các độc-giả, còn ai chẳng nghe đến ba tạng Kinh? Ấy là phần chánh trong đạo Phật vậy. Lại ai khảo Phật-học mà chưa xem đủ ba tạng thì chưa rõ đạo-lý thâm-trầm của đức Như-Lai đã lập dưới cây Bồ-đề. Phật không có viết kinh. Phật chỉ thuyết-pháp thôi. *Nhưng không phải Phật chẳng có viết kinh mà ta không cần xem kinh đâu. Vì lúc Phật dạy đạo, bao nhiêu học-trò đều là người đã tu từ những kiếp trước, đã có duyên lành phúc lớn mới gặp Phật, đều là những hạng cao học rồi. Họ đã từng tham-thiền, đã từng tầm đạo, đã học hiểu nhiều rồi. Nên Phật nói sơ là họ đã thấu rồi, không cần phải viết ra.* Sau khi Phật tịch, ba vị đại-đức Ca-Diếp, A-nan-đa và Ưu-ba-li-lập đại-hội, cả





Phật-Tô-Bàn-Độ, thường kêu là Thiên-Thân Bồ-tát là một nhà đại-đức có công lớn với Đại-Thừa. Các nhà học Phật đều biết danh ngài.



thấy là năm trăm vị La-Hán mà lặp lại các lý-thuyết Phật dạy khi còn sanh tiền. Ấy là ba tạng nói chung về đạo Phật Thích-Ca, ai hiểu trọn và thi-hành theo thì chắc thành Chánh-quả.

Đến khi lên đường, thầy đi qua tỉnh U-đơ (Oude) ngày xưa là xứ A-dô-đi-a (Ayodhya). Chẳng những là một nơi cổ-tích, mà lại cách vài trăm năm, có hai nhà đạo-đức làm cho nước nổi tiếng tăm. Chính là hai anh em A-Tăng-Già và Phật-Tô-Bàn-Độ, hai nhà cao-tăng đã làm vinh-diệu cho Đại-thừa. Thầy đã phục tãi hai vị Bồ-Tát ấy nay vào đất nước thì càng nề thêm. Thầy đi về hướng Tây-Bắc, cách thành chừng năm sáu dặm, gặp một cảnh chùa trong vườn xoài. Hai thế-kỉ trước, hai nhà đại-đức khảo được đạo cả và dạy học-trò tại chùa này. Hai anh em gốc ở bên nước Gãn-đát-ra, khi mới lại thì chưa phải đồng chí với nhau. Anh cả là A-Tăng-Già liền xu-hướng theo chủ-nghĩa bao la bên Đại-thừa. Còn em là Phật-Tô-Bàn-Độ nắm giữ nguồn gốc Tiểu-thừa. Kể chẳng bao lâu, ông này xem tình thế Tiểu-thừa ít thâm trầm, bèn theo anh mà qua Đại-thừa.

Một hôm, hai anh em hẹn nhau vào nói chuyện tại chùa trong vườn xoài. Nhắm lúc tối, A-Tăng-Già dắt em đến trên lầu cao ngó ngay xuống rạch, rồi thì đi nơi khác. Đêm ấy, giữa mùa thu, trăng soi trên mặt nước. Thình lình có tiếng lạ ửng lên, tung một đoạn kinh Đại-thừa. *Phật-Tô* nghe tung, tiếng kinh thanh và dịu kia lần lần làm cho mình thấy cõi hữu-tình tan mất đi tuồng như đất nước đương lu lờ dưới bóng trăng. Các nhân-vật giả dối, hình thức với mình ngồi trên mặt nước đều là chiêm bao, thì dầu vật vô-động, dầu chúng-sanh đều là mộng cả. Mà cái võ-trụ to kia chẳng qua là một cảnh đại-mộng vậy thôi. Đã trông rõ là giả-cuộc, là chiêm bao, là hư-vô thì còn khó gì mà chẳng thoát thân, từ đây là được dứt đi vậy. Ngài cảm động vô cùng, mới hiểu biết sự thâm thúy ở Đại-thừa. Nghĩ trong bấy lâu mình đánh đổ và công kích đại đạo, đến khi thấu rõ thì đã muộn nên ngài định lấy sậy bén cắt lưỡi mình. A-Tăng-Già đương núp trong bóng tối, liền nhảy ra mà cản em. Từ đây hai anh em hội



hiệp nhau, đồng đi truyền bá chủ-nghĩa và đạo-đức Đại-thừa.

Tại xứ A-dô-đi-a, người ta còn thuật một tích nữa. Lúc trước hai anh em có thệ với nhau rằng ai tịch trước thì phải về cải đạo cho người còn sanh tiền. Phật-Tô tịch, lễ tống táng đã yên, bèn về mách đạo với anh. A-Tăng-Già đương tham-thiền, vùng thấy em trở lại và có tả cảnh miền đức Di-Lặc là Bồ-tát sau sẽ thành Phật tiếp theo đức Thích-Ca. Thầy Huyền-Trang có nói rằng hôm ấy A-Tăng-Già được lên đến cảnh Phật, nhờ đức Di-Lặc chỉ giáo cho. Bởi vậy cho nên bên Tàu và bên Nhật còn nhiều nhà tăng tu theo hai anh em Phật-Tô và A-Tăng-Già, thường tụng niệm và cầu khẩn hai ngài.

Thầy viếng thành A-dô-đi-a xong, bèn thả theo dòng sông Hằng. Thầy với hai mươi nhà tăng đi trên một chiếc thuyền lớn. Lúc này thầy phải bị nạn, tưởng đã bỏ mình nơi đất Ấn-Độ rồi.

Thuyền đi được chừng vài mươi ngàn thước, vừa đến một khúc vắng que. Hai bên sông đều là rừng, cây án rậm rạp tối đen. Trong rừng có một bọn cướp, thấy có ghe lạ bèn chèo thuyền xông ra. Bọn này đông đảo, đứng trên mười chiếc thuyền, hảm vào chặn đường các nhà tăng. Nhiều người sáng sớm đều nhảy ùm xuống sông. Thầy bị bọn cướp bắt với thuyền, chúng đem lên bờ và vét cả áo quần, tiền bạc. Các sãi đành cam phần rủi. Mà khổ hơn nữa là bọn cướp theo đạo Xi-hoa, thờ thần-nữ Duột-Ga, thường bắt người mà cúng tế.

Mỗi năm, đến mùa thu, chúng phải kiếm lễ, được người tốt tướng đẹp trai càng hay. Bọn cướp nhắm xem thầy, thấy là một người lịch sự, tốt lành nên lấy làm thích ý. Chúng ngó nhau coi bộ vui mừng lắm.

Chúng nói với nhau rằng : « Tưởng đâu ta không kiếm được lễ đáng mà tế thần ! Sãi này tướng tá và mặt mày đẹp dễ lắm, ta phải giết nó mà tế thì được phước rất to.»  
Thầy đáp : « Anh em muốn lấy hình thể xấu xa của bần-tăng mà tế thần, bần-tăng nào có tiếc gì. Nhưng bần-tăng là



người xứ xa, đến nước này mà học đạo, tỉnh kinh. Công việc chưa xong mà anh em đòi giết, tưởng anh em chẳng đáng phước mà đây rồi phải mang họa gớm ghê lắm vậy.» Các sãi đồng xin giùm, và có người chịu chết thế cho thầy. Nhưng bọn cướp đều từ đi, quyết làm thịt thầy mà tế thần. Đầu đảng liền bảo kẻ thi đi xách nước về để rửa ráy, kẻ thi đi cắt dài để sắp lễ. Rồi có hai đứa cầm gươm, xốc tới kéo thầy lên đài và toan tế thần. Nhưng thầy vẫn như thường, không lộ vẻ gì cảm động và sợ sệt. Bọn cướp ngạc nhiên và có lòng lo. Thầy thấy thế nào cũng không tránh khỏi, bèn xin nán lại một chút, mà rằng: « Anh em cần gì phải quá hớp tớp, để bần-tăng về cảnh Niết-Bàn cho an hòa, vui vẻ chớ ! » Thầy liền tham thiền, tưởng đức Di-Lặc và lấy hết sức tư-tưởng gom về nước Phật, nguyện xin về cảnh Phật mà thờ đức Di-Lặc, nghe đạo Ngài và được giải kiếp trần. Thầy cũng nguyện rằng hễ thành Phật rồi sẽ trở xuống trần mà hành đạo lành, và độ cho tất cả chúng-sanh. Thấy vái đủ chư Phật mười Phương và cứ tham thiền về miền Di-Lặc.

Thình lình tâm thần thầy vui khoái lắm, tưởng như thầy bay lên qua khỏi Ba mươi ba tầng Trời. Thấy đến ngay đền của đức Di-Lặc, thấy Ngài đương ngự trên ngôi, chung quanh có các Thánh-thần. Lúc ấy thầy khắp khởi vui mừng, không còn biết đương ngồi gần bàn tế, không còn nhớ bọn cướp muốn giết thầy. Các sãi kêu la than khóc. Bỗng đâu có một trận cuồng phong thổi tới, làm đá bay cây ngã, dưới sông sóng dợn ba đào. Bọn cướp sợ hãi, bèn hỏi các sãi rằng: « Thầy ấy ở đâu đến, tên gì ? Sao la vậy ? » Sãi đáp: « Ấy là một nhà đại-đức ở tự bên Trung-Quốc qua đây mà lầm đạo. Anh em giết thầy thì bị hành-phạt mãi vậy. Anh em chẳng thấy sóng gió dữ dội đó sao ? Trời đã giận rồi, anh em không tỉnh ngộ lại thì chết mất chẳng còn hồn.» Bọn cướp run sợ, đồng qui mọp xin tội với thầy. Nhưng thầy đương khoái lạc (extase) trong cơn nhập định dậu còn nghe bết chung quanh mình. Một thẳng



cướp vịnh lấy chéo áo thầy một cách cung kính. Thầy liền mở mắt ra và hỏi rất niềm lành rằng: «Anh em định tế chưa?»

*Nghe ra bọn cướp chịu tha thì thầy cũng tự nhiên như khi hay rằng chúng muốn giết thầy. Thầy khuyên bọn nó bỏ dũ làm lành. Chúng đều tuân theo, đồng quăng gươm giáo dưới sông Hằng. Liên đó sóng gió đều tan. Bọn cướp vui mừng lắm, chào thầy rồi đi tứ tán hết.*

Ấy nhờ lòng thành-tín, nhờ Phật phò-trì, thầy tránh khỏi một cơn nạn chết lại còn độ cho bọn hung ác hóa ra người hiền. Nhà tu hành mà đã thành-tâm thì các tai nạn đều không hại được, thường gặp người lành, dầu gặp kẻ ác họ cũng hóa hiền. Đạo Phật rất huyền diệu, người tu Phật thường nhận biết như vậy!

Thầy Huyền-Trang cho thuyền đi lại một thành cổ, là thành A-la-hát-ba (Allâbâbâd) bây giờ. Đời trước là một kinh-đô. Từ thế-kỉ thứ năm, tuy dòng vua Gupta không còn mà thành này vẫn đông đảo, thịnh hành. Ở đây có tháp vua A-Dục cất, có tích nhà đại-đức Át-da Đề-hoa (Đề-bà) hồi thế-kỉ thứ ba. Nhưng lúc Huyền-Trang ghé, số tăng-chúng đã kém đi nhiều. Trong xứ còn có hai nhà chùa có nhiều sãi, mà đều là phái Tiểu-thừa. Tình hình dầu suy mà tích Phật thì nhiều. Ngày xưa, thành Á-la-hát-ba có danh nhờ vua bố thí và chần bản. Phía trên có một cái đồng cao, rộng, lớn, vua với nhiều ông hoàng thường nhóm tăng-chúng, với kẻ côi cút, nghèo nàn lên trên đó mà bố thí cả ngày. **Thầy Huyền-Trang có nói xứ này là một chỗ cúng tế rình-rang của người đạo bà-la-môn. Có hằng ngàn người muốn trăm mình dưới sông, quyết chết như vậy dựng thành thần tiên. Nhiều bầy hươu và vượn cũng tự nhau tắm dưới nước thánh, và ở luôn tại mé sông, quyết nhịn ăn cho đến chết. Lúc thầy lại, có một con khỉ ngồi trên cây dựa mé sông, ngồi mãi một chỗ, không ăn không uống, quyết tu khổ-hạnh như vậy dựng chết về Cõi trên. Dài theo sông, người ta có làm nhiều cây sào, gần trên chót có chỗ để đứng. Rồi mỗi ngày vừa rạng đông thì kẻ thành-tín đến đó và leo lên. Sào cắm ngay giữa sông: một**





### THẦY HUYỀN-TRANG

Người ta thường hiểu thầy Huyền-Trang đi thỉnh kinh có nhờ đệ-tử Tôn-ngộ-Không theo hộ trợ. Cho đến trong nhiều chùa người ta thờ Huyền-Trang và Ngộ-Không theo hình này. Huyền-Trang chẳng phải là người bất tài kém đức mà mỗi việc đều trông cậy có Ngộ-Không.



chơn đứng trên chỗ dựa, một tay vịn sào, còn tay và chơn kia đều dựa ngay ra, đứng giữa thình không, mắt cứ ngó theo mặt trời. Cả ngày họ làm như vậy, không quảng ăn, uống, nắng, mưa. Đến khi trời lặn họ mới trở xuống mà về, rồi sáng bữa kế lại ra. Mỗi ngày họ đều tu luyện như vậy, cốt cho khổ sự luân-hồi. Có người chịu khổ đến cả chục năm!

Ở xứ này, sự tín-ngưỡng phân ra nhiều lối lạ lùng lắm. Trong thành có một cái đền to lớn, nguy nga. Ai vào cúng một đồng xu cũng dâng nhiều phước hơn cúng cả ngàn đồng bạc ở các nơi. Lại hễ ai vào đền mà liều thác thì được về cõi thần-tiên. Trước đền có một cây đại-thọ, tàn cao lá rậm với một vị thần ăn thịt người. Dưới gốc cây, đầy xương cốt của những người đến dâng mạng cho thần. Mỗi ngày có nhiều kẻ thành tâm nạp lễ cho thần, để về cõi tiên. Phong-tục dị kì này có từ xưa đến nay.

Thầy đã nhận rõ một người vì muốn công kích sự mê-tín mà thành ra cũng nạp mạng cho thần. Một anh bà-la-môn, thông minh, khôn khéo, thấy thiên hạ tin dị-đoan, bèn định phá nát sự mê-muội của họ đi. Nhưng anh ta vừa vào đền thì ý cũng muốn chết như các người khác. Đoạn anh leo lên cây, thông minh xuống và hô với anh em rằng: «Đề tôi chết cho các người coi! Khi trước tôi nói đạo của họ là giả-dối mà bây giờ vào trong tôi mới thấy sự thật. Kia những thần-tiên qua lại và trỗi nhạc rất thanh, đương chực rước tôi. Thì tôi còn sợ gì thân hèn này mà chẳng dứt nó đi.» Nói rồi anh ta buông tay nhảy xuống đất, nạp mạng cho thần.

Ta muốn kháo rõ đạo Phật, tưởng cũng nên đề ý đến tín-ngưỡng của dân-tộc Ấn-Độ vậy. Ta không nên cho những tục lạ-lùng, những điều mê-tín là thấp hèn, không đáng quan sát. Vì nếu ta thấy các việc lạc lăm, hư hại kia thì ta mới hiểu phong-hóa đạo-lý nhà Phật là thanh cao. Cũng trong một nước, cũng đều là đạo, mà đạo Phật thì êm tịnh, thuần túy, ôn hòa, thâm trầm, còn những tôn-giáo khác thì hung ác, bạo tàn cho đến có bọn giết người



đề làm đạo nữa. Giữa những cảnh mê-muội ấy, thầy Huyền-Trang cảm tưởng như một người Âu-châu phản đối các dân-tộc dã-man.

Thầy đi vào một đám rừng rậm, đầy những ác thú với voi rừng. Theo hướng Tây-Nam chẳng bao lâu đến Câu-đàm-di, một thành cổ rất có danh. Bây giờ là xứ Cô-xam (Kosam). Cũng là một kinh-đô đời trước. Có tháp vua A-Dục ghi dấu Phật, vì Phật có đến thuyết pháp nhiều phen. Tại đây vài trăm năm trước, đại-đức Phật-Tô-Bàn-Đô (Vasubandhu) tham-thiền và dọn kinh và có vườn xoài với nhà chùa là nơi rèn đạo của đức A-Tăng-Già. Nhưng cũng là cảnh điêu tàn. Khắp trong xứ chỉ còn chừng mười cảnh chùa hư với vài ba trăm sãi bên Tiểu-thừa. Còn chùa Bà-la-môn thì trên năm chục cái với rất nhiều người tu.

Hai đạo hăng phản nghịch nhau. Đương lúc tư tưởng nhà tăng Phật-giáo ở Ấn-Độ cao đến cực điểm, rồi lần lần lụn, thì tình hình bên Bà-la-môn thanh phát thêm, có tuồng dữ, dăng, mạnh bạo làm cho tín-đồ nhà Phật phải đề lòng lo.



### THUỐC TIÊN

## HIỆU «**Tiêu Đàm Tiên Dược**»

của ông Nguyễn-văn-Ngữ, đốc-học trường tư, Mỹtho là một món thuốc rất tài, tiêu, xổ, trừ bá bệnh.

Hãy viết thư đến hỏi cáo-bạch.





## Trải qua xứ Phật

**R**a khỏi xứ Câu-đàm-di, tuầy không xuống ngay thành Ba-la-nại (Bénarès), lại định lên miền trên để viếng quê quán của Phật. Theo đường đó, ban đầu đến thành Xá-vệ (Cravasti). Hồi Phật còn sống, xứ này là nơi thành vượng, kinh-thành của vua Ba-Tur-Nặc (Prasenajit). Mà đến thế-kỉ thứ bảy, Xá-vệ đã thành ra một nơi cổ rỗi. Biết bao tích Phật ở chốn này ! **Lúc trước, nhà thương-gia từ-thiện Tu-Đạt kêu là Chẩn-tế-bần-phạp hay là Cấp-cô-Độc mua cái vườn của ông hoàng Kỳ-Đà mà cúng Phật, vườn ở trong thành. Mãi đến sau mấy nhà tăng bên Tàu qua trước thầy Huyền-Trang còn thấy ao hồ và hoa cỏ trong vườn. Vua A-Dục có dựng hai cây trụ để ghi Bánh xe Pháp và con bò Pháp. Thầy Huyền-Trang chỉ thấy trụ hư và chùa sập thôi ! Cũng tại xứ Xá-vệ, Phật làm cho mấy lão tà đạo thấy phép mầu.**

Từ đó tới sau, chỗ Phật làm phép được người đi lại cúng luôn. Lúc ấy có sáu thầy ngoại đạo khoe với vua Ba-Tur-Nặc rằng giáo-lý của họ thì đích đáng và chê bợn Thích-Ca là thấp thường. Họ sẵn lòng làm ra cho vua nhận theo lời. Vậy họ mới tâu với vua cứ đi mời Thích-Ca lại tranh phép, chừng đó vua sẽ tin rằng họ nói không sai (xem Truyện Phật Thích-Ca). Vua Ba-Tur-Nặc đến viếng Phật, đem việc ấy mà bạch lại. Phật bảo vua cất một tòa nhà lớn cho xong trong bảy ngày.

Ngày kỳ hẹn, bợn lạc-đạo đến trước, dương cười, ngạo Phật. Phút đầu hào-quang soi sáng cả đền. Kế Phật hiện ra. Họ nín lặng và thẹn thuồng. Ngài làm cho cả nóc đền biến mất, đoạn vẽ một đường trên trời từ phương Đông qua phương Tây, rồi đi giáp hai đầu đường. Bảy giờ hào-quang trong mình Phật chói ra khắp nơi, trên vai lửa xung ra đỏ rần, dưới chơn rải ra một trận mưa. Kế Phật ngồi lên tòa sen, có Thiên-đế châu hai bên, phía hữu là đức Phạm-Thiên (Brahma) phía tả là đức



Đế-Thích (Indra). Ngài lại biến ra trăm ngàn vạn ức tòa sen, trên mỗi tòa sen đều có một vị Phật giống như Ngài. Bọn tà-đạo thấy phép màu thì sảng sốt, chạy đi mất.

Thầy Huyền-Trang cũng còn thấy danh tháp ghi tích nhà chùa mà ngày xưa bà Ba-Xà-Ba-Đề (Prajapati) lập ra cho các tăng-ni. Bà là di của Phật. Đức mẹ sanh Phật trong bảy ngày thì băng. Bà di nuôi nấng và trông nom đến khi lớn. Mấy phen bà xin nhập làm tín-đồ, nhưng Phật không nhận. Bà nhờ có A-nan-đa lăm lời cầu khẩn, Phật mới cho bà với hạng nữ-lưu nhập đạo, nhưng phải tôn trọng các sãi và ăn ở nghiêm-nhặc hơn chúng tăng (1). Nhờ bà vào đạo nên phụ-nữ xuất-gia càng ngày càng đông. Bà đứng ra chủ-trương các tăng-ni. Nhiều bà, nhiều cô có lòng thành, vừa lo tu niệm, vừa lo cứu vớt chúng-sanh, được chứng quả và được về cõi Niết-Bàn.

Thầy đi một đôi nữa, gặp cảnh chùa ghi tích anh ăn-cướp bỏ tà qui chánh và theo thọ giáo với Phật. Tên Vi-Uơng-Quật-Ma-La (Angulimala) là một kẻ cướp hung ác lắm, thường hay giết hại người. Nó tin theo một phái vô-nhơn-đạo kia, hề giết ai thì chặt lấy đủ mười ngón tay mà đeo, càng đeo nhiều thì càng được phước. Có một lúc nó còn thiếu hai bàn tay nữa là đủ xâu. Nó muốn có cho mau đặng đeo đủ, nên định giết mẹ nó và chặt tay. Nó vừa đưa dao lên để lấy đầu mẹ nó thì thấy Phật hiện ngay trước mắt. Nó giận lắm, vì thấy người ngoài xen vào việc mình. Nó liền hươi dao chém Phật. Phật tránh khỏi rồi chạy lui. Nó rượt theo. Nó chạy mau chừng nào cũng theo không kịp. Nó nhận biết là Phật Thế-Tôn, bèn quăng dao mà lay. Phật vui lòng tha cho và nhận cho nó làm tín-đồ. Anh chàng giết người ấy tu đắc quả, thành La-hán.

Huyền-Trang đi lại vườn âm-nhạc ngày xưa, thấy cảnh tháp ghi tích Phật chữa bệnh cho một thầy tăng. Ở đây người ta còn cảm đức từ-bi của Phật lắm : có một thầy sa-môn đau, nằm riêng một mình ngoài xa, không dám vào trường. Phật đi, bắt gặp, hỏi duyên do. Thầy sa-môn bạch rằng : « Bệnh tôi trầm trệ lắm, uống thuốc đã nhiều mà

(1) Xem giải Ti-kheo-ni trong cuốn Tăng-đồ nhà Phật cuốn nhì.



không thấy giảm chút nào, nên tôi không dám làm phiền lòng các ông lương-y, đành ra ở ẩn ngoài này. Tôi đau lắm, chịu khổ một mình, không ai lo giúp cho.»

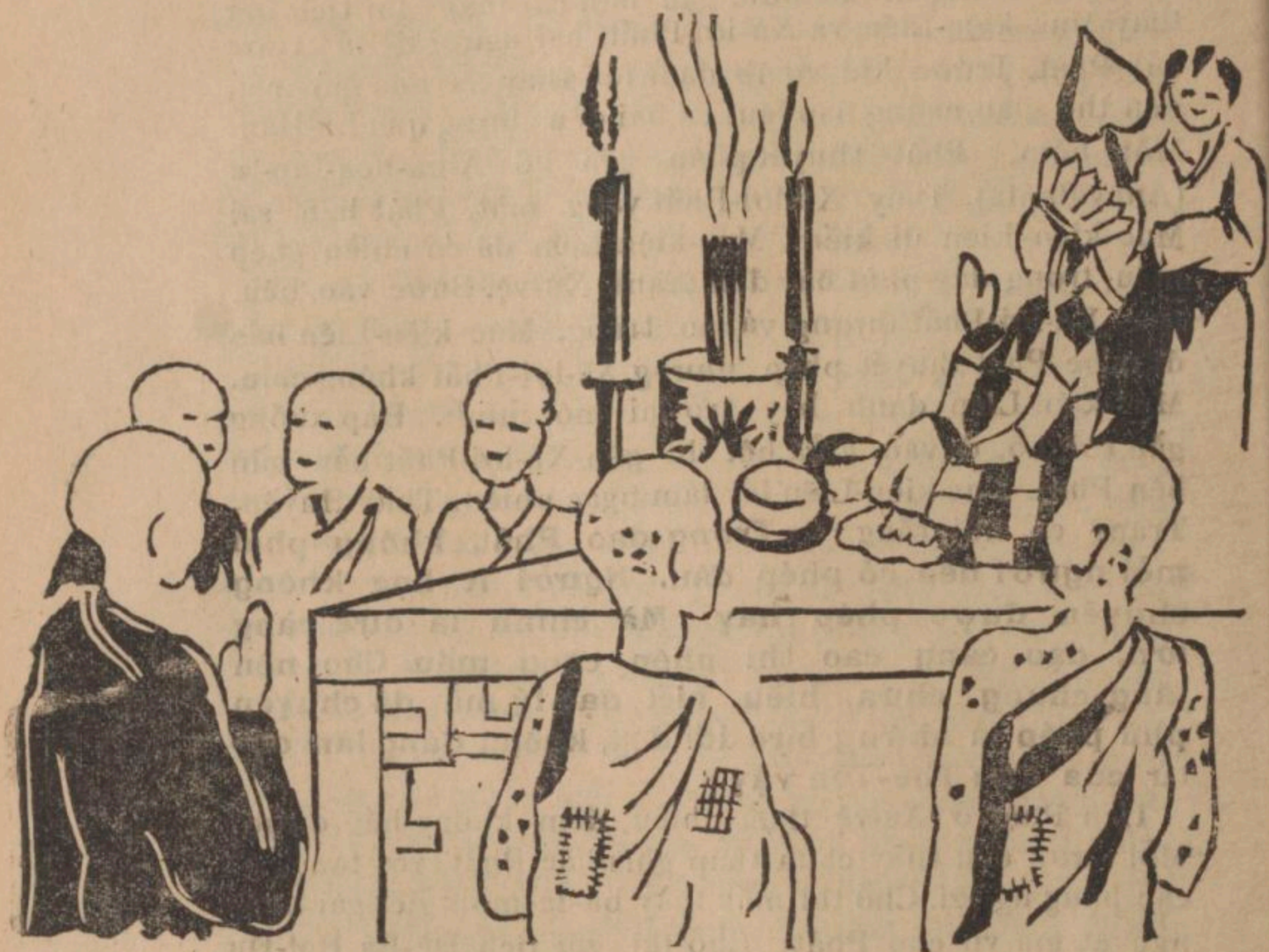
Phật phán : « Tội nghiệp dữ ! Thôi để ta thế làm lương-y cho.» Phật liền lấy tay sờ mình thầy sa-môn. Thầy liền hết bệnh. Phật mới đem thầy đi tắm, lấy quần áo mới thay vào cho. Rồi Phật đi, dặn thầy nên lo tu niệm sốt-sắng thêm.

Huyền-Trang đi xa nữa, gặp một cái tháp ghi tích hai thầy Mục-kiện-Liên và Xá-lợi-Phất, hai người đệ-tử trước của Phật. Trước khi nhập đạo, hai thầy đã học giỏi rồi, nên thọ giáo chẳng bao lâu, cả hai đều chứng quả La-Hán. Một hôm, Phật thuyết pháp gần hồ A-na-hoa-táp-ta (Anavatapta). Thầy Xá-lợi-Phất vắng mặt. Phật liền sai Mục-kiện-Liên đi kiếm. Mục-kiện-Liên đã có nhiều phép mầu, trong đây phút bay đến thành Xá-vệ. Bước vào liêu, thấy Xá-lợi-Phất đương vá áo trắng. Mục-kiện-Liên bảo đi nghe Phật thuyết pháp, nhưng Xá-lợi-Phất không chịu. Mục-kiện-Liên đành bay trở lại một mình. Đáp xuống gần tới hồ, đi vào giữa hội thì gặp Xá-lợi-Phất hầu gần bên Phật. Mục-kiện-Liên lấy làm ngạc nhiên. Thấy Huyền-Trang có nói rằng : « Trong đạo Phật, không phải mỗi người đều có phép đâu. Người ít học không chuyên được phép hay. Mà chính là đức càng lớn, đạo càng cao thì phép càng mầu. Cho nên tăng-chúng chưa hiểu biết đạo-lý mà đã chuyên phù phép là những bực đời đời, không đáng làm đệ-tử của đức Thế-Tôn vậy.»

Tích Phật ở Xá-vệ thật nhiều, đếm không hết được. Mỗi bước đều thấy chùa tháp ghi nhớ Phật với toàn cả các hạng người. Chỗ thì mấy thầy bà-la-môn giết gái hoa-nguyệt mà vu cho Phật. Chỗ thì ghi tích Đề-Bà Đạt-Đa người bà-con theo học với Phật lại trở lòng muốn hại Phật (Truyện Phật Thích-Ca). Có chỗ, ngày trước một cô gái là lời, vì nghe lời bọn bà-la-môn, độn đồ trong bụng rồi vu cho Phật ăn nằm với nó cho đến có chửa. Cô ta bị lửa đốt và rớt ngay xuống A-tì. Chỗ khác là nơi Phật cứu quê-hương mình. Vua nước Câu-tát-la cố oán vua Thích,



nên đem rất nhiều binh tướng qua hãm thành Ca-ti-la-vệ. Phật ngồi trước đường, trên một gốc cây khô. Vua đi tới gặp, bèn xuống ngựa, hỏi sao Phật không kiếm cây tươi bóng mát mà tham thiền, để ngồi trên gốc cây khô. Phật đáp: « Nhà cửa ta, thân thể ta như lá với cành cây. Bây giờ vua định đi đồn thì như ta ngồi trên gốc cây khô vậy.»



*Các sư tụng kinh trong một cuộc lễ cầu nguyện.*

Vua nghe động lòng bèn quày binh trở về. Đến sau vua đem binh qua nữa, đánh phá nước Ca-ti-la-vệ. Vua nước Câu-tát-la được đại thắng, có bắt đem về năm trăm mỹ-nữ, cố ép họ phải hầu hạ, nhưng mỹ-nữ không vâng theo.



Vua liền dạy chặt tay chơn họ và đem bỏ thây dưới hầm sâu. Năm trăm mỹ-nữ sắp chết, đồng nhau niệm Phật. Liền thấy Phật hiện xuống và rước về cõi Tiên. Cách vườn chừng bốn năm dặm, có một cảnh tháp ghi tích Phật làm sáng mắt người. Cũng là vua xứ Câu-tát-la bắt được năm trăm tên ăn-cướp. Vua bèn móc mắt chúng-nó và bỏ chúng-nó giữa rừng. Đương khi đau khổ, chúng đồng tưởng đến Phật và vái Phật. Chúng vẫn độc ác từ trước, đã phạm nhiều tội, nhưng vừa hối hận liền được Phật thương đến. Chúng đương niệm Phật thì có một luồng gió mát đưa lại, làm cho chúng được sáng mắt như xưa.

Huyền-Trang đi lên phía Đông-Nam, đến xứ Ca-ti-la-vê là quê xưa của Phật. Sau khi Phật tịch và dòng Thích-Ca mất, thành này cũng suy, mấy phen bị các vua láng-diềng đánh phá, lần lần sa sụp. Đến thế-kỉ thứ bảy, thầy Huyền-Trang lại thì chỉ là một nơi cô-tích thôi. Bây giờ thành ấy đã mất dấu rồi. Có nhiều nhà thông thái muốn tìm ra chỗ cũ, phải tốn bao nhiêu công khó nhọc và lâu dài. khắp trong nước là mười cái thành, đất đầy những cây cối bao giăng. Còn hoàng-thành thì hư sập hết, không thể định là bao xa. Duy còn có vòng thành to lớn, cất bằng gạch là chưa mấy hư hao. Gần đó có một nhà chùa với ba mươi sãi về Tiểu-thừa. Sánh với thành to tác kia, với xứ gốc gác của Phật kia, thì một cảnh chùa nhỏ có nhắm vào đâu. Thầy lấy làm cảm động vì thấy cả ngàn chùa tháp đều hư sập. khắp trong xứ, đã mấy trăm năm người ta tản lạc đi mất rồi. Trong mấy làng, còn chút ít dân cư. Không còn một ông hoàng hay một ông quan nào. Mỗi xóm chỉ có một người hương-chức nhỏ thôi. Mà p' ông. thồ vẫn ấm áp, điều hòa như xưa, đất-đai cũng phì mĩ, cây trái cũng nhiều. Chỗ đất Phật mà không tránh khỏi luật bề dẫu ! Nào khi phong phú, vui vầy, nay lại là một xứ vắng tanh, thảm đạm !

Huyền-Trang thấy cảnh động lòng, chắt-chứa những sầu-cảm và tin-thành. Trên nền cũ người ta có chỉ cho



thầy chỗ bà hoàng-hậu Ma-da ngồi tham thiền trước khi sanh ra Phật, vì bà thấy mộng, voi sáu ngà đầu-thai xuống vào lòng bà. Thầy còn thấy một bức họa hình Phật hóa ra bạch-tượng từ trên trời bay xuống cung vua Su-đa-Na (Tịnh-Phạn). Nhiều chỗ khác đều có tượng Phật lúc còn nhỏ và khi lớn lên. Ngay cung bà hoàng-hậu về phía Đông-Nam, có một cái tháp ghi tích nhà danh sư A-Tư-Đà đến viếng vua với hoàng-hậu, vì sư biết rằng thái-tử sẽ thành Phật, cứu độ tất cả chúng-sanh. Ngoài cửa thành về hướng Nam có một cái tháp cao, vua A-Dục muốn ghi tích Thái-tử Thích-Ca thắng vừa khoa văn vừa khoa võ và chiếm được vợ hiền. Ngài là người không học với thầy mà biết đủ mọi việc. Có lẽ vì bao nhiêu những kiếp trước ngài đã rành rồi. Lúc vua chọn được gái địch đáng, con nhà danh giá, thì cha cô e rằng thái-tử đã quen tánh mềm mại chơi bời, nên muốn thử tài, bắt phải tranh với công-chúng về mọi khoa. Nhưng dầu về văn-chương, toán-pháp, đấu cho đấu võ, bắn bia, ngài cũng là vô-địch tất cả. Chỗ khác lại là một danh tháp ghi tích thái-tử đi chơi ra ngoài thành, gặp mấy người già, bệnh chết, ngài rất thương-tâm. Từ nhỏ cho đến khi có vợ, chưa hề cảm thấy khổ là gì ! Nhưng đến hôm đầu mùa xuân, ngài ngoạn cảnh, ngồi trên xe vàng có bốn ngựa, trông xuống thấy người già : lưng khòm, chơn rung, răn rụng. Ngài buồn lòng lắm. Già là khổ, hết đẹp, hết mạnh, hết vui, hết tri, hết tài; lại xấu hình mất sức, lảng tri, đau thân, điếc tai, lờ mắt... Qua hôm sau, ngài gặp một người bệnh : vừa đi vừa té, ngã ngửa ngã nghiêng, mặt xanh xao, hình ghê gớm, khóc lóc, than van, mà khi sao vui cười, sung-sướng ! Đến lần thứ ba, cũng đi chơi, ngài lại gặp người chết giữa đường : không còn nghe, thấy, sờ, ngửi, nếm, ăn gì nữa. Bà con theo khóc kể thảm sầu, mà lúc trước thì ăn chơi đúng bực ! Thái-tử tham thiền, biết trần-gian là giả-cuộc, con người mê muội, lạc lăm. Ngài bèn dứt với vợ, con, nhà cửa, ra đi một mình để tầm đạo.

Ngoài thành Ca-ti-la-vệ ném về phía Đông-Nam, có một cái đường mòn trên bụi cỏ, là dấu thái-tử bỏ lâu dài mà



chạy lên rừng lúc nửa đêm. Nhằm khi các cung-phi mỹ-nữ đều ngon giấc. Ngài ra tào ngựa, bảo người đem ngựa lại. Rồi ngài cỡi ngựa chạy ra khỏi thành, nương theo đường mòn ấy mà thẳng đến núi cao.

Lại cũng ngoài thành chừng bốn dặm, về hướng Bắc, có một danh tháp vua A-Dục cất để ghi chỗ vua cha đón rước đức Phật. Thái-tử lên núi, trải qua mấy năm khổ-hạnh, kế ăn uống lấy sức lực cho đủ mà tầm đạo. Sau khi ngài thành Phật nơi cõi Bồ-đề, và lập nên đạo cả, thì vua Su-Đà-Na (Linh-Phan) già, yếu, hằng nhớ con. Đã mấy phen vua phái quan đi rước con về. Phật ra khỏi vườn Tre, định về quê thăm cha. Vua Linh-Phan hay, ra khỏi thành, chờ rước con một cách kính trọng. Chỗ vua với Phật, cha với con gặp nhau, có danh tháp nhắc tích cho người đời sau.

Cũng có một cái tháp khác, ghi Phật tham thiền lần đầu. Lúc ấy ngài mới lớn lên, chưa có vợ. Một hôm ra khỏi đền, ngài đi chơi về miệt nhà quê. Ngài coi người ta cày ruộng, thấy họ bươi xăng những cỏ tươi, giết chết những côn-trùng. Ngài đau đớn lắm, thương như thể bà con trong gia-đình. Và ngài thấy nông-phu làm rất cực-nhọc, tay lấm, chơn bùn, cắm cúi trên đất, dựa đầu dưới trời. Ngài động mỗi đau. Thái-tử ngồi nơi cõi cây mà tham thiền. Trời đứng bóng, rồi ngã về tây và lặn mất. Nhưng chỗ cây cũng còn bóng che cho ngài.

Thầy Huyền-Trang có viếng một cái tháp mà người ta thờ kính hơn hết, là nơi vườn hoa, chỗ Phật ra đời. Bà hoàng-hậu đi ngoạn cảnh, thấy có một cây đơm bông thơm nức. Bà đi lại, tay mặt vừa vịn lấy cành cây thì Phật ra khỏi mình mẹ, có Thiên-đế chào mừng. Kinh nói Phật ra đời, bước đi bảy bước theo bốn hướng, rồi chỉ trời-đất mà nói rằng ngài sẽ làm thành đạo cả. Vua vừa đến với các quan, đặt tên là Sĩ-đạt-Ta (Sidbarta). Huyền-Trang đi về hướng Đông, đến một cụm rừng hoang. Thầy biết rằng trong rừng có đầy những cọp, voi, song thầy không sợ vì nghe rằng trong ấy có tháp xưa. Tuy tháp có nhiều dấu tích của Phật, nhưng người ta đã bỏ liều giữa rừng đã



lâu rồi. Nhờ có thú và voi trông nom, giữ gìn, nên tháp còn tốt. Một thầy tăng, đến viếng tháp nhận rằng chính mắt thầy có thấy voi hái hoa quả dâng lên bàn thờ mà cúng Phật, lấy vòi má nhỏ cỏ mọc quanh tháp và tưới nước trên đất cho mát !

Một đôi xa, có một cảnh tháp ghi tích Phật đi tu. Thái-tử thót lên ngựa, cỡi chạy lên rừng với chàng Xa-Nặc. Ngài lột áo mũ với châu ngọc mà trao cho chàng kia cầm. Kế ngài cắt lấy tóc mà quăng lên trời, có Thiên-đế rước lấy. Xa-Nặc khóc than, không muốn trở về một mình. Con ngựa cũng linh, lấy lưỡi liếm thái-tử, không nỡ rời đi. Thái-tử khuyên dỗ chàng Xa-Nặc với ngựa Kiền-Trắc, và bảo trở về thành. Vua A-Dục cũng có cất hai cái tháp thờ Xa-Nặc và ghi tích người thợ săn đổi áo da cho thái-tử mà lấy áo đẹp. Thợ săn vẫn là một vị Thiên-đế muốn dâng áo, nên ở xa chạy lại. Phật Bồ-tát hỏi : « Anh đi săn sao lại mặc đồ thầy tu ? » Thợ săn đáp : « Tôi mặc nó, thú thầy ngỡ rằng người tu niệm thì hiền lành, thú dễ người lại gần, tôi mới bắt được ! »

Thái-tử vui lòng đổi áo.

Thầy Huyền-Trang ra khỏi thành Ca-ti-la-vệ, bèn dời chơn đến xứ Cu-xi-na-ga-ra (Kuşinagara, tàu dịch Cồ-xi-la) là chỗ Phật tịch Niết-Bàn. Thấy cảnh xưa thì nhớ đến Phật và mấy lời giáo-lý của ngài khi sắp từ trần. Ngài bảo học-trò yêu nhất là A-Nan-Đà rằng : « Đi kiếm hai cây song đôi, giăng võng hai bên, trở đầu về hướng Bắc. » Bấy giờ không phải nhắm mùa mà hai cây đều đơm bông rụng trên võng rất thơm.

Phật thấy A-Nan-Đà khóc, bèn khuyên rằng : « Những nhơn-vật ưa thích, yêu mến, đều phải biệt ly. Sống đi là chết về, đã có đó thì phải mất đi. Trò ơi, Thầy dầu không còn, nhưng Đạo vẫn còn, ấy là thầy vậy, trò cứ noi theo Đạo mà ăn ở. » Ngài lại dạy nữa rằng : « Việc cố nhiên đã có thì má, không nên tiếc. » Trĩ ngài bèn bay ra cỡi xa vòi, mặt ngài sáng rực như đồng vàng, ngài đến cảnh Niết-Bàn.



Huyền-Trang viếng cảnh ấy vào năm 637, tính ra Phật tịch đã một ngàn một trăm hai mươi năm rồi. Qnanh vùng có nhiều tháp. Chỗ thi ghi tích ông thợ rèn nhờ đãi Phật bữa cơm cuối cùng mà về sau được hưởng phước rất to. Chỗ khác là nơi quán xác Phật chờ đức Ca-Diếp về mới làm lễ thiêu. Sau khi đó, các sư đều tôn Ca-Diếp lên cầm quyền theo lời chúc-ngôn của Phật.

Gần đó, vua A-Dục cũng có xây tháp thờ vài con thú có lòng từ. Người Ấn-độ chẳng những trọng người hiền, mà họ cũng tôn sùng những thú có lòng lành nữa. Vì thú há chẳng phải là hạng em út của người sao, há chẳng có Phật-tánh như người sao. Thuở trước có một con dê rừng, liềm thân mà cứu bạn đồng-loại trong nạn lửa. Người ta nói dê là một kiếp trước của Phật. Lúc ấy, trong vùng có một đám rừng lớn. Một hôm xảy ra nạn lửa, cháy lan khắp cả rừng. Thượng-cầm và hạ-thú thấy đều nguy ngập. Cùng nhau chạy đi lánh nạn, nhưng gặp một cái suối nước chảy rất mạnh, con nào lội ngang thì phải bỏ mạng. Phía sau là lửa cháy rần, nếu không qua suối thì cũng bị cháy thui. Một con dê, có lòng từ, thấy cảnh khốn thì thương cho các thú lắm. Dê bèn nhảy xuống suối, đứng chặn ngang, cố làm cho bớt trớn. Sức nước rất mạnh, soi lũng xương thịt của dê. Nhưng cả đoàn thú đều qua khỏi suối. Một con thỏ già, què cẳng, đi sau hết, tưởng đã qua không được, nhưng dê cũng rần cản nước lại. Thỏ vừa qua khỏi suối thì dê rã nát theo dòng nước. Thiên-đế liền vớt thây lên lập tháp thờ dê.

Chẳng những ở trong thành Cu-xi-na-ga-ra có tích dê cứu bạn, mà lại cũng có tích một con chim ra công cứu các chim chóc và thú vật khỏi nạn chết. Vua A-Dục cũng có lập tháp đề thờ, các nhà du-tăng thường ghé viếng.

Thuở trước chỗ rừng này cũng bị nạn lửa. Các loài chim và thú đều bay, chạy. Nhưng phần thì lửa cao, phần thì gió lớn, tình cảnh thật nguy khở lắm. Lúc đó, một con chim nhỏ động lòng thương, bèn đáp xuống suối nước, rồi bay trở lên, rảy nước trên lửa. Thiên-đế thấy chim nhỏ mà mong tưới tắt lửa khắp rừng thì cười rằng :



« Người làm mọi cánh chi cho vô ích ? Lửa đã cháy khắp cả rừng, cây cỏ đều hóa ra than đỏ. Một mình người nhỏ yếu như vậy, làm thế nào chữa cho xong ? » Chim nhỏ thấy có người đứng không mà còn ngạo mình thì giận lắm, bèn quở trách là người hèn-nhác. Thiên-đế tức cười, liền lấy nước trong lòng bày tay mà tưới tắt cả đám lửa. Ấy nhờ có chim nhỏ nên cả thượng-cầm hạ-thú đều khỏi chết thiêu.

Huyền-Trang có viếng khắp các chùa tháp nơi chỗ Phật tịch Niết-bàn. Kế thầy lướt đường rừng mà xuống thành Ba-la-nại (Bénarès). Xứ này là cõi thánh. Dân-cư đông đảo, cây cối phi mĩ, ruộng nương sung túc, thanh hành về đạo bà-la-môn. Nhà thờ bà-la-môn rất nhiều. Mỗi cái có nhiều tầng, sơn phết coi trắng lẹ lắm, có vườn rộng và ao hồ. Người theo đạo bà-la-môn, phần đông đều thờ đức Xi-hoa (Civa). Kẻ thì cạo đầu, kẻ thì để chóp, có kẻ lại ở trần truồng. Nhiều người lấy tro mà quét lên mình, hoặc hành khổ lấy thân dâng thoát khỏi kiếp luân-hồi.

Thầy có vào một nhà chùa bà-la-môn, trông thấy tượng đức Xi-Hoa to lớn và oai nghi như thật. Tuy thầy là người đạo Phật mà cũng khiếp nể như đứng trước mặt đức Xi-Hoa.

Còn về bên Phật, thành Ba-la-nại cũng có nhiều dấu tích rất đich đáng. Thầy có thấy tượng Phật ngồi thuyết Pháp, xem ra tề-chỉnh, hiền-hòa và nghiêm-trang lắm. Tượng ấy bây giờ hãy còn trong nhà cổ-tích tại Xạt-Nát (Sarnâth) cũng trong xứ Ba-la-nại (1). Chính tại đó, trong vườn hươu, Phật thuyết Pháp lần đầu. Bây giờ có một bọn năm thầy tu lấy sự hành xác làm đầu, ngỡ rằng nếu càng cực khổ về hình hài thì đạo càng cao. Cho nên họ chịu nhọc nhằn dữ lắm. Lúc trước họ tôn trọng Thích-Ca, vì Ngài hành khổ lấy thân, kể Ngài bỏ lối ấy thì họ chê cười là kẻ còn ham mê sự vui sướng, no say. Đức Thích-Ca nhờ ăn

(1) Tôi có một người Bạn về tinh thần, ông Nguyễn-văn-Tạo, pháp-hiệu Thích-tùng-Huệ, đã qua ở Ba-la-nại (Bénarès) và hiện tu tại chùa Sarnâth.



uống vừa sức nên lập thành Đạo. Ngài bèn trở lại thành Ba-la-nại để thân năm người kia làm học-trò. Họ thấy Ngài đi lại, đã nhận biết, và đồng bảo nhau không tiếp rước ngài. Nhưng Phật đi ngay tới, họ bối rối tuồng như bị lửa đốt. Và có một cái mãnh-lực lạ thường nó khiến họ chạy đến rước Phật, nên họ đành bỏ lời giao ước, đồng đón Phật, nâng áo, cầm bình bát, mời ngồi và đem nước rửa chơn.

Liền đó Ngài cho hay rằng Ngài đã thành Phật và tầm được Đạo lành. Đoạn Ngài thuyết Pháp lần đầu, đại khái Ngài giải rằng: «**Nầy các thầy, có hai điều tệ mà người trong sạch phải tránh cho xa. Một là quá sung sướng: con người cứ miệt mài trong việc vui chơi, không thể có tư tưởng minh mẫn được. Hai là quá hành khổ thân mình, không còn biết cái thú gì nữa, thật buồn và vô ích vậy. Người trong sạch thường tránh hai lối tệ ấy, mà chọn một đường ở kẻ giữa, thời được khoái lạc tinh-thần, được biết đạo-lý và được về cõi Niết-bàn.... Nầy các thầy, đây là chơn-lý của sự khổ: sanh, lão, bệnh, tử và xa cách với người yêu. Nguồn gốc của sự khổ là như vậy: ham vui, ham sống, ham quyền lợi, càng được càng ham. Muốn hiểu chơn-lý để diệt sự cực khổ thì dứt các sự ham muốn đi là xong vậy. Ta đã hiểu chơn-lý và phương-pháp để trừ nạn khổ thì ta cũng làm cho các thầy hiểu luôn....»**

Huyền-Trang còn nhớ những lời thuyết Pháp của Phật. Thầy viếng vườn hươu rất lâu, trong trí thấy rõ ràng Phật đương đánh đổ cuộc hành xác của năm thầy và giảng đạo-lý lần đầu.

Gần vườn hươu có một cảnh tháp ghi lời Phật thọ ký, cho hay trước rằng về sau đức Di-Lặc sẽ lãnh phần dạy đạo các tin-đồ và cứu khổ chúng-sanh. Lúc ấy có đức Di-Lặc tại đó. Ngài cúi đầu vâng lệnh Phật và bạch rằng sẽ rón giữ lấy đạo từ. Gần vườn hươu, về hướng Đông, thầy Huyền-Trang còn thấy một cái hồ. Thuở trước Phật thường tắm nơi đó. Lại có hai cái hồ nữa một cái để Ngài giặt áo và một cái để Ngài rửa bình bát. Cảnh vườn hươu



còn tốt; tháp xưa cũng được giữ gìn vẹn khéo. Trong vườn có cây cao bóng mát, rất phải chỗ tham thiền và có một nhà chùa với một ngàn rưởi tăng-đồ phái Tiểu-Thừa, một lòng thờ trọng đức Thích-Ca.

Người ta nói rằng kiếp trước, Phật thường đầu thai tại Ba-la-nại và hay làm cầm thú để nêu gương từ-bi bác-ái cho chúng-sanh. Một khi kia, Ngài là bạch-tượng sáu ngà tốt đẹp lắm. Ngài có hai vợ. Một hôm đi chơi với vợ trong rừng, đụng nhằm một cây đưng đơm bông. Cây bị đụng mạnh, hoa rớt ngay mình một cô vợ, còn cuốn và là thì văng nhằm cô kia. Cô này then và phiền cô kia, quyết rửa hờn. Khi thác cô được đầu thai làm hoàng-hậu thành Ba-la-nại. Hoàng-hậu sai thợ săn lên rừng tìm voi mà giết và lấy ngà đem dâng cho mình. Thợ săn giả làm một thầy tu hiền lành, vào rừng thấy vua tượng đi gần hồ sen, oai nghi như hòn núi lớn, còn cả bầy voi thì đi đàng xa. Nó nghĩ vua tượng là đáng giết hơn hết, vì có sáu ngà. Nó dương cung ra mà bắn một mũi tên có tẩm thuốc độc. Tượng bị tên, đau đớn lắm, muốn xốc lại giết thợ săn. Nhưng nghĩ lại bèn thôi và cảnh không cho bầy voi hại mạng anh thợ. Tượng hay rằng hoàng-hậu sai thợ săn đi lấy ngà, liền lấy vòi bị thương rần bẻ ba cặp ngà trao cho nó. Tượng chịu đau không nổi, liền thác, đầu thai làm thái-tử, sau thành Phật. Còn hoàng-hậu, khi được ngà, biết là của người yêu kiếp trước, khổ tâm và hối hận lắm, hối hận và khổ tâm cho đến bẻ tim phổi và chết liền.

Cũng ở tại Ba-la-nại, một kiếp trước, Phật làm vua loài hươu. Ngài cầm quyền một đoàn dân là năm trăm hươu. Một hôm vua trong thành sai một lũ thợ săn lên rừng mà vây bắt cả « chúa tôi ». Chúa loài hươu liền vào đền ra mắt vua và xin tha cho cả bọn dân mình. Rồi mỗi ngày mình sẽ nạp cho vua một con hươu để vua xơi thịt. Kế đến hôm tới phiên một con cái phải đi nạp mạng. Nó kiếm chúa, quì xuống và tâu rằng: « Xin ngài chờ cho tôi khai huê nở nụ, bấy giờ tôi sẽ đi dâng nạp mạng tôi. Vua hươu động lòng thương, bèn thế mạng mình, xuống thành Ba-la-nại mà chịu chết cho nó. Vua trong



thành cũng có từ tâm, bèn tha cho và không bắt nạp lễ nữa. Và vua có phán rằng: «Nội các rừng núi, các ao trong suối tốt, trăm ban tất cả cho loài hươu và truyền lệnh không ai được giết hại chúng-nó.»

Xa nữa là một đánh tháp, nêu gương từ thiện của một con dê. Chuyện này hẳn có trong kinh. Và Phật thuyết pháp cũng nói rằng kiếp trước mình làm dê đại từ ấy. Ngài phán với tín-đồ rằng: «Thuở xưa ta đầu thai ra làm một con dê, ở trong một đám rừng. Ta ăn cỏ, lá vối hoa, quả, chớ không giết hại sanh-linh. Ba anh em, một con vượn, một con chó với ta đồng làm bạn và ở chung với nhau. Ta dạy cho vượn với chó biết nghĩa-vụ ở đời. Và ta chỉ cho biết việc nào ác, việc nào thiện. Một hôm, có một ông thầy bà-la-môn đến chỗ ba anh em. Ấy là Thiên-đế hóa làm ông thầy bà-la-môn vậy. Ngài hỏi rằng: «Các con ! Ở đây các con có vui thích chăng ? »

Ba anh em ta đáp: «Chúng con ăn ở với nhau trên cỏ rậm, trong rừng sâu, tuy là khác giống nhưng lấy làm thương nhau. Chúng con thật ở đây êm tịnh và vui vẻ lắm.»

— Ông đã nghe các con kết tình bằng hữu với nhau rất nên khấn khít, nên ông chẳng ngại tuổi già, đường xa, đến đây thăm các con. Nhưng bây giờ ông đói lắm, các con lấy gì mà đãi ông ?

Ba anh em đồng chia ra mỗi con đi mỗi ngả mà kiếm đồ ăn. Chó xuống rạch bắt được một con cá. Vượn đem về những hoa, quả ngon. Chỉ có dê về mình không lại còn nhảy nhót bên này qua bên kia. Ông lão thấy lạ, bèn hỏi: «Sao con lại về không ?» Dê đáp: «Vậy mà con có đồ quý dâng lên ông. Hôm nay con muốn đãi ông một món đồ đặc-biệt và tốt lành. Vậy ông chịu phiền đem củi lại đây và nhúm lửa.» Lão bà-la-môn làm theo lời dê. Lửa cháy đỏ, dê bèn nhảy lên cao và nhào vô đó, liền có thịt mình cho ông lão xơi.

«Lửa cháy nóng mà đối với ta kiếp đó như thề nước suối mát mẻ. Vì ta nhảy vô đó, nhờ lửa làm tắt hết các



điều tội lỗi, mê muội của ta vậy. Ta lại có thịt béo xương giòn để đãi thầy bà-la-môn kia nữa.»

Huyền-Trang viếng phong-cảnh và cổ-tích thành Ba-la-nại, lấy làm khoái chí lắm. Khi làm lễ các chùa rồi, thầy đi lên trên và tới thành Ti-xá-li (Vaiçali). Hồi trước, Phật thường ở xứ này, vì đất đai thanh phát với nhiều vườn cây mát, đáng chỗ tham thiền. Nhưng Huyền-Trang lại thấy thành Ti-xá-li đã suy-sụp lâu rồi. Thầy đi viếng vườn xoài của một cô tăng cúng Phật. Người ta có đặc thầy đi coi cái hồ một bầy khi đào để có nước cho Phật dùng. Gần hồ có một cái tháp ghi tích khi đến lấy bình bát của Phật đem đi một lát chạy trả cho Phật, đầy mật ong. Thành Ti-xá-li cũng có nhiều tích Phật. Thầy rất thích với cảnh, vì Phật tịch chừng một trăm năm thì các tín-đồ hiệp nhau lại đây mà dọn thành Kinh.

Thầy đi lại một thành đại-khái hơn hết, chẳng những có nhiều tích Phật mà lại có kinh-sách rất hay. Ấy là thành Hoa-Thị (Pataliputra), kinh đô Vua A-Dục ngày xưa. Vua A-Dục nhóm đại-hội các nhà tăng để khảo xét tình hình nhà Phật. Từ khi Phật tịch, kỳ đại-hội này là lần thứ ba. Vua cất cả thấy là 84 ngàn chùa tháp : chỗ nào có tích Phật là có ngay một vài cái. Chẳng những vua mộ đạo và ăn ở hiền từ, mà vua lại còn biết chọn danh-sư để bảo tồn và truyền bá đạo đức nữa. Vua đời nhiều nhà cao tăng lại trào rồi phái đi với sứ ra ngoài để truyền-bá chủ-nghĩa từ-bi bác-ái cho các nước láng giềng.

Bởi thế cho nên xứ Hoa-Thị là trung-tâm của đạo Phật. Phật còn để dấu chơn tại đây khi sắp về cõi Niết-bàn. Phật đã từng chịu cay đắng khổ sở ở miệt này, và khi thành đạo cũng ở miệt này. Lúc sắp từ giã thành Hoa-Thị mà đi lên miệt trên, rồi sẽ về cõi Niết-bàn, Phật đứng trên một hòn đá vuông, ngó A-nan-đa và phán rằng : « Ta trông về bệ ngọc và hoàng-thành lần này là lần cuối cùng ! » Người dòng nhà vua, xá phú, cầu bần, gần về Niết-bàn mà cảm xúc như thế, thì đẹp lắm nhỉ ! Cõi trần thật là bận bịu, nó không muốn lìa dứt với người. Cho đến nhà hiền-triết toàn-giác là đức Phật mà khi sắp lìa còn phải để một lời như chưa hẳn là dứt đi vậy.



Nghĩ cũng cao-thượng lắm nhỉ ! Trần-thế là nơi mình chịu bao nhiêu sự khổ não, bao lần sống đi chết về, bao kiếp luân-hồi. Thân mình vẫn quên rồi. Bao lần đi về với quả đất, từ lúc còn làm cỏ, cây, cầm, thú, đến khi làm người. Rồi khi sang, khi hèn, kiếp nhục, kiếp vinh, cũng đều lăn lộn trên cõi trần. Dầu là biển khổ, dầu là nơi vui ít buồn nhiều, nhưng tưởng chừng như chỗ có lắm khi ta được thanh-thú đó. Phật cần phải sống trên thế mới lập thành Đạo và tịch Niết-bàn. Quả đất là nơi mình từng phen khổ xác nhục tâm, là nơi mình đã thành Phật, tưởng khi từ già cũng nên lưu lại một chút tình !

Thầy Huyền-Trang theo đường từ Hoa-Thị đến Bốc-Gai-Da (Bodh Gaya), càng bước tới thì càng gặp nhiều tích Phật. Miệt này hẳn là đất nước nhà Phật. Thầy có gặp sông Nại-hà (Nairanjana), chỗ Phật tắm và giặt vải ngày xưa. Thầy cũng có giếng cây Bồ-đề là chỗ Phật ngồi tham thiền cho đến khi thành Đạo. Kinh có ghi rằng đức Thích-Ca chịu khổ-hạnh sáu năm trời mà chưa thấy hiệu quả gì. Trong mình chỉ còn da bọc lấy xương. Không ăn uống gì, Ngài yếu cho đến đôi không còn một hơi thở. Đức mẹ ở trên Trời tưởng rằng Ngài chết. Bà liền bay xuống khóc than. Ngài mới nghĩ : « Nếu ta chịu khổ mãi, mình gầy, sức yếu, làm thế nào tham thiền cho hiệu quả ? » Vậy Ngài định ăn uống lại cho bổ khỏe, trong mình mạnh thì huệ mới phát mau. Ngài lượm vải đem lại sông mà giặt. Ngài tắm rửa cho sạch, kể mặc tấm vải và đi vào làng lân cơm với đồ ăn. Một cô gái từ thiện đến dâng cúng sữa, đựng trong bình bát bằng vàng. Ngài dùng sữa nấu lộn với bột và mật ong của cô. Kế Ngài đi dài theo mé rạch. Ngài gặp cây Bồ-đề có bóng mát rất phải chỗ tham thiền. Lúc đó có người thợ phát cỏ, đem cỏ chất thành một ngôi đẹp. Ngài ngồi lên trên và nguyện rằng bao giờ chưa thành Đạo thì Ngài chưa chịu đi khỏi cây Bồ-đề. Hào-quang ngài chiếu ra khắp nơi, làm cho quỷ ma-vương lo sợ. Nó định hại phá Ngài. Nó kéo binh tướng yêu quái đến, rồi truyền cho chúng đánh, đập, bắn, chém tâng-bằng. Nhưng không công



biệu gì. Bao nhiêu khí giải lại gần đức Thích-Ca đều hóa thành hoa thơm. Ma-vương lại làm mây, làm mưa, làm lửa, làm gió, nhưng cũng vô ích. Bị bà Đất sỉ nhục, nó chạy trở về. Nó lại cho con gái nó dùng sóng khuynh thành mà kêu gọi ái-tình của đức Thích-Ca. Nhưng mấy cô đều hóa ra da nhẵn mặt thỏ, phải qui lạy đức Thích-Ca mà chịu tội và xin Ngài phục sắc lại cho.

Ngài cứ tham thiền, lo về sự khổ của chúng-sanh. Ngài định diệt nguồn gốc sự khổ mà cứu vớt nhơn-loại. Tư tưởng Ngài cao sâu, mạnh mẽ làm cho quả địa cầu-rung rinh nhiều lần. Ngài ngồi dưới cây Bồ-đề đến mấy tuần, tầm xong đạo cả. Đã thành Phật, nhưng Ngài còn ngồi tham thiền nữa. Nhân khi có bão to mưa lớn, thần Rắn thấy Phật ngồi giữa trời, dưới cội cây, bèn lấy đốt mà quán khắp mình Phật, còn bảy cái đầu thì che lên trên, làm cho Phật khỏi cơn mưa gió. Ngài tu thành, còn dự về cuộc đi truyền đạo. Có hai vị Thiên-đế hiện xuống chào Ngài và cầu xin Ngài ra đi cứu vớt và giải thoát chúng-sanh. Thiên-đế cầu khẩn mấy phen Ngài mới nhận lời, chịu đi truyền đạo khắp nơi.

Tới đây thầy Huyền-Trang viếng cảnh không biết chán. Thầy làm lễ chỗ Phật tham-thiền và có biên rõ hình trạng cây Bồ-đề. Thân cây trắng trắng vàng vàng. Lá xanh và mượt, đầy đủ hằng năm, dầu hạ, dầu đông cũng không rụng, không thay. Nhưng mỗi khi đến kỳ lễ Niết-bàn, nhằm ngày Phật tịch, lá thay đi, rồi qua ngày kế thì đủ lại và cũng tươi tốt như thường. Hễ đến kỳ lễ, các vua chúa đều tỵ chung-quanh cây Bồ-đề, lấy sữa mà tưới cây, dâng cộ đèn và cúng hoa cho Phật. Rồi ra về mỗi người chia nhau thỉnh một vài lá để thờ.

Từ đời vua A-Dục tới sau, người ta trông-nòm cây Bồ-đề rất kĩ. Có bao tường gạch ở ngoài, cho cửa chánh ngó về hướng Đông, ngay sông Nai-hà chỗ Phật tắm khi xưa. Hướng Nam có một cái cửa ngay một cảnh hồ sen. Hướng Tây vách thành có núi chổ che cho khỏi kẻ ngoại đạo đến làm ngang. Còn phía Bắc là nhà chùa, đầy những đồ cổ-





Trong khi Phật ngồi đại-dịnh giữa cơn mưa gió lạnh lùng, thì thần Rắn hiện  
bao trùm, che phủ cho Phật.



tích của Phật với đệ-tử. Chung quanh chùa có nhiều tháp rất đẹp của vua và nhiều nhà qui-tộc dựng để ghi tích Phật với các vị tổ-sư. Giữa chùa có Bệ ngọc chắc chắn lắm. Dầu phải những nạn long trời vỡ đất, ngôi qui cũng vững vàng. Vị Bồ-tát nào muốn hàng phục các yêu quái và muốn thành Phật tức phải lại ngồi trên ngôi ấy. Chỗ đưng Thích-Ca ngồi và thành Phật cũng gọi là ngôi Bác-nhã. Trần-thế dầu nghiêng ngã, ngôi ấy cũng không hề gì.

Gần cây Bồ-đề, có tượng Bồ-tát Quan-Thế-Âm. Người đời trước truyền nhau rằng chừng nào tượng ấy lún khỏi đất thì đạo Phật không còn trên cõi Ấn-Độ nữa. Thầy Huyền-Trang thấy tượng đã ngập tới ngực rồi. Theo lời xưa thì không ngoài một trăm rưỡi hay hai trăm năm, đạo Phật sẽ tiêu mất, không còn ở trong nước Ấn-độ. Chính lúc đó Phật-giáo bên ấy đã suy nhiều. Ngoại trừ xứ Ma-kiệt-đề (Magadha) với miền vịnh Bê-n-gan (Bengale) là còn chùa to sãi giới, toàn cả nước đều điêu tàn đi hết. Chùa tháp vua A-Dục biết bao công trình tạo lập đều hư sập, và bị chúng phá nát hết.

Nghĩ về tình hình nhà Phật, thầy Huyền-Trang rất buồn. Hồi tưởng lại lúc đưng Thích-Ca lập thành Đạo dưới cội Bồ-đề, thầy khóc kể rất thảm thiết. Thầy qui xuống đất, dâng cả lòng thành lên Phật, và khóc rằng : « *Hỡi ôi ! Khi Phật thành đấng Toàn-giác, thì đệ-tử nào có biết kiếp đó hèn hạ ra thế nào đâu ? Mãi đến bây giờ mới lại chốn này, tượng Quan-Âm gần lún mất rồi ! Đệ-tử nghĩ lại càng hổ thẹn vì những lỗi quá to, nên chẳng đặng duyên phần gặp Phật. »*

Thầy kể rồi lại khóc nức nở, giọt lụy đầm đìa trên mặt. Vừa lúc đó có mấy ngàn thầy tăng bắt từ trong chỗ nghỉ hè đi ra. Gặp thầy như vậy, mọi người đều mũi lòng, khôn ngăn giọt thấm.

Thầy đi viếng các nơi cổ-tích. Thầy có thấy cái hồ của Thiên-đế dùng phép đào đặng có nước cho Phật tắm. Thầy cũng có thấy hang của thần Rắn lấy đốt quần mình Phật và lấy dầu che cho Phật khỏi cơn mưa gió lạnh-lùng.



Người ta chỉ cho thầy coi khúc sông chỗ Phật tắm trước khi Phật lần đến cây Bồ-đề.

Thầy Huyền-Trang cũng có gặp cảnh rừng chỗ Phật thâu ba anh em Ca-Diếp. Ba người này tu luyện có quả khá. Anh trưởng thì trời hơn về đạo-lý. Ở chung với nhau một chỗ mà tầm đạo, nhưng họ bị một con Rắn đến phá, nhờ Phật lại giải cứu cho. Anh trưởng Ca-Diếp vừa mới chịu phép Phật là mẫu, chớ chưa nhận lý Phật là cao. Phật bèn thuyết pháp, lấy đèn Bát-nhã mà soi cho tâm tánh Ca-Diếp được sáng thêm. Chừng đó người mới nhận Phật là hoàn toàn. Nhưng quanh vùng mọi người đều ngỡ Ca-Diếp là đích đáng và trong sạch lắm. Họ thấy vua chào Phật, họ tưởng vua lầm, không chào thầy lại chào trò. Phật bèn làm cho Ca-Diếp biết khiêm nhượng hơn trước. Khi Ca-Diếp lay Phật, mọi người đều lấy làm sảng sốt. Họ bảo nhau rằng: Phật cao-thượng hơn Ca-Diếp nhiều, thì không còn ai sánh kịp Phật nữa. Trong các đệ-tử của Phật, Ca-Diếp là người đáng hơn hết. Nên khi Phật tịch, Ca-Diếp lên cầm quyền các tin-đồ.

Huyền-Trang có lại non « Kê-túc », gần chỗ Ca-Diếp tịch. Kinh chép rằng tuy A-Nan-Đà là học-trò yêu nhất của Phật, nhưng chưa được trong sạch hoàn toàn, nên khi gần về Niết-bàn, Phật giao cho Ca-Diếp cầm quyền. Rồi đến khi Ca-Diếp sắp tịch, thì giao quyền tổ-sư cho A-Nan-Đà. Ca-Diếp đi vào non Kê-túc, ngồi tham thiền mãi mà chớ được Di-Lặc xuống trần. Non Kê-túc có nhiều hang sâu vực thẳm, cây đá chập chồng, với ba đỉnh núi cao dựng mây xanh. Ca-Diếp vào núi, đi lên miệt hướng Bắc, đường rất gay go. Khi ngài đến dãy núi phía Tây, gặp một hòn đá lớn chặn ngang. Ngài lấy gậy mà gõ một cái, tức thì đá nứt làm hai. Ngài đi qua, vào ngay chỗ trung-tâm, có ba đỉnh núi bao ngoài. Ngài ngồi tham thiền, tịch khỏi hồng trần. Từ đó không còn ai gặp ngài nữa.

Huyền-Trang đứng trước cảnh núi, nhớ đến người xưa tuy có duyên vào đến đất Phật, mà tủi vì chẳng được làm tin-đồ của Phật hay của đức Ca-Diếp. Thầy ôn lại đoạn lịch-sử rõ ràng lúc Ca-Diếp hợp các vị Lá-hán, cùng nhau



dọn thành ba tạng Kinh. Thật là một nhà đại-đức, rất xứng đáng mà nổi nghiệp Phật.

Bấy giờ thầy đi lại phía Đông-Bắc, đến thành Nát-lan-đà (Nalanda). Chỗ này đương thời là nơi có chùa to sãi giỏi hơn hết ở Ấn-Độ. Trong xứ có chừng mười nhà chùa cất liên tiếp và cách nhau có một bức tường. Mỗi chùa đều rộng rãi, chia ra nhiều căn nhà : chỗ là liêu của sãi, chỗ là kho sách, chỗ là phòng giảng kinh, chỗ là nơi cúng Phật....Huyền-Trang ngụ tại nhà chùa lớn hơn hết ở đó. Thầy lấy làm thích phong-cảnh và trật-tự nơi chùa. Mấy đỉnh tháp cất rất đều, hiệp với nóc chùa cao tưởng bay khỏi mây từng mây. Ở ngoài liêu đầy gió mát hoa tươi. Chung quanh có hồ sen, hoa nở đầy trên mặt nước. Phía ngoài nhiều cụm xoài che mát cho chùa.

Trong nước có cả ngàn nhà chùa. Nhưng không chỗ nào chùa được tráng lệ, nguy-nga và được to tác, nghiêm trang như đây. Số tăng-đồ bao giờ cũng trên mười ngàn, toàn cả đều theo Đại-thừa. Chùa là một nhà đại-học-đường dạy đủ các khoa. Nhà tăng vào học đạo chia làm mười tám phái, phái nào cũng có thầy giỏi dạy rất rành. Trong chùa có đủ các kinh sách, từ những kinh thường sách dễ, cho đến đồ chuyên môn, hoặc y-học, hoặc toán-học, hoặc sách khảo các sự bí - mật về phép thuật. Mỗi ngày có cả trăm thầy dạy. Học-trò rất cần chuyên, phần đông đều được thành tài và đi đến đâu cũng được người kiêng-nể. Tuy là cả muôn người, mà ai nấy đều tề chỉnh, hiền hòa và giữ theo luật nghiêm nhặt nhà sư. Cho nên chùa lập ra gần một ngàn năm mà không có ai làm trái đạo cả. Vua yêu trọng lắm và có lấy số thuế huê-lợi một trăm thành-thị mà chuẩn cho. Lại mỗi ngày có hai trăm nhà từ-thiện đem gạo, sữa và dầu tới cấp cho chùa. Nhờ vậy mà tăng-chúng khỏi lo lắng về sự ăn uống, khỏi xin xỏ ai nên được mau tiến-bộ trên đường Huệ.

Thầy Huyền-Trang tới thành Nát-lan-đà được người tiếp rước trọng hậu lắm. Có hai trăm nhà sư với một ngàn tín-đồ cầm cờ, che lọng, rải hoa để làm lễ rước thầy. Khi vào chùa, chư sơn đều tựu đến chào thầy. Thầy đáp lễ xong, bèn lại ngồi trên một chỗ cao và các nhà sư với tín-đồ đều ngồi theo. Bấy giờ một đức thầy làm chức phó đốc-học trong nhà trường, chính là trong chùa to lớn,



đứng lên làm lễ động chuông và thỉnh thầy ở lại, cùng ăn dùng các đồ trong chùa. Kế người ta dắt thầy vào ra mắt nhà đại-đức chủ chùa, người lớn tuổi và cao tài hơn hết, tên là Giải-Hiền luận-sư (Cilabhadra).

Thầy đi vào chào ngài. Khi đến trước mặt ngài, thầy thụp xuống làm lễ rất cung kính theo đạo trò : thầy qui mọp và lạy chí đất. Đức Giải-Hiền hỏi han và khen tặng lắm điều. Ngài bảo người đem ghế vào và mời thầy với mấy vị sư cùng ngồi. Kế ngài hỏi qua chánh-ý của thầy. Huyền-Trang đáp rằng: « Con quê ở Trung Quốc, dốc lòng qua đây là mong học đạo-đức cao thượng, nhờ ngài thương. »

Thầy vừa dứt lời thì ngài động lòng rơi lụy. Đoạn ngài thuật diêm mộng ngài đã thấy trước khi thầy qua tới Ấn-Độ : *Lúc trước ngài phải một cơn bệnh nặng, ngài muốn tịch cho rồi. Nhưng đêm kia, ngài nằm mộng thấy ba vị Phật Bồ-tát tốt tướng và oai-nghi lắm, mặc áo rực rỡ, đàng hoàn Một vị áo sắc vàng, một vị áo sắc xanh và vị thứ ba áo sắc trắng, ấy là ba vị Phật Bồ-tát Văn-Thù, Quan-Thế-Âm và Di-Lặc. Phật giáng xuống, bảo ngài nên sống thêm dặng truyền đạo ra xa, và chớ một nhà tăng bên Tàu qua dặng chỉ giáo cho. Ngài bèn nán lại và vâng lệnh Phật. Thầy Huyền-Trang nghe thuật, bèn bạch rằng : « Nếu hẳn Phật đã có mách bảo trước, con nguyện xin làm đệ-tử, nhờ ngài dạy đạo cho, con sẽ đem hết lòng thành lễ thờ ngài. »*

Huyền-Trang gặp đại-đức, rồi đây sẽ hiểu đạo hoàn toàn vậy. Vì chỗ này là chùa có danh, trường có tiếng, lại đại-đức đã thọ giáo với mấy ông tồ giỏi hơn hết ở Ấn-Độ. Hai ông Vô-Trừ Bồ-tát (A-lăng-Già) và Thiên-Trân Bồ-tát hỏi thế-kỉ thứ năm dạy học-trò là đức Đi-Nha-Ga. Đi-Nha-Ga là thầy của đức Đạt-Ma-Ba-La, chủ trương này tịch năm 560. Và chính đại-đức truyền đạo cho Huyền-Trang là học-trò của Đạt-Ma-Ba-La đó. Ngài nổi quyền thầy mà lãnh phần cai-quản chùa và dạy đạo cho danh-sư.

Huyền-Trang hưởng đạo-lý thâm-thúy của Giải-Hiền



luận-sự, sau về nước sẽ viết kinh quý và truyền đạo Phật ra cho quê-hương mình và cho cả miền Viễn-Đông. Trọn mùa mưa năm 637, thầy ở học tại chùa, ban đầu ngủ trong liêu hai tầng của một nhà vua cất, kể thầy dời lại gần chỗ đức Đạt-Ma-Ba-La ngày trước. Mỗi ngày vua có cho người đem đồ ăn đến cho thầy dùng. Vua lại truyền cho một vị tăng và một thầy bà-la-môn mỗi bữa phải đem xe, hoặc ngựa hay kiệu cho thầy đi dạo.

Thầy định ngưng cuộc nghiên-cứu kinh sách một lúc. Thầy ra khỏi thành Nát-lan-đa mà lên phía Bắc để viếng thành Vương-xá (Rājagriha). Xứ này đã suy đồi lâu rồi, mà ngày xưa rất phồn-thạnh, nhất là nhằm đời vua Tần-Bà-Sa-La (1) (Vimbasāra) thì phong phú lắm. Độc-giả đã xem tích Phật, có lẽ còn nhớ rằng vua Tần-Bà-Sa-La là người rất mộ đạo, đã chuộng đức Thích-Ca hồi chưa thành Phật.

Ngài ra khỏi hoàng-thành, vào núi gặp ông A-ra-ta với học-trò tu rất gặt gao, cho đến không nhận lãnh cơm của ai hết, chỉ dùng hoa trái trên rừng. Ngài xét ra đạo A-ra-ta không đáng nên đi nơi khác. Khi qua thành Vương-xá nhơn-dân thấy Ngài chói rạng hào-quang thì kéo nhau theo xem. Vua Tần-Bà-Sa-La cũng đến làm lễ và mời Ngài về trào để vua phong tước trọng hoặc chia hai thiên-hạ, nhưng Ngài từ đi. Sau Ngài thành Phật, bèn trở lại độ vua với quan dân. Vua có cúng rừng Tre để Ngài dạy đạo cho tin-đồ. Cảnh vườn không xa chợ, cũng không gần chợ, đường lui tới dễ dàng, ban ngày không bao nhiêu tiếng rộn rịp, còn ban đêm thì rất êm tịnh. Các tin-đồ ở đây được tránh khỏi sự náo nhiệt, nên rất dễ mà tham thiền.»

Tại thành Vương-xá, người ta còn nhớ tích Đê-Bà-Đạt-Đa (Devadatta) âm mưu hại Phật. Đê-Bà là người bà-con, theo

(1) Vương-xá cũng kêu là La-duyệt.

Tần-Bà-Sa-La cũng kêu là Bình-sa



làm học-trò, nhưng tự-trọng lắm, tưởng mình không kém Thích-Ca. Người bạch với Phật giao quyền cai quản các tin-đồ cho mình. Phật không nhậm. Người then, bèn tách ra và quyết làm hại Phật. Vậy người mới kết tình thân với thái-tử A-xà-thế con vua Tần-Bà-Sa-La và nói với thái-tử nên đoạt ngôi cha. Thái-tử nghe theo, bắt cha cầm ngục, rồi lên làm vua. Đề-Bà thừa thế, khiến thái-tử xuất binh đánh phá rừng Tre. Nhưng không hiệu quả gì. Người lại tìm nhiều chước nữa để hại Phật. Chẳng những lương công vô-ích lại còn bị sa xuống ngục A-tì.

Thành Vương-xá có nhiều chùa của vua A-Dục cất thờ Phật, và cũng có một tháp cao thuở trước vua Tần-Bà-Sa-La thờ di-tích Phật. Tháp này bao giờ cũng chói hào quang sáng rỡ. Có một cái tháp ghi tích một con ngỗng rừng. Trong truyện truyền-kỳ, người ta có chép rằng ngỗng ấy là một kiếp của Phật. Một hôm trong chùa hết đồ ăn, thầy giữ kho lấy làm lo lắng. Đương lúc bối rối vì chưa kiếm đủ thức ăn, xảy đâu có một bầy ngỗng rừng bay ngang. Thầy ấy ngó lên, nói trửng rằng: « Bữa nay các sư hết đồ ăn rồi. Các người có Linh-tánh, cũng nên đoái đến với.» Thầy nói vừa dứt lời thì ngỗng chúa bắt từ trên mây rớt xuống chết ngay chơn bầy. Ngỗng muốn dâng thịt cho các sư, nên đã quyên-sanh vậy. Tăng-chúng đều tỵ đến, rất lấy làm thương, bèn chôn cất tử-tế và dựng tháp ghi công - đức Bồ - tát đầu-thai làm ngỗng.

Thầy Huyền-Trang thích thành Vương-xá hơn hết, vì là chỗ tin-đồ nhóm đại-hội kỳ đầu. Phật tịch rồi, học-trò tụ lại mà dọn thành ba tạng Kinh. Bảy giờ mọi người đều được chứng quả La-hán. Chỉ có A-Nan-Đà là chưa. Tuy A-Nan-Đà là bà-con và học-trò yêu nhất của Phật nhưng bởi chưa thật trong sạch nên đức Ca-Diếp không khứng cho nhập hội.

Ca-Diếp nói rằng: « Tôi biết huynh cao hơn hết, nhưng huynh chưa rửa sạch tội lỗi. Vậy huynh không nên vào đây mà làm dơ dáy cuộc hội-nghị thanh cao này.» A-Nan-Đà then lắm, bèn trở ra. Đến tối, người không ngủ, quyết tham thiền sáng đêm, lấy mãnh-lực tâm-thần mà

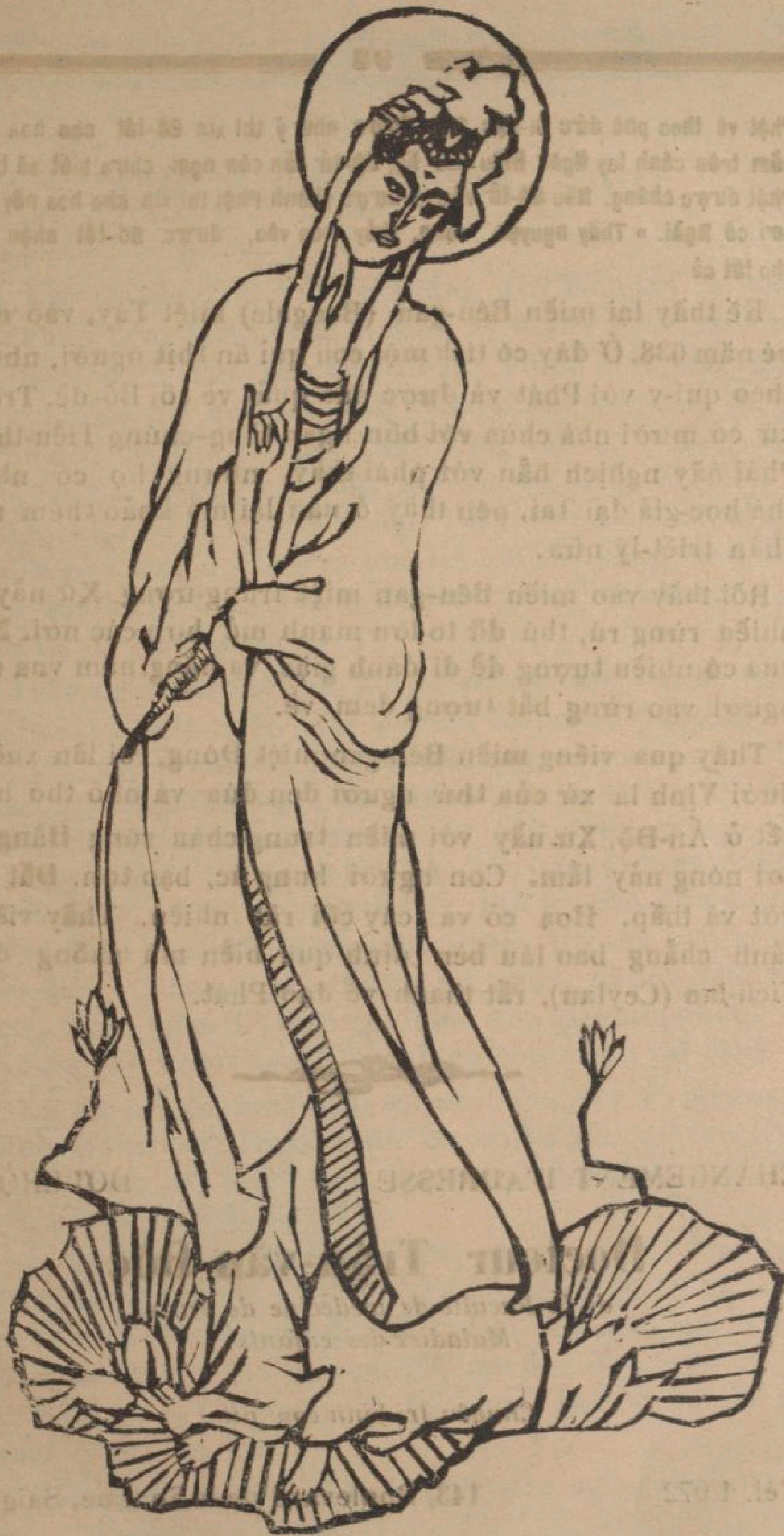


đánh đổ những tình ái làm cho mình lụy trần. Đến sáng, người được chứng quả La-hán, liền trở lại hội-ngộ và gõ cửa. Ở trong, đức Ca-Diếp hỏi : « Huynh đã dứt dây luyến ái chưa ? » A-Nan-Đà đáp : « Rồi ». Ca-Diếp tiếp rằng : « Nếu huynh đã dứt dây luyến-ái thì cần gì phải mở cửa, huynh cứ thông thả muốn vào đâu thì vào » A-Nan-Đà liền lòn qua lỗ chìa khóa mà vào, hôn chơn Ca-Diếp. Đức Ca-Diếp mới cầm lấy tay A-Nan-Đà và nói rằng : « Tôi muốn cho huynh dứt sạch cuộc lụy trần mà hưởng quả Bồ-đề. Nên tôi kiếm thế làm cho huynh ra khỏi hội, có lẽ huynh biết cho, xin chớ phiền tôi.» A-Nan-Đà đáp : « Nếu lòng tôi còn phiền hận thì tôi chưa dứt dây tình.» Đoạn người chào Ca-Diếp, tỏ dấu cảm ơn, và ngồi dự hội. Kế đức Ca-Diếp mời lên thuyết pháp. A-Nan-Đà lên ngồi nơi diễn-đàng mà lặp lại các lời thuyết của Phật. Ở dưới chư vị La-hán đồng chép thành Kinh.

Thầy Huyền-Trang làm lễ các nơi cổ-tích ở thành Vương-xá rồi trở lại thành Nát-lan-đà mà học đạo với nhà đại-đức chủ chùa. Thầy ở đó chừng mười lăm tháng, học thêm kinh Du-dà mà lúc trước thầy có khảo sơ ở Cách-xơ-mia. Thầy cũng khảo triết-lý bà-la-môn và học chữ Phạn rất rành.

Chùa Nát-lan-đà là nơi rất xứng cho thầy tham thiền và học đạo. Nhưng thay định đi viếng các nơi danh tiếng ở khắp Ấn Độ. Trước hết thầy muốn sang thành Ca-bô-ta, (Kapota) viếng một nhà chùa xưa. Cách chùa chừng vài dặm, có một cảnh núi đẹp với hoa cỏ tươi tốt và nước suối trong veo. Bối phong cảnh tốt lạ lắm cho nên người ta có lập nhiều chùa ở đó thấy đều linh lắm. Trên núi có một tòa điện thờ đức Quan-Thế-Âm Bồ-tát, cột bằng cây đàn-hương. Tượng rất thiêng, mọi người đều kính trọng. Trong xứ người ta hằng đến viếng điện Quan-Thế-Âm. Cột Bồ-tát ở giữa, chung quanh có tường rào. Thiện-nam tín-nữ đứng ngoài mà vái van và làm lễ dâng hoa. Ai thấy hoa vào, hoa được ở tay Bồ-tát thì người ấy được đặc nguyện. Thầy Huyền-Trang quì trước Bồ-tát, lấy lòng thành-tín trong sạch mà nguyện ba điều: «Điều thứ nhất, đệ-tử qua Ấn-Độ, muốn học đạo rồi sẽ trở về quê. Như được như ý, xin Bồ-tát cho mấy cái hoa này vào tay Ngài. Điều thứ hai, đệ-tử muốn được về cảnh





Bồ-tát Quan-Thế-Âm thường hiện hình phụ-nữ, đi Tà-bà cứu độ chúng-sanh. Ngài không bỏ những ai nguyện vâng Ngài.



Phật và theo phò đức Di-Lặc. Nếu được như ý thì xin Bồ-tát cho hoa này nằm trên cánh tay Ngài. Điều thứ ba, đệ-tử vẫn còn ngại, chưa biết sẽ thành Phật được chăng. Nếu đệ-tử về sau được thành Phật thì xin cho hoa này cặm nơi cổ Ngài. » Thầy nguyện xong, thầy hoa vào, được Bồ-tát nhận lãnh cho tất cả

Kế thầy lại miền Bê-n-gan (Bengale) miệt Tây, vào mùa hè năm 638. Ở đây có tích một con quỷ ăn thịt người, nhưng theo qui-y với Phật và được đặc quả, về cõi Bồ-đề. Trong xứ có mười nhà chùa với bốn ngàn tăng-chúng Tiểu-thừa. Phái này nghịch hẳn với phái thầy, nhưng họ có nhiều nhà học-giả đại tài, nên thầy ở nán lại mà khảo thêm một phần triết-lý nữa.

Rồi thầy vào miền Bê-n-gan miệt trung-ương. Xứ này có nhiều rừng rú, thú dữ to lớn mạnh mẽ hơn các nơi. Nhà vua có nhiều tượng để đi đánh giặc, và hằng năm vua cho người vào rừng bắt tượng đem về.

Thầy qua viếng miền Bê-n-gan miệt Đông, rồi lần xuống dưới Vịnh là xứ của thứ người đen đúa và nhỏ thó hơn hết ở Ấn-Độ. Xứ này với miền trung-châu sông Hằng là nơi nóng nảy lắm. Con người hung ác, bạo tợn. Đất thì ướt và thấp. Hoa cỏ và cây cối rất nhiều. Thầy viếng cảnh chẳng bao lâu bèn định qua biển mà xuống đảo Tích-lan (Ceylan), rất thạnh về đạo Phật.



CHANGEMENT D'ADRESSE

DỜI CHỖ Ở

## Docteur Trần-văn-Độc

*de la Faculté de médecine de Paris  
Maladies des enfants*

*Chuyên trị bệnh con nít*

Tél. 1.072

143, Boulevard de la Somme, Saigon



## Cõi An-Độ miền dưới

**T**hầy Huyền-Trang muốn xuống đảo Tích-lan và viếng các chùa bên Tiều-thừa, vì dưới ấy thanh về Tiều-thừa. Và tại đảo có dấu xưa của Phật. Trong một nhà chùa, người ta có thờ một cái răng Phật, chói hào-quang ra xa. Trên nóc có gắn một hột kim-cương rất to. Những đêm trời trong, không mây mù, kim-cương chói sáng, ở xa trông như một ngôi sao đẹp. Thầy vừa định đi thì gặp nhiều nhà lảng ở đảo vừa lên. Họ nói : « Trong xứ đương cơn nội biến, tăng-chúng đều lánh mình nơi khác, thầy còn lại đó mà làm gì ? »

Thầy nghe theo lời họ, không xuống đảo bèn đi viếng khắp cõi Ấn-Độ miền dưới. Ở miệt Ca-len-ga (Kalinga) đất đai tốt, cây cối nhiều, phong-thổ nóng và con người đen đúa, dữ dằn. Bình-dân ăn ở theo tập quán dã-man, chưa được thuần thực như các dân-tộc miền trung-ương. Còn hạng vua chúa thì ưa thích việc săn bắn, thường mộ tập những voi to lớn và mạnh mẽ. Bởi họ còn đơn sơ nên chưa thấu đáo văn-minh nhà Phật. Họ chỉ mộ những tôn-giáo dị-đoan thôi. Cũng có chùa, nhưng kém hơn miệt trên nhiều. Tu theo đạo Phật đều là những hạng cao thượng, có học rộng, họ xem kinh chữ Phạn rất rành.

Xứ An-ra (Andhra) chuyên về Phật-giáo kĩ lắm và có nhiều chùa xưa. Trong chùa có nhiều bức họa rất khéo, và người ta có khắc trên cẩm-thạch nhiều bản vẽ tích Phật xem ra xuất sắc lắm.

Ở A-ma-rả-hoa-ti (Amarâvati) có chùa bên Đại-thừa. Thầy viếng xứ này, vì là nơi có nhiều cốt Phật, lại là quê của lão-tổ Đì-nha-ga hồi giữa thế-kỉ thứ năm mà thầy đã nghe danh lúc còn ở chùa Nát-lan-đà. Trong xứ có lắm nhà cao-tăng giỏi nghĩa lý Đại-thừa. Thầy ở tại đó trọn mùa mưa năm 639.

Kế sang xứ Cát-nát (Carnate) thầy có viếng nhiều thành



thị và chùa chiền. Người bôn-xư cũng mộ đạo Phật và khéo về mĩ-thuật. Cho nên họ làm chùa tháp đẹp đẽ lạ lùng. Nhất là ở kinh-đô có rất nhiều đồ quý, nào là trợn một cảnh chùa bằng một hòn đá trên bãi biển, nào là những đá chạm thành người và thú to lớn và khéo léo vô cùng. Thầy Huyền-Trang có viếng hai cái động, lấy làm khoái với những hình khắc trong động. Trợn năm 560, thầy ở tại xứ Cát nát, có làm lễ chùa tháp, có viếng vua và giao thiệp với các nhà danh-sư. Trong xứ, có dấu tích của đức Đạt-Ma-Ba-La (Dharmapala) tịch năm 560, thầy của sư trưởng chùa Nát-lan-đa là người mới vừa truyền Đạo cho thầy. Huyền-Trang viếng quê-quán của nhà đại-đức, lấy làm cảm phục lắm. Và người ta có thuật cho thầy nghe rằng hồi trước vua muốn gả công-chúa cho Đạt-Ma-Ba-La, nhưng ngài không nhận, quyết giữ mình thanh tịnh cho dễ tu hành. Ngài có viết nhiều cuốn kinh mà các nhà đạo-đức Đại-thừa rất hoan nghinh. Trên lịch-sử nhà Phật, ngài choán một khoản rõ ràng.

Ở miền dưới, có một dân-tộc cường thịnh, bọn Ca-lu-ki-a (Calukya) cũng có oai thế lắm. Họ cao lớn vạm-vỡ, tuy tập tục đơn sơ, mà họ biết trọng nhơn-phẩm lắm. Họ có tánh nóng và không sợ chế, cứ giữ gìn nhơn-cách và làm tròn phận-sự luôn. Ai làm phải cho họ thì bao giờ họ cũng lo đền ơn đáp nghĩa. Còn ai làm hại họ thì họ quyết trả thù. Nhất là bị ai sỉ-nhục thì họ liều thác để rửa hờn. Rủi ai gặp cơn thống-khổ, đến yêu cầu thì họ quên mình để cứu giúp. Họ có cừu oán nhau thì cho hay trước rồi mỗi người lo giữ mình, đến lúc phải ra tay thì đồng mang gươm xách đao ra đặng rửa nhục và trả thù. Trong cơn trận mạc, họ không hề làm hại những kẻ đã chịu thua. Còn chủ tướng của họ có bại trận về thì họ không giết, nhưng họ bắt phải mặc đồ đờn-bà. Cho nên ai có thua thì chịu chết nơi trận hay là liều thác, chớ không mang mặt trở về.

Thật là một dân-tộc cứng cỏi ở Ấn-Độ, vốn dòng nhà binh Bu-la-kê-xin (Pulakéçin) vậy. Nhà vua vốn là người can-đam, từng phen chống cự với vua Hát Sa (Harsa). Các nước láng-diềng đều chịu đầu mà nạp lễ cống cho Hát-Sa. Chỉ có một mình vua của họ là được thông thả thôi. Thầy



Huyền-Trang lại nhằm khi vua đương thanh hành. Tuy thấy có nhiều cảm tình với vua Hát Sa, mà thấy cũng bình phẩm vua này một cách rất công bình : « Vua là người thấy xa hiều rộng, hăng bố đức cho dân. Còn trào thần là những quan võ rất nhiệt thành, trung hậu, trái mặt thờ vua vì nước. Vua thích việc binh đao, lấy chiến-trường làm vinh hạnh, cho nên binh pháp sắp đặt có thứ lớp, nghiêm trang lắm. Vua có cả trăm tướng tài. Mỗi khi ra trận, chư tướng đều uống rượu cho say, họ càng say thì càng hăng, một tay giết cả muôn người. Trong lúc vì nước mà say, họ có giết lỡ ai vua cũng vui lòng tha. Họ đi đầu, phía sau chiêng trống vang lừng. Gặp giặc thì họ xốc tới, chém giết không biết mệt mỏi, sợ sệt gì. Vua cũng có nuôi voi để đi đánh giặc. Mỗi khi ra binh, người ta cũng cho voi uống rượu đến say. Bấy giờ voi không còn nghi sợ chi nữa, cứ lướt vào trận, đạp chết binh giặc. Hăng-hà sa số.

Nhờ binh pháp trang hoàng nên vua Bu-la-kê xin làm cho các nước láng-diềng đều nể mặt. Cho đến nhà vua đại anh-hùng là Há-Sa cũng phải kiêng oai. Vua Há-Sa là người binh phục các nước cõi Ấn-Độ, đánh đâu thắng đó, chúng đều rung sợ mà hàng đầu. Nhưng dân-tộc Bu-la-kê xin chống cự mãi, không chịu cúi lòn và dâng lễ cống. Vua Há-Sa nhiều phen làm chẳng xuê, đành chịu huê. Thấy Huyền-Trang ngụ tại kinh-đô xứ ấy mùa mưa năm 641 và thầy có đi viếng hai trăm nhà chùa.

Sau khi đó thầy qua xứ Man-hoa (Malvâ) là một nước có trật-tự và giỏi văn-chương chữ Phạn. Ở đây là quê quán của một nhà đại văn-hào chữ Phạn là Cát-li-đát-sa (Kâlidâsa), tác-giả nhiều quyển sách rất có danh. Xứ này ở ném về cửa biển. Bề giao thiệp về đường biển rộng, cho nên cuộc buôn bán được thanh hành và số người giàu có rất nhiều. Nhà vua là người giao thiệp thân mật với vua Há-Sa và cũng là người mộ đạo Phật. Mỗi năm vua bố thí trọn bảy ngày. Đến kỳ ấy các tăng-chúng, các người nghèo khó, mô-côi đều tựu lại dâng lãnh cơm, vải, thuốc, tiền và đồ bửu-vật của vua ban. Còn mỗi khi có mấy nhà tăng các nước lại thì vua tiếp rước trọng thê, kính trọng và đãi đặng lâu ngày. Vua cũng trông nom chùa chiền, và hăng bảo hộ các nhà sư.





## Mây ông Phật sông

**T**hầy Huyền-Trang đã viếng các nơi có chùa linh và tích Phật rồi. Bây giờ thầy trở lại xứ Ma-kiệt-đề, tại chùa Nát-lan-đa để khảo-cứu thêm. Lúc trước thầy ở đó, nhưng chưa bao lâu, vì phải viếng các cảnh Phật nên chưa kịp học đạo cho thật hoàn toàn. Thầy hay rằng cách chùa Nát-lan-đa chừng bốn chục cây số, có một nhà chùa lớn, sư-trưởng là người nổi danh về phái bộ Tát-bà-đa-sa (Sarvâstivâda). Thầy đến ra mắt sư và ngụ tại chùa được hai tháng. Lại chẳng bao xa, trên núi Giác-ti-hoa-na (Yastivana), có một ông tổ cao học hơn, rất giỏi về Đại-thừa. Thầy lên đó, vào động viếng ông và ở với ông được khá lâu. Ông có cả trăm đệ-tử, toàn là người hiểu biết đạo-lý khá nhiều. Ông ấy là một nhà triết-lý cao xa, rõ thông các lý nghĩa kinh sách Huê-đa, và đối với ông thì khoa-học và đạo-đức không có gì là bí-thầm cả.

Một hôm, thầy ở tại động, nằm mộng thấy một điềm đáng chú ý lắm. Thầy thấy mình đi lại chùa Nát-lan-đa: lieu thì vắng sãi, từ trong đến ngoài đều trống trơn quanh quẻ, còn sân thì dơ dáy tanh hôi, đã thành một chỗ người ta cột trâu bò; sư và tiểu đều đi mất hết. Thầy vào chùa, ngó lên từng thứ tư, thấy một vị sắc vàng, gương mặt trang nghiêm, tề chỉnh, chói hào quang rạng ngời. Ấy là đức Bồ-tát Văn-Thù (Mânjuceri). Ngài đưa tay chỉ cho thầy coi, về phía chơn trời có một nạn lửa đương đốt cháy cả vù thiên thị, thôn quê. Kế ngài cất tiếng lên nói cho thầy hay rằng vua anh-hùng Hát-Sa rồi sẽ thăng-hà, thì liền có họa to làm cho cõi Ấn-Độ trở nên rối loạn dữ lắm.

Ít lâu thầy lại thấy một điềm nữa. Hôm ấy nhằm ngày lễ Niết-bàn. Thầy đi viếng cây Bồ-đề về. Tối lại thầy thấy cảnh tháp thờ dấu-tích Phật gần cây Bồ-đề vùng tủa hào-quang, và trên đỉnh xông ra lửa sáng, cao tới mây xanh. Bấy giờ khắp cả trời đất đều sáng rõ như ban ngày, không còn thấy bóng trăng và các vì sao. Không



khí liền trở nên mát-mẻ, thơm diệu lạ thường, thầy thở rất lấy làm khoái lạc. Một chặp sau, yển-sáng lần lần bớt đi, rồi trời đất tối đen lại như trước. Bấy giờ mới thấy mặt trăng và các ngôi sao.

Thầy được thấy những điềm lạ ấy, càng nóng chí thêm, càng nghiên-cứu thêm. Đã mấy phen thầy nhận rằng phép Phật là màu; một lần bị khát nước ở giữa đồng, một lúc bị bọn cướp sắp giết để tế thần, thầy nhờ có Phật giải cứu. Lại một khi ở đông gần thành Bết-ha-Hoai, thầy được thấy Phật nhận cho ba điều đại-nguyện trong khi thầy làm lễ cắm hoa ở tay, cánh tay và cổ của đức Quan-Thê-Ám.

Bấy giờ thầy thông đạo lý rồi, tuồng như đã lên đến một đỉnh núi: chơn trời, mặt biển, chơn búa, thôn ồ đều ở phía dưới. Một mình lướt lên trên cao vừa hút lấy không khí mát mẻ vừa thấy nhơn-loại là thấp hèn rất đáng thương. Chính là thầy nghiên-cứu đã hoàn toàn, tựa mình trên đỉnh đạo-đức mà trông xuống trần-gian, trông về quê-quán, rồi đây mình sẽ trở về nước mà độ người. Còn đối với tình-hình tôn-giáo ở Ấn-Đò, thầy cũng được ngồi trên mà trông khắp nơi, lấy làm cảm về sự chia phân, lạc lăm ở tăng-đồ, thương vì sự dở dang, mê-muội ở các đạo khác làm cho dân-chúng bơ thờ, ố kị nhau.

Ngay bên Đại-thừa, nhà sư cũng chia ra làm hai phe, phe nào tu luyện và tin ngưỡng theo phe nấy. Một đảng có sư chủ chùa Nát-lan-đa làm đầu, tin theo phái-giáo của hai vị Bồ-tát hồi thế-kỉ thứ năm là A-Tăng-Già và Thiên-Thân, rất trọng triết-lý thâm trầm về siêu-hình học (métaphysique). Còn một đảng theo Long-Thọ Bồ-tát kêu là phái Trung-thừa, cũng chuyên đạo-đức cáo xa, tầm cho cho đến tột lý. Một bên luận về lý-thuyết bí thâm, một bên khảo về nguồn gốc đại-đạo.

Thầy thấy tình cảnh ấy, không thể điềm nhiên, nên phải xen vào. Nhưng không phải binh đảng nào, bỏ đảng nào, mà chính thầy làm cho hai bên hòa hiệp nhau đặng làm cho Đại-thừa thuần-túy vậy.



Thầy đã thấu đáo chủ-nghĩa và đạo-lý hai bên, đã xem cả kinh sách hai bên. Thầy nhận rằng mấy nhà đại-đức lúc trước soạn kinh không phải là nghịch ý nhau, mà mỗi người đều viết theo lý-tưởng mình. Rồi mấy nhà sư mới vừa noi theo đó vừa luận thêm, làm trại ra. Sự luận biện đầu khác, nhưng không làm hại đến tín-ngưỡng đạo-đức được. Bây giờ ta phải làm cho các sách hợp lý nhau, nếu không thì làm sao mà nhận rằng mấy nhà trước-tác khác ý nghĩa với nhau. Thầy bèn viết thành một bộ sách, trưng lên làm cho đạo-lý hai bên đều hòa hiệp nhau. Mấy nhà cao-tăng đều khen ngợi, và sư cụ chùa Nát-lan-đa rất hoan nghinh.

Bên Ấn-Độ, người tu theo Tiểu-thừa khá đông. Họ không chịu tầm kiểm thêm ra. Họ chỉ noi theo đạo-đức hồi ban sơ thôi, là lo gìn giữ sự trật-tự ở nơi chùa. Họ lại còn chê ngạo phái Đại-thừa, cho đến họ dám tâu với vua Hát-Sa rằng mấy thầy sa-môn bên chùa Nát-lan-đa chỉ là đảng phái Hư-vô, có tiếng là nhà sư mà không làm nên trò gì. Thầy biết hai bên không ưa nhau và Tiểu-thừa vì lầm mà quở trách Đại-thừa. Thầy bèn đứng ra rửa cái lỗi ấy mà nâng cao chủ-nghĩa bao-la bên Đại-thừa cũng như mới rồi thầy làm mối-giới cho Đại-thừa và Trung-thừa hòa hiệp.

Thầy ở tại chùa Nát-lan-đa, thường đánh đổ các tông-phái Bà-la-môn. Bên Ấn-Độ có nhiều tôn-giáo thường nghịch với đạo Phật và thường muốn vùi lấp đạo Phật. Họ không thích chủ-nghĩa giải thoát của Phật. Họ tu luyện khác hẳn với các thầy sa-môn. Phái thì rất bảo-thủ, bao giờ cũng giữ tư-tưởng gắt gao, dị kì. Phái thì nương theo kinh sách nhà Phật mà làm ra một ngành đạo lạ hơn, bắt chước theo bên Phật mà lại xưng rằng nghịch hẳn với đạo Phật. Có phái lại tu hành dị hợm lắm, hoặc trong việc hành đạo hay trong cách ăn mặc họ đều tầm những thói lạ đời : người thì lấy tro thoa trơn cả mình, ngỡ là được phúc lớn, mới trông thấy họ trắng xám tưởng là mèo lẩn trong bếp mới ra. Kẻ thì ở trần truồng, không hề mặc quần áo, lại còn nhổ hết tóc trên đầu : họ cho rằng cao không được phúc, nhổ mới chứng mình thành-



tâm. Mình mấy họ đều nức nở, chơn cẳng đều trầy trụa, xấu xa, không khác nào những cây còi cọc dựa mé sông. Có kẻ mang lông công trên đầu. Kẻ lại lấy cỏ khô khâu lại làm áo quần. Cũng có kẻ nhổ tóc mà hót râu, hoặc để râu rậm và quấn tóc lên khỏi đầu. Phái thờ thần Xi-hoa (Çiva) càng bày bố ra rất điên cuồng: nhiều kẻ lấy sọ người xỏ thành râu mà đeo nơi cổ và đội trên đầu, chúng ở theo kệ đá như các yêu tinh. Lắm kẻ lấy đồ dơ thúi mà trét lên áo quần, còn ăn thì cứ thích những cá ương thịt sinh. Chúng hôi hám lắm, như thê heo lăn bùn. Như thế mà chúng gọi là trong sạch, là được phước, là có lòng thành!

Huyền-Trang công kích dữ dội lắm. Thầy đứng lên diển thuyết, đem các sự dị thường, mê muội ấy mà đánh đổ trước mặt các đảng-phái, các tôn-giáo. Và thầy đem chủ-nghĩa nhưn-từ đại-độ của Phật mà nâng lên, làm cho mọi người đều nể mặt. Thầy chê trách những lối hèn thấp, gắt hiem kia. Thầy không khác Phật hồi mới xuống thành Ba-la-nại thuyết Pháp lần đầu, đánh đổ lối khô xác của kẻ tu lầm và bảo mọi người phải giữ mực trung, để hưởng quả an-lạc. Đạo Phật đã ảnh-hưởng rất thâm trầm ở Ấn-Độ, văn-minh nhà Phật đã làm cho cõi Ấn-Độ rất vẻ vang. Rồi đây chừng một trăm rưỡi năm nữa Phật-giáo không còn ở Ấn-Độ, thì trong nước mới lộn xộn, lằng quằng. Bấy giờ những cảnh thuần-túy, an-hòa sẽ tiêu tán hết đi. Ấn-Độ sẽ mất vì không khéo giữ tinh-thần nhà Phật mà để cho các tôn-giáo khác làm xằng.

Tài thuyết lý của Huyền-Trang thật là đúng đắn lắm. Thấy nhờ đã khảo rõ đại-đạo của Phật-tổ Như-Lai, mà thầy cũng nhờ thọ lấy một phần ảnh-hưởng luân-lý của Không-Phu-Tử nữa. Cả hai cái văn-minh hiệp lại, đưa thầy lên trên đường Đạo và làm cho thầy đặc-biệt, hơn mọi người.

Lại một đoạn nữa chứng rằng thầy là người nhà Phật mà không phụ tình với đất-nước đạo Nho. Mấy sư chùa Nát-lan-đa thấy thầy đã làm vinh diệu cho Phật-giáo, trông



rõ thầy hẳn đã thành-tâm với Phật rồi, nên đồng nhau khuyên thầy ở lại Ấn-Độ luôn. Mấy sư nói rằng : « Phật giảng-sanh trên cõi Ấn-Độ, Ngài đã tịch rồi mà dấu tích vẫn còn. Cho nên có chi qui bằng cùng nhau viếng cảnh cũ để ca tụng công-đức Phật là thầy chung của ta. Chớ thầy đã lại đây rồi nỡ bỏ chúng-ta mà về sao ? Lại biết đâu nước Tàu chẳng phải là xứ không được rõ ràng như đây ? Bởi thế cho nên Phật không giảng-thế ở Tàu, và tăng-chúng không đem đại-đạo qua đó mà truyền. Có lẽ sự thấy biết củangười Tàu là hẹp, và tội lỗi của họ thì nhiều cho nên chur Phật, chur Thánh không sanh ra ở nước Tàu. »

Huyền-Trang đáp lại rất khéo, vừa công bố chủ-nghĩa đại từ của Phật, vừa bình vực luân-lý vào đạo-đức nước mình : « Phật lập thành đạo là muốn truyền bá đi các nơi, chớ riêng gì ở Ấn-Độ. Lại đạo-đức là quả chung, nào phải của hưởng của một người chỉ vui thích một mình mình mà không đoái đến ai. Nước của bản-tăng có luật lệ nghiêm trang. Con người ăn ở rất có trật tự. Trên là vua hơn-đức, khoan-hồng với triều thần trung hậu làm vững nước-nhà. Dưới là dân lành. Trong gia-đình cha hiền, con thảo, làm cho đầm ấm, yên vui.

Ở tề-quốc, con người hiền hậu, công bình và trọng kính những bậc già cả đoan trang. Còn về khoa-học thì người ta không cho là khó bao nhiêu, rõ thông như các thánh thần ; hiểu đủ địa-lý, thiên-văn ; bày ra nhiều việc khéo léo, gọn gàng ; biết chia phân thời-tuyệt và dọn thành âm-nhạc. Người ta cũng có phép mời thỉnh thánh thần, biết việc thiên-cơ và làm phúc hậu cho nước nhà. »

Kể thầy bày tỏ tình hình nhà Phật ở nước mình mà rằng : « Từ khi đạo Phật truyền bá qua Tàu, mọi người đều mộ Đại-thừa, tu-luyện trong sạch như nước trên nguồn, lấy đức bồ húa rất thơm tho và thi-hành theo chủ-nghĩa từ-bi bác-ác, thường độ người và giúp chúng-sanh. Nay bản-tăng được qua đến đây, đã nghe tiếng Phật, thấy người Phật, bản-tăng quyết tuân theo Phật mà đi truyền đạo cho



mọi người, thì mới đáng làm tin-đồ của Phật vậy. Đành rằng Phật không sanh ra ở Tàu, nhưng Phật muốn đạo được truyền khắp mọi nơi, thì phương gì bần-tăng chẳng trở về Tàu mà truyền đạo thêm ra. Đèn bác-nhã như thể bóng sáng mặt trời. Mặt trời soi khắp càn-khôn mà dẹp tan các sự mờ ám. Đèn bác-nhã cũng làm cho thế-giới được sáng trong. Vậy thì bần-tăng phải về nước đặng khêu đèn mà dẹp tan sự mê muội vậy.»

Tài biện-luận của thầy hoặc về triết-lý hoặc về đạo-đức bấy giờ đã nổi dậy lên, làm cho các vua chúa đều yêu trọng lắm. Vì từ xưa đến nay trên đất Ấn-Độ, từ bậc hoàng-phái cho đến hạng thấp bèn, mọi người đều mộ người học hỏi cao siêu và rõ thông mỗi đạo. Vua xứ Cát-ma-ru-ba (Kâmarûpa) là nước Á-sam (Assam) bây giờ, có phái sứ đến thỉnh thầy vào trào. Thầy ở với vua vài tuần lễ trước khi trở về Trung-Huê.

Vua tên là Cu-ma-ra (Kumâra) là một nhà thông minh lắm. Tuy vua không phải vào đạo Phật mà ngài không lẽ làm ngơ với nhà sư quý hóa như thầy, chẳng là uổng biết bao. Nên vua định rước thầy lại kinh. Vua thật là một người hiếu học, rất ham triết-lý, đạo-đức. Sau thầy Huyền-Trang đi chừng ít năm thì có sứ-giả bên Tàu qua, vua có mượn sứ dịch bộ Đạo-đức-Kinh của Lão-Tử cho vua xem.

Thầy có ghi địa-thể xứ Á-sam (Assam) rất rõ ràng. Ấy là một nơi có nước với ruộng nhiều, nhờ có sông Bờ-ra-ma-buốt (Bramaputre) chảy tràn. Phong-thổ không giống Ấn-Độ mà giống cõi Đông-Dương, vì xứ Á-sam ở gần cõi này. Trong nước có nhiều ngòi rạch và hai bên bờ sông đều có trồng dứa. Dân nhỏ thấp và đen đúa, tánh còn dữ tợn, hoang đàng. Họ thờ quỷ thần chớ không mấy người tin theo đạo Phật. Tự bao giờ không ai lập chùa. Có ít nhà có lòng mộ đạo, họ tưởng Phật trong lòng chớ không hành đạo rõ ràng, chánh thức. Vua đương thời thuộc về phái bà-la-môn, rất



chuộng việc học và thường giao thiệp với những bậc hiền-nhơn.

Tuy vua không phải về đạo Phật mà vua rất kính các nhà sư. Về phía Đông nước Á-sam, đầy những núi cao rừng rậm, không có bao nhiêu chợ búa thị-thiền, là xứ của bọn Mán, Mường. Người ta nói với thầy rằng bắt từ xứ Á-sam đi lên nước Tàu thì đường gần lắm, trong hai tháng đến ải địa-dầu. Thầy có ý muốn theo đường này mà về. Nhưng là miệt núi cao, tròng gắt, cây đá chập chồng, nhiều phần nguy khổ. Lại là miền độc địa có chừng rét rừng nguy hiểm với nhiều đảng voi dữ dăng. Thầy hay như vậy, không còn muốn mượn đường gần, bèn trở qua sông Hằng, đi ngang nước vua Hát-Sa rồi lên phía trên mà về.

Vua Hát-Sa là nhà đại anh-hùng, từ khi lên ngôi đã làm an vững nước nhà và bình phục các nước láng-diềng. Mọi người đều phục tài cầm binh khiến tướng của ngài. Một phen giềng mối được bền chắc, vua lại làm cho người càng kính yêu, vì ngài lại là một nhà hay chữ có danh trong đời. Tên tuổi ngài đã từng làm vinh diệu cho làng văn chữ Phạn và chính ngài là tác-giả nhiều quyển sách văn-chương. **Ngài có lập tại kinh một xã-hội văn-nhơn, được nhiều văn-sĩ tiếp với ngài mà soạn các thứ sách hay.**

Chẳng những ngài là nhà đại anh-hùng, đại văn-hào mà ngài lại là một nhà đại đạo-đức nữa, vì ngài rất mộ đạo Phật. Ở Ấn-Độ tuy còn nhiều nhà cao-siêu về Phật-học, thông rõ cội nguồn và đạo-lý, nhưng tình thế xem ra ngày một yếu dần vì làn sóng cạnh-tranh bên Bà-la-môn-giáo đã mạnh mẽ lại bền dai dữ lắm. Phần đông hạng hoàng-phái đều thuộc về Bà-la-môn. Dầu có khoan-dung với Phật-giáo, thế nào họ cũng bình vực đạo của họ. Nhiều vua lẫn hiếp, đè nén, tặng-chúng bị hành khổ, chùa tháp bị phá tan. Vì thế mà số sư, tiền ngày một giảm dần, và chủ-nghĩa bình-dẳng bác-ái của Phật ở Ấn-Độ ngày một lu lờ. Như lối đầu thế-kỉ thứ sáu, vua Hung-nô hại phá



chùa Phật tan tành. Ở xứ Ban-sáp (Paljâb) hãy còn dấu tang thương bởi những tay tàn bạo ấy. Kế mới rồi, có một nhà vua ở miền Bén-gan (Bengale) oán ghét Phật-giáo cho đến lên tại xứ Gả-da (Gaya) mà phá cây Bồ-đề, lại còn đem cốt thần Xi-hoa mà đề lên ngôi Phật.

Họ chẳng dè bẽ đạo Phật không còn thì nền trật-tự ở Ấn-Độ cũng mất đi. Bấy giờ mới hại nhiều. May ra còn có vua Hát-Sa đứng ra bình-vực đạo Phật, thật đáng là cử-chỉ anh-hùng, rất qui hóa vậy. Ngài cũng người bà-la-môn, cũng trọng sư bà-la-môn và bố thí cho họ luôn. Nhưng ngài thích riêng đạo Phật. Ngài mộ phái Đại-thừa, và hoan-nghinh triết-lý thâm-thủy của sư tổ chùa Nát lan-đa. Chính ngài đồng chí với thầy Huyền-Trang vậy. Cho nên trong khi gặp gỡ nhau, nhà vua Ấn-Độ với nhà vua Trung Quốc đều lấy làm thân mật và yêu trọng nhau. Thầy ở tại trào trên mấy tuần lễ.

Trong khi thầy chưa tới, ngài lấy làm trông đợi, trách vua nước Á-Sam không đưa thầy qua cho mau.

Bên này vua Á-Sam đi bằng đường nước với hai chục ngàn thớt tượng và ba mươi ngàn chiếc thuyền, cùng thầy ra mắt vua Hát-Sa. Vừa tới nơi thì trời đã tối. Nhưng vua Hát-Sa không chờ đến sáng, liền đi đón thầy. Sư-giả đến báo cho vua xứ Á-Sam và thầy hay rằng ngài dàn ra giữa sông để tiếp rước, có đèn đuốc sáng trưng và kèn, trống, với nhịp trời vang rền. Liền đó vua nước Á-Sam cùng với đại-thần đi nghinh tiếp. **Thầy Huyền-Trang** có nói Hát Sa rõ ràng là vua trên trước ở Ấn-Độ. Ngài đi có cả trăm trống lớn, bước lối một bước thì có một tiếng trống đưa. Cái điệu vinh diệu đặc-biệt ấy chỉ để riêng cho ngài thôi, chớ các vua dưới quyền bảo hộ không được dùng.

Hai bên gặp nhau, ngài chào thầy sát đất và hôn chơn thầy rất cung kính. Kế ngài rải hoa làm lễ thầy và kien ngợi lắm lời. Ngài có hỏi sao lúc trước ngài có dời mà thầy không đến. Thầy thông thả đáp rằng bấy giờ mắc lo nghiên-cứu bộ kinh Du-dà.



Khi vua hỏi thăm về Trung-Quốc thầy đáp lại dành rành, nâng cao giá-phẩm người đồng-ban. Nhứt là thầy bày tỏ oai đức của vua Đường-Thái-Tôn : « Hồi vua chưa lên ngôi thiên-tử, khắp trong nước đều lộn xộn lắm, dân-chúng không được yên ổn, giặc giã lung tung, thầy chất đày ngoài đồng ruộng và sông rạch đổ lòm những máu của kẻ mạng vong. Kế vua Lý-thế-Dân vâng mạng Trời mà ngồi trên thiên-hạ. Vua bèn dẹp yên bờ cõi, sửa dọn các nơi, một thương một ngựa làm vững non-sông..»

Vua Hát-Sa hay rằng mới rồi thầy viết sách công kích Tiều-thừa và các tông-giáo ở Ấn-Độ thì vua lấy làm vui. Người em gái của vua cũng dự vào việc triều-chánh, mộ đạo Phật Đại-thừa, cũng khen thầy nhiều lắm. Vua định mở ra một cuộc tranh đấu về triết-lý và đạo đức, mời thầy dùng lý-thuyết cao xa, đung đảng mà dẹp tan sự mờ ám của phái lạc đạo Tiều-thừa và phá nát sự kiêu căng, nhạo báng của bọn bà-la-môn và các phái ở Ấn-Độ. Cuộc tranh đấu lập tại kinh-thành Ca-nôi (Kanauj). Ai ai cũng đều tự lại đó, tất cả là mười tám vua chư hầu ở Ấn-Độ miền trung, ba ngàn tăng-chúng vừa Đại-thừa, Tiều-thừa, hai ngàn thầy Bà-la-môn với người đạo khác và một ngàn sư chùa Nát-lan-đa. Các nhà cao-tăng, đại-học đều lại, để dự cuộc tranh đấu. Họ kéo nhau đi rất đông, kẻ đi bằng voi, người đi bằng kiệu, có kẻ đi có tàn lọng, cờ xí rộn ràng. Người ta nhóm càng thêm đông đặc, như mây cuộn trên trời, choán đến mấy dặm ra ngoài. Vua truyền lệnh cất hai cái đài dựng đề tượng Phật và cho các sư ngồi. Còn trại vua thì đóng về phía Tây, cách đài năm dặm.

Ngày đầu, vua đề cốt Phật bằng vàng trên một ngôi báu, rồi đưa lên lưng tượng, và thỉnh Phật đi dạo khắp nơi. Vua mặc đồ theo đức Đế-Thích, đi phía hữu và đuôi ruồi cho Phật. Còn vua nước Á-Sam thì mặc đồ như đức Phạm-Thiên đi theo phía tả và che lọng cho Phật. Sau lưng Phật có hai thớt tượng mang theo những hoa quý. Đi mỗi bước người ta đều rải hoa theo đường. Còn phía trước





Phật bằng đá, hình dáng một cách rất an-hòa, trầm tĩnh, mạnh mẽ mà hiền nhu, hùng tráng mà từ mẫn.



và phía sau có cả trăm thớt tượng với kẻ nhạc đánh trống thồi kèn.

Huyền-Trang đi trước hơn hết. Hàng kế là vua Hát-Sa. Còn các nhà vua, các sứ-thần và các đại-sư đều cỡi trên ba trăm thớt tượng, vừa đi vừa tụng kinh.

Khởi sự lúc rạng đông. Hát Sa đi từ trại cho đến nơi tranh đấu. Khi đến trước cửa vòng thành chỗ tranh đấu, vua truyền cho cả thầy đều đi bộ mà đưa Phật lên đài, để Phật ngự trên ngôi báu. Vua đứng lên đài, lấy nước thơm mà tắm cho Phật. Và chính mình vua cũng Phật nơi vai và đem Phật lên ngự trên tháp. Vua với thầy Huyền-Trang làm lễ Phật xong, thì vua ra lệnh mời mười tám vị vua vào với các nhà cao-sĩ, danh-sư trên một ngàn người, các thầy bà-la-môn với những tay thông-thái đạo khác trên năm trăm và các quan cao chức trọng ở các nước là hai trăm. Còn biết bao nhiêu tăng-chúng không thể vào trong, đành phải đứng ngoài vòng. Vua truyền lệnh thiết đãi mọi người, từ trong ra đến ngoài. Ngài trọng thưởng thầy Huyền-Trang và nhiều nhà sư. Và ngài để lên bàn Phật một cái hồ tắm, một cái chén và bảy cái bát thầy đều bằng vàng với ba ngàn bộ áo tốt.

Vua thỉnh thầy Huyền-Trang lên ngồi trên một cái đài để riêng cho thầy. Vua mời thầy giảng về chơn-lý Đại-thừa và bàn về các mối đạo ở Ấn-Độ. Một nhà sư chùa Ná'-lan-đa đứng lên đọc lớn đại-ý thầy Huyền-Trang cho công-chúng hay. Rồi vua biên ra bản chương-trình treo trước cửa đài cho khán-giả xem. **Vua có ngự bút phía dưới phê rằng như ai thấy một chữ sai mà bắt bẻ ra thì vua sẽ dâng đầu mà đến ơn.** Vua đã chắc hẳn rằng thầy là người học hoàn toàn nên mới bảo kiết như vậy, thì còn ai dám ra sửa lỗi đặng lấy đầu vua!

Nhờ vậy mà thầy dễ bề binh vực Đại-thừa, không gặp một ai ngăn trở. Nhưng các phái nghịch lấy làm căm tức lắm. Qua đến ngày thứ năm, phái Tiểu-thừa thấy thầy đánh



đồ họ mãi nên họ oán lắm, quyết lập kế hại thầy. Chuyện này thật không vui chút nào, vì cùng một đạo, cùng là tín-đồ nhà Phật, mà lại đi hiềm thù nhau. Thầy Huyền-Trang đã chịu nhọc nhằn lìa xứ, trải qua muôn dặm xa xuôi mới vào đến quê-hương Phật. Rồi vì một lòng thành-tín muốn nâng cao đạo Phật, lại bị hại nơi tay bạn nhà chùa thì chẳng là đau đớn lắm ru! Nên vua Hát-Sa có ra lệnh ngăn cấm nghiêm ngặt. Vua truyền rằng: « Ai làm hại đến Huyền-Trang, trăm sẽ chém đầu. Còn ai nói hành-nói lén, trăm sẽ cắt lưỡi mà trị tội. Trăm vẫn công bình, ai muốn bàn tính điều gì thì cứ nói ra với trăm, trăm sẽ vui lòng nghe.»

Từ đó về sau không ai dám đề ý hại lén và nói lén thầy nữa. Và đã được mười tám ngày mà không thấy ai mở miệng bẻ một lỗi gì. Sau khi thầy thuyết pháp, tăng-chúng bên Tiểu-thừa tu theo Đại-thừa rất đông. Bấy giờ họ đã thấy mình làm đường, bèn rủ nhau qua nẻo chánh, bỏ những sự thấy biết nhỏ thấp ở Tiểu-thừa mà cầu những lý thanh cao ở Đại-thừa.

Vua trọng thưởng thầy Huyền-Trang lắm, ban cho 10.000 thoi vàng, 30.000 nén bạc, 100 áo vải tốt. Vua ra lệnh cho quan đại-thần sửa soạn một thớt tượng lớn, lấy lụa quý phủ trên mặt tượng rồi mời thầy ngồi lên trên. Kế vua truyền cho các quan chức trọng phải theo hầu thầy, đi quanh cả công-chúng và rao lên rằng thầy đã bày tỏ yếu-lý nhà Phật, không ai bắt bẻ được. Ấy là làm theo tục-lệ ở Ấn-Độ từ xưa đối với những người lập nên công-trận vẻ vang. Thầy không muốn thọ lãnh cuộc vinh diệu ấy. Nhưng ý vua là luật nước, thầy không từ được. Chính vua nắm lấy chéo áo trắng của thầy mà công bố với mọi người rằng: « Đường-tăng đây là người nghiên-cứu rất rõ ràng về đạo Phật Đại-thừa và đã đánh đổ sự mê-tin, lỗi lầm của các phái. Rong rả trong mười tám ngày không một ai dám ra chỉ trách thầy. Hôm nay trăm phải làm cho ai nấy nhận rằng thầy đã được toàn thắng trong cuộc tranh đấu này.» Khán-giả đều khen ngợi thầy, đốt hương trăm và rải hoa tặng thầy. Rồi mọi người đều cung kính từ giã ra về.



Nhờ có oai đức lớn nên vua mới điều đình xong cuộc đấu tài, nhưng cũng tránh không khỏi một ít sự buồn. Là vì chúng cố oán nên đốt cháy tháp thờ Phật và lập kế thích-khách vua. Vua có cất tại kinh-thành một cái tháp để thờ Phật. Cuộc tranh đấu vừa mãn. Đến ngày chót lửa bắt cháy trong tháp, ngọn lên cao lắm và thiêu hết cái tháp. Vua rất buồn, than rằng : « Trẫm đã đem hết của tiền mà bỏ thi rồi. Và trẫm muốn noi gương các vua hiền-đức ngày xưa nên lập tháp để gọi là có chút công. Nhưng bởi trẫm kém đức nên tháp không còn. Trẫm đâu còn muốn sống nữa, chẳng còn vui về gì nữa. » Các quan hầu tâu rằng : « Hạ-thần cũng muốn cho tháp rơi truyền đến đời sau. Nào dè Bệ-hạ cất vừa xong thì tháp cũng vừa tiêu ra tro. Buồn thật ! nhưng nghe rằng có bọn Bà-la môn rất vui. » Thầy Huyền-Trang không lấy làm buồn, vì là một dịp chứng rằng lời Phật là chơn thật lắm. Kế vua cũng nguôi đi và nghĩ rằng : « Có xảy ra chuyện ấy trẫm mới nhận lời Phật dạy ngày xưa là đúng : mọi vật chẳng có bền. Bọn Bà-la-môn nhận chắc rằng mọi sự đều bền vững, còn Phật bảo mọi sự đều tiêu tan. Về phần trẫm, trẫm đã làm phải, vui vì đã thi hành theo chí nguyện. »

Người ta nói kỳ hỏa-hoạn ấy tự nơi bọn Bà-la-môn. Nhưng họ chưa vừa ý, còn muốn hại nữa. Vua Há'-Sa mới vừa bị việc rủi, kế cùng với các vua chư hầu lên trên đánh tháp. Lên tới chót tháp, vua ngó khắp nơi rồi xuống một mình, bước từng nấc thang. Thình lình có một người chạy tới trước vua, tay cầm gươm, toan chém. Vua vội vàng né, rồi tháo lui và trở lên thang. Kế vua khòm xuống thấp và bắt được kẻ thích-khách. Chuyện xảy ra trong chớp mắt. Mấy người theo vua đều không hay biết gì cả. Vua không tỏ dấu giận, hỏi người thích-khách, và tâu rằng bọn Bà-la môn mưu sát và giết vua.

Ấy vì đạo-lý mà thiếu chút vua phải bỏ mình. Bọn Bà-la-môn thấy vua binh vực các nhà sư đạo Phật thì họ phiền lắm. Họ tính đốt tháp rồi thừa cơn bối rối ấy mà hại vua chết trong ngọn lửa. Nhưng kỳ đó không không xong nên họ mưu người lên chém vua.

Vua Há'-Sa xử phạt nặng nề. Ngài làm tội bọn làm đầu,



mà ngài tha cho bọn theo sau. Ngài bắt năm trăm người bà-la-môn, đày ra khỏi nước Ấn-Độ.

Kế đến kỳ đại-hội bố thí, vua mời thầy Huyền-Trang ra cảnh đồng lớn ném về sông Hằng-hà. Vua phán với thầy rằng : « Trẫm đã ở ngôi được ba mươi năm rồi. Nhưng trẫm lấy làm lo vì chẳng được tấn lên đường đạo-đức. Nên trẫm có góp tiền của để tại xứ này, hề đến năm năm thì trẫm lại đây một kỳ mà bố thí gọi là làm lễ cầu phúc. Năm nay (643) đáo lệ, nên trẫm thỉnh thầy đến đây mà xem cuộc lễ.»

Cánh đồng này rộng lắm, bề vòng là mười lăm dặm, bằng phẳng như mặt gương. Từ xưa đến nay vua chúa hằng đến đây mà bố thí. Lâu đời thành ra cố-lệ, nên kinh có ghi rằng lại đây mà cho một đồng tiền, có phước bằng ở chỗ khác cho một ngàn đồng. Vua Hát-Sa cất cả chục tòa nhà để làm kho chứa những vàng, bạc, châu, ngọc, với cả trăm cái trại trữ các thứ hàng vải, ở ngoài có rào bốn phía. Ngoài rào ngài có cất một nhà đãi ăn rất to lớn với cả trăm dãy nhà khác, mỗi nhà có thể ở được cả ngàn người.

Khi vua Hát-Sa với thầy và mười tám vị vua hầu tới nơi, đã có năm trăm ngàn người chờ tại đó rồi. Ngài che trại về phía Bắc sông Hằng-hà. Và các vua mỗi người ngụ một chỗ. Đến sáng quân binh của vua Hát-Sa, vua nước Á-sam và vua miền dưới dàn ra gần nơi bố thí. Mười tám vị vua cũng đứng đầu đó có thứ lớp, chỉnh tề.

Ngày đầu, vua để Phật lên bàn thờ và làm lễ. Đoạn phân phát đồ quý báu và áo quần tốt đẹp hơn hết. Đồ ăn dọn ra là những món quý lạ. Đương cơn ăn uống có nhạc trời thâm trầm. Kế chiều ai về trại nấy.

Qua ngày thứ hai, vua để cốt đức Á-đi-ty-a (Âditya, cũng là đức Vishnu) là đấng Thái-dương theo Bà-la-môn, kế phân phát đồ quý và áo quần. Nhưng ít hơn ngày đầu phân nữa.

Đến ngày thứ ba, vua làm lễ đức Xi-hoa và cũng phân phát như ngày thứ hai.

Ngày thứ tư vua bố thí cho mười ngàn thầy tăng ngồi



dài nhau đếm được một trăm hàng. Mỗi thầy lãnh một trăm đồng vàng, một áo vải, nhiều đồ ăn uống và hương hoa.

Lần thứ năm phát cho người bà-la-môn, bố thí trong hai chục ngày.

Lần thứ sáu là mười ngày, bố thí cho những người ngoại-đạo.

Lần thứ bảy cũng mười ngày, bố thí cho người đạo khác ở các nước.

Sau rốt thì chuẩn bản cho các người nghèo khó, tật bệnh và không cửa nhà, bố thí trong một tháng.

Bảy giờ kho trại thâu trữ trong năm năm đều phát ra hết sạch. Vua chỉ còn voi, ngựa và khí giới, đồ cần thiết để giữ cuộc trị-an.

Vua vì quá bố thí mà thành ra ghiền, cũng như hoàng-tử Viçvantara, một kiếp trước của Phật. Lúc trước hoàng-tử cho hết, đến vợ, con cũng cho luôn. Nay vua lột đến áo, mào, châu báu mà cho, không giữ lại nơi mình một món gì. Sau hết vua mặc áo cũ, nhưng lấy làm vui thích, bèn nguyện rằng : « Khi trước, tôi tóm thâu các đồ quý báu, hằng sợ giữ không được lâu. Bây giờ nhờ dịp bố thí, tôi đã rải khắp trên miền phúc hậu, tôi coi như được giữ mãi của quý vậy. Ước sao những kiếp tiếp tới tôi cũng tom-góp tiền của như vậy mà phân phát cho người ! Và nhờ Phật chứng lòng cho mà nhận tôi nơi miền Cực-Lạc ! »

Vua quá yêu trọng thầy Huyền Trang, không muốn để thầy trở về Tàu, cứ ép thầy ở lại luôn. Thầy buộc phải dùng lời thành thật và đau đớn trong tâm mà bày tỏ rằng : « Nước Tàu cách với cõi Ấn-Độ rất xa vời, cho nên Phật lập thành đạo đã lâu, mà tề-quốc mới vừa hưởng được thôi. Và bởi đạo Phật ở tề quốc còn kém, khuyết lắm, nên bản-tăng mới qua đây để tâm kinh thỉnh Phật. Bản-tăng ra đi, mọi người đều trông cho mau về. Lễ nào dám phụ lòng mong mỏi của bà con bên tề-quốc. »

Kể thầy lặp lại lời Phật mà tâu với vua rằng : « Kẻ nào giấu giếm đạo-lý với người thì qua những kiếp sau sẽ bị khổ mãi. »



Vua phải nhậm lời. Vua phán hỏi như thầy muốn về đường biển thì ngài sẽ phái sứ theo đưa qua viếng nhà Đường luôn thể. Thầy tâu rằng thầy sẽ về ngã trên, đường Á-Châu miền trung, vì thầy còn mang ơn nhiều người, quyết đền đáp và độ họ luôn thể.

Vua ban cho nhiều lễ trọng và phái quan đưa thầy ra tới biên-thùy. Thầy nhờ có quân lính theo đưa nên được bình yên, vì đường sá rất nhiều quân cướp. Vua có ban cho thầy một thớt tượng đáng lắm. Ngài có phái quan đến báo trước với mấy vua láng-diềng để đón rước thầy. Còn kinh và tượng Phật thì Ngài giao cho một ông hoàng miền trên, nhờ người lo việc chở chuyên cho thầy. Vua nước Á-Sam cũng quý thầy lắm, có ban cho một cái áo lông để khi qua núi lấy ra mặc đỡ lạnh. Hai vua với triều thần theo đưa thầy khỏi thành trên mười dặm. Rồi khi tiễn biệt mỗi người đều rơi lụy và lấy làm thương tiếc thầy.

Ngày đi được ba ngày, vua Hát-Sa và vua nước Á-Sam muốn gặp mặt lần chót, liền thót lên ngựa mà cho chạy sai theo, gặp được thầy và đưa thêm ít dặm đường, rồi mới chịu phân tay. Thầy cảm động lắm, khi lia hai vua, thầy lấy làm tiếc, buộc phải lấy giọt lụy để đưa người trở lại.

Bấy giờ nhằm tháng tư năm 643. Từ lúc ra đi (629) đến nay là mười bốn năm trời. Thầy về quê, sẽ làm vinh diệu cho đạo-đức ở nước-nhà. Còn vua Hát-Sa thì bốn năm nữa sẽ thăng-hà. Và theo lời Phật báo mộng, sau khi vua băng, cõi Ấn-Độ sẽ trở nên lộn-xộn vô cùng. Chính ngài là nhà vua thống nhất cuối cùng, vẻ vang hơn hết, vừa là đại anh-hùng, đại văn-hào, đại đạo-đức. Từ đây về sau không còn một ai được oai-đức như ngài, và làm cho cõi Ấn-Độ được an-hòa.

Sau vua Hát-Sa, sau khi tinh-hần nhà Phật dời ra ngoài. tình-hình chánh-trị lồi thối mãi và tình hình đạo-đức cũng dở dang luôn. Chính thầy Huyền-Trang về Tàu, rước hồn đạo đức theo, cho nên Ấn-Độ vừa khuất bóng văn-minh nhà Phật rồi thì Tàu liền được hưng thịnh nhờ ảnh-hưởng đạo từ, vinh quang hơn hết là về đời nhà Đường.



## Khi trở về

**T**hầy Huyền-Trang noi theo đường cũ mà về, có ghé lại xứ Cỗ-xam trong hai tháng mùa mưa năm 643. Kế thầy ra đi. Đường đầy những quân cướp. Ai cũng lấy làm lo sợ cho thầy. Thầy vẫn vững lòng, chắc rằng nếu gặp bọn cướp thì thầy có thể dùng lời đạo-đức mà làm cho chúng-nó không hại, lại còn độ cho chúng-nó xả nghiệp nữa. Một hôm, thầy khiến một vị sư đến nói với bọn cướp rằng : « Chúng-tôi là người tu ở phương xa đi tìm đạo trở về. Chỉ có đem kinh và tượng Phật mà thôi. Xin anh em bảo trợ cho.» Bọn cướp đều nghe theo. Nhiều lần như vậy, thầy được bình yên luôn.

Qua đầu năm 644 thầy tới sông Indus, phải qua sông. Tình thế nguy hiểm lắm. Kinh, tượng Phật và người đều chở lên thuyền. Còn thầy cỡi voi mà qua sông. Thầy có cấp người gìn giữ kinh. Nhưng khi đến giữa dòng nước, bỗng có sóng to, nhồi thuyền muốn chìm. Người giữ kinh hoảng hốt, té xuống sông. Người ta cứu cấp được. Nhưng chìm mất hết năm chục bộ kinh (1) Thầy buồn rầu lắm. Cũng may ghé lại nước Ca-bì-xa, nhờ vua cho người trở qua Ấn-Độ mà chép lại cho thầy. Vua xứ Cakh-xơ-mia hay thầy thành đạo trở về và không tiện ghé lại, bèn qua viếng và từ biệt thầy.

Thầy ra đi, có vua Ca-bì-xa đưa theo. Khi đi ngang mấy nước nhỏ, thuộc về quyền bảo-hộ của ngài, thì mấy ông hoàng đều ra nghinh tiếp rất trọng-hậu. Các ông có làm lễ bố thí, nhờ thầy đứng chủ-trương.

Thầy từ giã vua nước Ca-bì-xa và đi theo đường mòn của khách-thương. Thầy phải qua hai dãy núi to là Hindu-kush và Pamir. Vua Ca-bì-xa có lo trước giùm thầy, và phái theo một viên quan với một trăm tên lính để phò tiếp thầy. Lúc ấy nhằm tháng bảy năm 644, thế mà qua

(1) Người ta nghi cho vị Long-vương muốn rước lấy kinh và dấu tích của Phật mà thầy Huyền-Trang thỉnh về.



núi cũng nguy hiểm. Đi được bảy ngày, đến một dãy núi cao, mười phần trăm trở. Và đường càng bước thì càng thấy khác. Người ngựa đều mệt mỏi lắm. Bảy giờ thầy phải đi bộ, nương lấy gậy mà qua núi. Bảy ngày nữa, đến một góc núi, phía dưới có một làng chừng trăm nóc gia, dân-cư chuyên nghề nuôi chiên, con nào con nấy lớn bằng con lừa. Nghỉ tại đó một ngày. Thầy có kiểm người dắt đường. Vùng này có nhiều rạch nhỏ, ở trên là nước đặc. Nếu không biết đường mà bước càng trên sông rạch thì chết chìm, nên phải nhờ lấy kẻ chỉ đường. Đi từ sớm cho tới tối mà qua chưa khỏi mấy chỗ đặc. Bảy giờ còn có bảy nhà sư đi theo, ngoài ra là hai chục tên bạn, một thớt voi, mười con lừa và bốn con ngựa, mà lúc trước thì rất nhiều. Qua khỏi vài trái núi cao, đầy những đá to chập chồng, đến một nơi thị-tứ. Quan địa-phương thuộc về dòng vua Thổ-kỳ miền Tây. Thầy ở nán lại một tháng, được quan địa-phương cấp cho người ngựa để qua núi Ba-mia (Pamir). Càng đi càng lạnh vì đường càng lên cao. Lại thêm gió thổi, tuyết bay, không nhờ lấy cỏ hoa chi cả. Lạnh cho đến đổi người và thú đều phải ngủ chung với nhau trong hang đá mà nghỉ đêm.

Núi Ba-mia là cao hơn hết ở hoàn-cầu. Đi trên bốn ngày mới tới dãy. Đối với xứ đồng bằng thì chỗ này ở gần trời, tuồng như đường lên trời. Một phía thì sông rạch chảy về hướng Đông, một phía chảy về hướng Tây, chia rẽ Trời Đất ra, tuồng như mình đứng giữa trung-tâm vậy. Không có cây, trái, cỏ, hoa chi cả. Chung-quanh là tuyết và sa mù. Người ta nói rằng chốn này có nhiều Tiên-thánh. Thầy Huyền-Trang có nghe thuật chuyện một bọn thương-gia gặp hai vị La-hán trong động: thuở trước có hai thầy tăng tu đắc quả La-hán, bèn dắt nhau lên núi để tịch. Hai người ngồi trong một cái động, đã trên bảy trăm năm mà xương cốt vẫn còn như thường, không rã rục chút nào.

Thầy đi xa nữa cũng nghe người ta thuật chuyện Phật, đáng để ý lắm: « Cách thành Kie-pan-t'ô chừng hai trăm dặm, ném về hướng Tây, có một hòn núi cao. Chỗ ấy duy





**Một vị La-hán**

*Nương thân nơi chốn non cao rừng vắng, nhà sư thẳng  
phục các mối tình, thong dong, tự tại.*



có mây mù và một cánh núi nghiêng tuồng như muốn ngã mà còn vững hoai.

Hồi trước, có một lúc, trời sấm, sét đánh ngã cánh núi ra. Người ta chạy lên thì thấy một cái động lớn, phía trong ngồi một nhà sư, mắt nhắm lại. Nhà sư to tướng lắm, thịt tóp khô và râu tóc đều mọc ra dài, che lấp cả mặt và vai. Người ta chạy báo cho vua hay. Vua vội vàng đến. Dân-chúng cũng kéo nhau lại xem. Có một thầy tăng lên thấy, mách rằng : « Bểng này đã tịch, ngồi được như vậy mãi. Người lấy tinh thần mà độ cho hình-thể khỏi hư hoại. Người đã nhịn ăn uống mãi đến nay. Nếu thỉnh linh làm cho người thức lại thì thân-thể sẽ tan rã ra hết. Bây giờ nên lấy dầu ướp tay chơn mình mây cho dịu lại, rồi đánh mõ mà thức người.» Vua truyền làm theo lời. Bểng kia nghe tiếng mõ bèn mở mắt ra và ngó chung quanh. Ngồi tĩnh một lát, ngài mới hỏi rằng : « Các người sao hình thể nhỏ thấp như vậy ? Các người là ai ? » Một nhà sư đáp lại. Ngài bèn hỏi qua đức Phật Ca-Diếp đã tịch cả trăm ngàn năm rồi. Mấy nhà sư đáp : « Phật Ca-Diếp nhập Niết-Bàn đã lâu lắm rồi. » Ngài nghe, nhắm mắt lại tuồng như người nản chí. Rồi thỉnh linh hỏi nữa rằng : « Còn đức Thích-Ca Mưu-Ni có giáng thế chưa ? » Người ta đáp : « Phật Thích-Ca đã ra đời, hiện là thầy của chúng tôi, cũng nhập Niết-Bàn rồi nữa ». Ngài nghe nói, cúi đầu xuống. Kế lấy tay mà vén tóc rồi bay bổng lên mây. Ngài dùng phép tam-muội hóa lửa mà thiêu xác, chỉ còn xương rớt trên đất. Vua có lập một danh tháp để thờ ngài.

Huyền-Trang nghe thuật chuyện, rất lấy làm thích. Cả bọn đồng ra đi. Đến một chỗ rậm, có một đám ăn cướp trong đá thỉnh linh nhảy ra chặn giựt làm cho mọi người đều hoảng kinh. Nhứt là mấy người thương-khách theo thầy, họ chạy bỏ lại những voi, ngựa, đồ đạc. Bọn cướp đều thâu hết sạch.

Bấy giờ đi lần xuống núi. Ai nấy đều nhọc mệt hết sức. Thầy đi vào tỉnh-thành Cát-ha (Kasha). Xứ này không mấy phồn thịnh, vì ở ném về miệt đồng cát, nhưng nhờ phong thổ dễ chịu và có mưa thường, nên người ta trồng cây trái nhiều. Tăng-chúng đều tu theo Tiểu-thừa. Tuy trong xứ có một trăm nhà chùa với mười ngàn thầy tăng, nhưng thầy Huyền-Trang không chú ý bao nhiêu. Thầy có nói chuyện với mấy nhà sư trưởng, nhưng trông thấy học-lực của họ



kém lắm. Và thầy nhận rằng họ tụng niệm mà không hiểu nghĩa lý trong kinh.

Thầy không muốn ghé lâu, bèn ra đi. Thầy đi ngang một nước phồn thịnh, xứ Giát-căng (Yarkand) và có vào đến kinh-đô. Xứ này giàu nứt về nghề nông, có nhiều lúa, bắp, nho và trái cây. Tăng-chúng không phải như bên xứ Cát-ha. Ở đây người ta tu theo Đại-thừa, rất có lòng thành-tín và thi hành theo chủ-nghĩa đại-từ. Trong xứ có hòn núi linh. Thổ-dân đều nói rằng trong núi thường có Tiên-Phật hiện xuống. Núi cao, hang thâm, đường vô rất khó. Và bởi lạnh quá nên cây cối mọc khít lại với nhau. Trên núi có nhiều suối, nước rất trong và có động trong mấy hòn đá to. Nhiều vị tu chứng quả La-hán, khi muốn tịch, thường bay tới núi này và chọn chỗ để lánh trần. Lúc Huyền-Trang lại, người ta nói hiện trong núi có ba vị La-hán. Trong khi ba ngài ngồi điềm nhiên đời đời trong động, râu tóc cũng cứ ra. Rồi lâu lâu mấy nhà sư trong xứ lên núi mà hót bột, thỉnh đem về thờ.

Thầy ra khỏi xứ Giát-căng, rồi đi lần theo đường của các đoàn thương-khách. Còn cách quê nhà chẳng bao xa. Thầy có ghé lại nước Cô-tan (Khotan, tiếng phạn là Kustana), được vua và tráo-thần tôn trọng lắm. Cô-tan là xứ giàu có, thanh về nghề trồng dâu nuôi tằm. Ngày xưa trong nước chẳng có một ai biết làm ra tơ lụa, nhờ bà hoàng-hậu là người Tàu đem qua. Truyền tích ghi rằng lúc trước vua có cưới công-chúa nước Tàu. Công-chúa về nhà chồng có giấu theo ít hột dâu và vài con tằm, vì người Tàu không chịu truyền ra ngoại - quốc nghề khéo léo của mình. Công-chúa đem hột gieo thành cây dâu, bẻ lá cho tằm ăn rồi tằm nhả tơ. Từ đó tới sau nghề nuôi tằm tấn phát mãi làm cho xứ trở nên giàu thịnh lắm. Trong xứ cũng có nhiều ngọc thạch, đem ra nước ngoài bán đắt tiền. Người ta nói thổ-dân có tài tìm ngọc. Những hôm trời trong, trăng tỏ, chúng lên núi đi kiếm ngọc. Hễ chỗ nào bóng trăng soi sáng hơn hết thì chỗ đó có ngọc nhiều.



Cuộc nội-trị thật nghiêm trang và có trật tự lắm. Con người có lễ phép và thích âm-nhạc, ăn ở ngay thẳng, thành thật lắm. Tuồng chữ giống chữ Ấn-Độ, mà tiếng nói thì khác hơn. Nhà vua từng giao thiệp với nước Tàu. Từ lúc Thái-Tôn hoàng-đế ở ngôi nhà Đường làm cho khắp nơi được yên ổn, vua bên này hằng yêu trọng lắm. Vua vì bề chánh-trị muốn thân với nước Tàu. Thầy Huyền-Trang ghé là một dịp may cho vua, nên người đãi đằng trọng thể lắm. Thầy thấy vua ân cần và dân vui vẻ nên thầy ở được bảy tám tháng. Luôn dịp để chép những Kinh chim mất trong khi đi đường, vì xứ này là về Đại-thừa, có nhiều kinh chữ Phạn. Thầy cũng chờ coi hoàng-đế sẽ tiếp rước ra thế nào. Trong lúc ấy, thầy có giảng kinh và thuyết Pháp cho mấy thầy tăng nghe, chỉ dạy cho về đạo cao siêu mà thầy tìm bên Ấn-Độ và đem chủ-nghĩa của hai vị Bồ-tát Vô-Trứ và Thiên-Thân mà giải bày.

Thầy ra đi về ngay biên-thùy. Còn cách đồng cát Gô-Bi thì tới nơi. Lúc ra đi thầy qua cái biển cát này, một mình một ngựa, không có phần nào là chắc. Chẳng những thầy đã trải qua khỏi đồng, thầy lại còn vượt nhiều non núi hiểm nguy và tầm xong kinh Phật. Nay về, cánh đồng cũng vẫn mình mông cát nóng. Mà nhờ có nhiều người, nhiều ngựa, đồ ăn, đồ uống nhiều, nên không nhọc nhằn bao nhiêu. Thầy vào đến ải địa-dầu là xứ Touen-houang, ném về hướng Tây nước Tàu. Thầy nghỉ ngơi cho khoẻ người và chờ lệnh nhà vua. Vì thầy đã dâng sớ về trào rồi.

Xứ này tuy ném về ngoài biên-thùy mà rất có danh về đạo Phật. Găng-chúng khá nhiều, chùa xưa cũng bộn. Ấy là chỗ các nhà đại-đức bên Tây-Phương ngừng nghỉ trước khi vào nước Tàu. Mỗi khi có vị nào muốn qua truyền đạo bên Trung-Quốc thì ghé lại vừa nghỉ mệt vừa chờ ý-định nhà vua. Trong lúc ấy, mấy nhà đại-đức vừa ở tại chùa vừa chỉ dạy các nhà tăng.

Thầy về đến đây, có hơi lo ngại. Không biết rồi đây Hoàng-đế sẽ tiếp đãi ra thế nào? Mình là người ra đi trái



lệnh vua, chừng về cũng có phần ngại dạ ! Nhưng Thái-Tôn là một nhà vua đại-độ, không chấp những việc nhỏ nhen. Chuyện xảy ra ngoài mười năm, nay đã cũ càng. Khi xưa, một thầy tăng niên-thiếu thừa khi đêm tối trốn ra đi. Nay về, rõ ràng là một nhà đại-đức, thì vua càng nức nở khen. Lại trong lúc thầy ở Ấn-Độ, làm kinh động các tông giáo, đã từng làm bạn với các nhà vua, tên tuổi thầy thấu đến quê-nhà làm cho mọi người đều kính phục. Thái-Tôn hoàng-đế bấy giờ đã có lòng yêu rồi.

Nay thầy về, tin truyền khắp cả nước. Ai nấy đều xôn xao, trông cho biết mặt thầy. Người trải qua mây cảnh đồng khô, nhiều hòn núi gât, người qua tận Ấn-Độ mà tầm đạo hoàn-toàn, người ấy nay về, ai cũng nể chí cả và khiếp vi lòng thành-tín của thầy.

Năm ấy, nhằm năm 645. Vào đầu mùa xuân, thầy về đến Trường-An. Trong nháy mắt công-chúng truyền nhau kéo lại rước thầy, dầy các nẻo đường, vây đặc chung quanh thầy. Hôm ấy Hoàng-đế không có ở tại triều. Các quan đều ra đón rước long trọng theo đức cả của thầy. Các nhà sư đều đến chào, thỉnh kinh, tượng và dầu tích Phật để tại chùa Hồng-Phước-Tự. Cuộc lễ nghinh-tiếp cực kỳ to tát. Cờ xí đỏ đường, trống la dầy dật và hương trầm thơm phứt. Mỗi nhà đều đặt bàn hương-án, tăng-đồ đều mặc áo lễ trang hoàng. Mấy nhà sư đi đầu thầy đều tụng kinh. Còn người thường cũng chen theo coi đông đặc. Người ta kéo đi dài đến mấy dặm đường. Hai bên đường dầy như các quan và các nhà danh giá trong thành. Bởi công-chúng Hằng-hà sa số, triều-đình sợ họ chen lấn mà đạp nhau, nên truyền lệnh cho mọi người đứng đầu thì đứng đó và đốt hương trầm luôn. Trong lễ nghinh tiếp có mùi ngào ngạt từ trên Trời bay xuống. Theo những kinh-sách và tượng Phật đều có mây lành năm sắc che lên trên, ai cũng nhận là Tiên Phật xuống trần.

Ít hôm sau, Huyền-Trang vào chầu vua. Thái-Tôn làm lễ xong, bèn nói qua việc thầy đi, hỏi sao không thấy cho hay dạng ngài bao bọc cho. Thầy thông thả đáp rằng có lẽ lúc xưa tên tuổi thầy hãy còn lu mờ, nên thầy có gởi nhiều lá sớ mà người ta không dâng lên vua. Và bởi thầy đã nguyện đi tầm đạo, nên đánh liều ra đi. Vua Thái-Tôn khen thầy nhiều lắm, phán rằng thầy chẳng quản



mạng sống nên mới tâm kính thỉnh Phật về mà cứu độ chúng-sanh. Nhất là vua lấy làm lạ về đường suối sông nguy hiểm, non núi gay go mà thầy vượt khỏi và qua tận Tây-phương. Vua cũng nhận rằng nhờ thầy dốc lòng tu-niệm, có Phật giúp cho, nên mới một mình chịu nổi với nóng nôi trên đường, chớ qua Tây-phương thì cả trăm người đi mà chưa chắc được năm ba người về.

Vua là một nhà chánh-trị giỏi. Thấy thầy trải qua các nước, biết các giống người, vua vui mừng, vì sẽ nhờ thầy chỉ dạy cho về tình-hình chánh-trị ở các nước Á-châu miền trung.

Trong khi giao thiệp với các nhà vua chúa, thầy hằng làm cho họ kính mến oai-dức của vua Thái-tôn, làm cho họ biết nước Tàu vĩ-đại là phù cường. Nay về thầy sẽ vui lòng cho vua biết những điều nghe thấy của thầy. Rồi đây chẳng những thầy cứu nước về đường đạo-đức mà lại cũng giúp vua về mặt chánh-trị nữa.

Vua với thầy từ đây gần gũi nhau, yêu mến nhau và thành ra hai bậc vĩ-nhơn đại-khái ở nước Tàu.

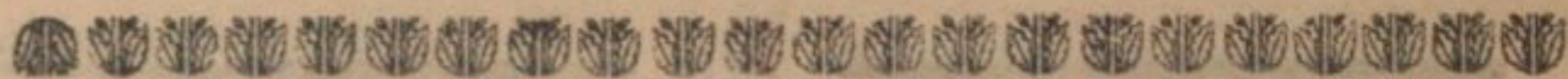
---

MỘT LÒNG CHƠN-THẬT VÀ LO GIÚP ÍCH  
MỌI NGƯỜI, LÀ NHÀ THUỐC

**NAM - PHƯƠNG**

166, rue Colonel Boudonnet — Saigon





## Công nghiệp thầy Huyền-Trang

**T**hầy về đến quê-nhà vào năm 645. Tính ra thầy ở Ấn-Độ mười bốn năm, vừa về vừa độ mấy nước theo đường là hai năm, trọn cả là mười sáu năm. Trong mười lăm mười sáu năm, biết bao cuộc thay đổi to tát. Ngay ở thời-thế nước-nhà và thân-thể thầy cũng khác hơn xưa nhiều. Khi mới bước chơn ra là một kẻ thiếu-niên không lên tuổi gì, tuy học-lực khá hơn người mà vẫn còn tối tăm. Không mấy ai để ý đến mình, cho đến cử hành đại sự mà cũng không ai tiếp tay. Một mình trốn ra biên-thùy, không giấy tờ chi cả. Thời giờ thấm thoát, mười mấy năm đã qua bảy giờ về. Người ta tiếp rước mình oai-nghiêm, rục rờ như hầu một ông Phật xuống trần. Vua đại anh-hùng là Thái-Tôn hoàng-đế phải làm lễ rất kính. Còn toàn cả tăng-chúng và quan dân đều coi mình như Phật sống vậy. Bảy giờ là một nhà đại-đức, không còn biết đạo-lý là bí-thầm, đã từng xem các kinh sách cao siêu, đã gần gũi với các nhà giỏi đạo, bao nhiêu những kinh đã thỉnh về đủ chứng thầy là có đức cả rồi.

Mười lăm, mười sáu năm trời! Một thầy tăng tâm thường đã thành ra một nhà đại-đức, một vị Phật sống, thì một nhà vua cũng có thể làm chúa-tể các lân-ban; một nước chưa yên cũng có thể thành một cường-quốc rất vững vàng. Hồi thầy còn ở trong xứ, vua Thái-Tôn nào được ngồi yên: phía trong là nội-loạn lờm khờ cho muôn dân, phía ngoài là giặc nghịch cứ hăm chim đọt Trung-Nguyên mãi. Kế mười mấy năm sau, Thái-Tôn ngồi trên thiên-hạ, rưới oai-đức khắp dân lành, mọi nơi đều an hòa, vui-vẻ. Còn ở ngoài, các nước đều đem dâng lễ cống mà chịu làm chư hầu.

Vẻ vang thay cho hai nhà đại-chí. Nào ai có ngờ rằng đường đi thì khác mà hai người lại gặp nhau. Một nhà làm chánh-trị, một nhà làm đạo-đức, một ông vua cả, một thầy tăng nghèo, thời-thế lại đưa nhau hội hiệp, quan dân



*lại kính phục như nhau, tên tuổi lại đồng đứng chung trên lịch-sử, và đồng làm vinh diệu cho đời nhà Đường.*

Vua Thái-Tôn rất chuộng thầy, muốn phong chức trọng quyền cao để nhờ thầy giúp cuộc trị-quốc và giao-tế với các nước ngoài. Mỗi phú quý với ai thì thơm ngọt mà với Huyền-Trang thì không. Thầy từ đi mà rằng : « *Bần-tăng đưa mình vào thuyền-môn từ thuở bé và một lòng thờ đạo Thích, không bao giờ nghe biết đạo Khổng, nào có hiểu việc quan quyền. Nay lại bỏ cửa Phật mà lặn lội với đời thì có khác nào chiếc thuyền dương trương buồm giữa biển vùng sấn lên đất liền ; chẳng những là thuyền không chạy được mà lại còn bể nát ra nữa...* »

Vua nghe lấy làm phục. Thầy có tỏ lời cảm ơn vua mà rằng : « *Từ khi Bệ-hạ lên ngôi, trong bốn biển được yên và oai-danh của Bệ-hạ thấu đến các nước ngoài, thấy đều kiêng nể. Cho nên mỗi khi có người phương Đông qua, các nhà vua chúa đón rước trọng thể và cung kính đúng mực, vì là thần-dân của Đường-trào hoàng-đế vậy. Nhờ oai-đức của Bệ-hạ nên bần-tăng đến đâu cũng được đón đưa rất có lễ phép và giúp cho mọi sự cần dùng. Hôm nay bần-tăng tầm xong kinh Phật, một phần lớn là nhờ đức Bệ-hạ vậy. »*

*Một phen yên nơi yên chỗ, thầy định gia công dịch sáu trăm pho kinh thầy đã thỉnh về. Thầy dọn một cảnh am thanh-tịnh, xa tiếng ồn ào, trong một đám vườn mát mẻ, đầy những tùng bách, có suối trong và động vắng. Nhưng đức Thái-Tôn vì quá yêu thầy, muốn cho thầy ở gần nên ngài mới cất rời ở Trường-An nhà chùa Đại-Từ Ân-Tự, định đời thầy về đó làm chủ và trông nom các vị tăng.*

Thầy sang Trường-An, bợp dựng nhiều nhà dịch-giả rõ thông chữ Phạn. Cùng nhau dọn kinh và tầm kiếm những chữ đúng với nghĩa lý thâm trầm, bí thiết bên Tây-phương. Soạn xong một bộ kinh vào mùa thu năm 648, thầy đem dâng lên để vua duyệt-phê. Thái-Tôn hoàng-đế bèn lấy bút-thần mà phê vào những ý nghĩa trong sách, sáng suốt như bóng Thái-dương và bóng Trăng rằm. Mấy hàng ngự chế đẹp quý như ngọc ngà và sẽ bền vững như Trời Đất





Một vị Bồ tát lướt mây, đem hoa đi cúng Phật và nghe Kinh. Nhiều khi, chư Bồ-tát cũng rải hoa, đốt hương, tỏ lòng hoan-nghinh vị sư giỏi Kinh.



vậy. Thầy cũng có dâng lên vua bộ « Tây-Du-Ký », thuật chuyện đi Ấn-Độ tìm kinh học đạo. Vua cũng vui lòng ngự bút mà làm cho bộ sách được vinh vang thêm.

Vua rất yêu chuộng thầy và thường nghe theo lời thầy. Một hôm, thầy lâu với vua xin cất thêm chùa. Ngài cũng phê và truyền cất thêm nhiều cảnh cảnh chùa, vì ngày xưa triều-đình trông nom việc đạo và lập chùa chiền. Buổi ngày vua thường dời thầy đến, tới chiều thầy mới về chùa mà lo dịch kinh. *Hai nhà di nẻo khác, người tung hoành nơi chốn sa-trường, kẻ lánh mình trong vòng tu niệm, người góm thâu phân nữa cõi Á-Châu làm nặng gánh giang san, kẻ trái qua muôn dặm tới Tây-phương tìm Phật, ai cũng toại chí, rồi đến lúc già cùng chung chạ nhau mà tên tuổi cũng đi liền với nhau nữa.* Vua thường ngồi nghe thầy luận đạo, mộ triết lý nhiệm-mầu, thâm-thúy và thích những cảnh Phật chùa xưa bên Thiên-Trước.

Vua băng năm 649, ở ngôi được hai mươi năm. Ngài muốn tỏ ra mình là Hoàng-đế một nước vĩ-dại, phú cường, là người đã từng lên ngựa cầm thương mà làm cho bốn biển được yên, nên ngài có truyền cho thợ đúc hình mười bốn vị vua hầu ngài chung-quanh mộ, từ những vua Thổ miền trên cho đến vua Chăm miền dưới, ở cõi Đông-Dương.

Vua Cao-Tông lên nối ngôi, cũng yêu trọng Huyền-Trang. Nhưng từ đây thầy ít đi lại với vua, thường ở chùa lo dọn kinh. Từ sáng thầy đã khởi dịch rồi. Và trong ngày có việc gì cản trở, thầy thức đêm mà dịch tiếp theo. Đến đoạn nào khó, thầy xếp sách lại, đoạn đi tụng kinh và lạy Phật cho đến canh ba. Bấy giờ thầy mới ngồi lại bàn giấy, vừa đọc lớn tiếng vừa dịch và làm dấu bằng mực đỏ những chỗ sẽ dịch ngày mai. Mỗi bữa, đúng Ngọ thầy dùng cơm sơ sài, rồi giảng kinh trọn bốn tiếng đồng hồ. Học-trò càng ngày càng đông, đều chuyên cần học hiểu những nghĩa lý thầy truyền. Thầy mắc bận nhiều việc, nhưng bao giờ tâm thần cũng mạnh mẽ và thầy không hề ngừng nghỉ.

Thầy vẫn siêng năng luôn, cứ dịch thuật kinh sách, dạy



đạo cao học-trò và giảng lý với các nhà sư. Lâu lâu thầy vào đền viếng vua Cao-Tông một lần. Thầy đã già. Bệnh cũ trở lại làm cho thầy đau yếu thêm, lúc trước thầy mắc bệnh vì vượt núi Ba-mia (Pamir). Thầy muốn về thăm làng cũ và nhà xưa. Cha mẹ đã thác lâu. Ban bè không còn mấy người. Bà con đều tản lạc. Thầy còn có một cô em. Thầy kiếm được em; trong cuộc gặp gỡ, vui buồn lẫn lộn nhau. Thầy hỏi thăm phần mộ cha mẹ, cô em dắt đi. Đến nơi, thầy lấy tay nhỏ cỏ mọc phủ trên mộ bấy lâu.

Qua năm 664, thầy vừa dịch xong bộ kinh Bắc-nhã Ba-la-mật-đa thì nghe trong mình đuối sức nhiều. Thầy biết gần tịch, nên có trối rằng : « Ta không còn sống lâu nữa. Vậy khi ta thác, các thầy đưa ta ra phần mộ một cách đơn sơ, cứ lấy chiếu mà quấn lại rồi đem ta đi chôn là xong.» Thầy muốn đến xứ Lan-tê-bi mà làm lễ Phật và Bồ-Tát lần cuối cùng. Khi trở về chùa, thầy không dịch kinh nữa chỉ lo sắp đặt công việc thôi.

Gần tới giờ tịch, thầy vùng la lên rằng : « **Ta thấy trước mặt ta một tòa sen to lớn và đẹp đẽ lắm.**» Lại thầy cũng thấy nhiều người cao lớn, mặc đồ tốt, ở trong lieu đi ra, có ôm những chấn bằng lụa thêu, rồi treo chấn lên khắp cả phòng dịch kinh. Thầy bảo học-trò nên chào thầy, chào xác thịt của thầy là đồ dơ dáy mà thầy buộc phải mang lấy, bây giờ thầy mới thoát ra. Kể thầy vái Phật : « Bần-tăng nguyện cho nhiều người sẽ hưởng được quả tốt như bần-tăng mà cùng về Cõi trên. Bần-tăng nguyện được qua miền đức Di-Lặc để thờ Ngài trọn đạo. Khi bần-tăng sẽ rở lại cõi trần, cũng nguyện sanh ra làm tôi nhà Phật và nguyện cho được thoát khỏi bến mê mà vào bờ Giác !

Thầy từ biệt tăng-chúng, bèn lẳng lẳng ngồi tham thiền. Thầy niệm một câu nữa để ca tụng đức Di-Lặc : « Nam-mô Di Lặc Như-Lai ! Bần-tăng muốn được với mọi người cùng thấy qui-tướng Ngài. Bần-tăng muốn lia-trần và lên hầu hạ bên Ngài.» Dây lạt thầy ắt hơi. Hồn bay ra khỏi xác. Mặt thầy vàng hực và có vẻ an-lạc thanh-nhàn...»

Vua Cao-Tông khóc kể thầy và làm đám rênh rang, đúng đấng lắm. Vua chôn thầy tại chùa Đại-Từ-án-Tự và xây tháp để thờ thầy.

CHUNG



# MỤC LỤC



Số	Bài	Trương
1	Tiểu-tạ. . . . .	3-4
2	Sự hại của truyện Tây-Du. . . . .	5-7
3	Thời-thế ở nước Tàu. . . . .	8-9
4	Thân-thế thầy Huyền-Trang. . . . .	10-14
5	Mấy bước đường đầu. . . . .	15-25
6	Những điều nghe thấy. . . . .	26-33
7	Những dân-tộc lạ lùng. . . . .	34-41
8	Gần tới Tây-Phương Phật. . . . .	42-57
9	Những tích Phật miền sông Hằng-hà.	58-72
10	Trái qua xứ Phật. . . . .	73-98
11	Cõi Ấn-Độ miền dưới. . . . .	99-101
12	Mấy ông Phật sống. . . . .	102-117
13	Khi trở về. . . . .	118-125
14	Công-nghiệp thầy Huyền-Trang. . . . .	126-130



## Cùng các ngài muốn thường xem sách Phật

Bồn-quán đã từng xuất-bản nhiều cuốn kinh sách về Phật-giáo. Rồi đây cũng còn xuất-bản thêm nhiều cuốn nữa. Lại vừa in trở lại và nhuận sắc những cuốn đã ra mà tiêu-thụ hết rồi.

Qui-ngài các nơi muốn được kinh sách mỗi khi vừa mới ra thì tiện cho qui-ngài lắm. Như vậy gửi đóng nơi bồn quán một số tiền 5\$00 hoặc 10\$00. Bồn-quán ghi tiền ấy vào sổ, chờ đến lúc sách ra thì gửi liền. Tiền cước phí về phần bồn-quán chịu. Chừng nào mãn số tiền đã đóng, bồn-quán sẽ viết thư cho hay. Bấy giờ các ngài sẽ tính. Chớ ra mỗi cuốn mỗi gửi cách lãnh-hóa-giao-ngân lại thì tốn phí cho các ngài nhiều. Lại lắm khi các ngài bận việc, mắc đi khỏi không có thì giờ mà đến lãnh, thành ra sở bưu-điện gửi trả về.

Bồn-quán hiện có nhiều vị đã đóng rồi, rất lấy làm tiện lợi cho các vị ấy. Khi cần trông đợi hoặc hỏi thăm, khi cần gửi thư từ đến mua chác, hễ có sách ra thì các ngài ấy có được.

Bây giờ đây qui-ngài hãy làm như vậy đi. Qui-ngài vừa đóng tiền, vừa chỉ những cuốn nào đã ra mà qui ngài thích, bồn-quán sẽ gửi lại ngay. Rồi đến khi ra sách nữa thì gửi nữa. Như vậy mãi, chừng nào dứt món tiền ấy sẽ hay.

*Nay kính*

Editions ĐOÀN-TRUNG-CÒN

*Spécialité dans les éditions bouddhiques*

143 rue Louvain, Saigon.



## Giới thiệu vài hội Phật

Bồn-quán có nhận được quyền điều lệ của *Tịnh-dộ cư-sĩ Phật hội*. . . gởi tặng. Hội này thành lập năm 1934, kêu theo tiếng pháp là « Association pour le culte bouddhique familial » Hội-quán là chùa Hưng-Long, đường Le Myre de villers ( 4e quartier) Cholon. Mục-dịch là hành theo cái tên của hội bằng chữ quốc-ngữ và bằng chữ pháp ở trên. Chư hội-viên cư-sĩ gởi thân vào đức từ-bi của Phật A-Di-Đà. Vậy ai có muốn hỏi thăm hoặc nhập hội thì hãy vào chùa Hưng-Long (Cholon) hoặc do nơi hội-trưởng là ông Lương-văn-Đường thông-phán sở tuần thành Cholon.

. . .

Bồn-quán cũng mới nhận được quyền sách điều-lệ và bài thuyết-pháp của hội « THIÊN-THAI THIÊN GIÁO-ÔNG LIÊN-HỮU HỘI ». Hội-quán tại chùa Thiên-Thai, làng Tam-Phước, tổng Phước-Hưng-Thượng (Baria). Vậy quý-ngài ai có muốn biết điều-lệ, hoặc muốn đọc bài diễn-thuyết của chánh-hội-trưởng, M. Phạm-hữu-Đức (giám-đốc-học hồi hưu), hoặc bài thuyết-pháp của Hòa-Thượng Huệ-Đăng chùa Thiên-Thai, thì hãy viết thư hoặc đến hội-quán mà xin. Hòa-Thượng Huệ - Đăng, thường kêu là Hòa-Thượng Thiên-Thai là một nhà sư rất thông-minh, cao học, từng thọ tri kinh Pháp-Hoa, trao thế-độ cho thiện-nam tín-nữ. Quý-ngài có dịp đi Baria, nhớ đến thăm ngài và hỏi đạo với ngài thì sẽ thấy ngài học lực ra thế nào.

B. Q.



Entreprise de tous trans-  
ports terrestres et fluviaux

Adresse télég :

**Lamvanhau, Saigon**

Téléphone : 623

**TRANSIT**

**TRANSPORTS**

**DOUANES**

**DÉMÉNAGEMENT**

**BAGAGES**

**HENRI**

**LAM-VAN-HAU**

80, rue Jean Eudel

SAIGON

THUỐC  
**ĐAU - BỤNG**

Hiệu NHÀNH-MAI 0p.15  
Đau thể nào uống vào trong  
5 phút hết đau. Hết sức hay.

**ĐAU - RĂNG**

Hiệu NHÀNH-MAI. 0p.20  
Thoa thuốc này vào chỗ  
răng đau, hết nhức tức thời.  
Hay lắm... Hay lắm.

**ĐAU - MẮT**

Hiệu NHÀNH-MAI. 0p.30  
Trị các chứng đau mắt  
hết sức hay. Ai dùng rồi,  
cũng khen tặng thuốc này.  
Bồn-hiệu dám cam đoan,  
ai đau mắt chưa hư tròng,  
dùng thuốc này không hết  
bồn-hiệu không lấy tiền, và  
của một thương hai

**BẠCH-ĐÁI và**  
**TỬ-CUNG**

Hiệu NHÀNH-MAI .. 1p.00

Hay vô song

Máy món thuốc trên đây có gởi  
bán khắp nơi, Saigon nơi tiệm  
Nguyễn-thị-Kính, tiệm A-Đồng ở  
gốc Chợ-mới, và các gare xe điện  
có bán, Mua sỉ lời nhiều, do nơi  
nhà thuốc Nhành-Mai 298 Paul  
Blanchy, Boîte postale 63 Saigon.



M<sup>me</sup> NGUYỄN - THỊ KÍNH

Góc Chợ mới Saigon, hàng số 11

Nhà ở đường Aviateur Garros số 30.—Tél. 928

Bán giấy, viết, mực và đồ để học-trò cần dùng đủ thứ.  
Đèn măng-sông hiệu Tito-Iandi, đèn thấp dầu bôi. Tiêm  
măng-sông, ống khói bán riêng. Đèn điện thấp piles, có  
piles và bóng lán riêng. Hàng tạp hóa v... v...

Sáng lập năm 1930

Làm thuốc ba đời

Danh tiếng chơn-thiệt

Nhà thuốc

**NAM - PHƯƠNG**

*Tiệm thuốc Bắc của người Annam*

Lương-y và bào-chế sư Annam có cấp-bằng y-khoa Trung-  
Việt, làm thuốc kinh-nghiệm, coi mạch, trị bệnh, chế thuốc,  
hốt thuốc, ban đủ thứ cao đơn hườn tán.

HIỆU « CON CỌP »

Lương-y chuyên trị bệnh con nit, ban trắng, ban đỏ, bệnh  
đàn-bà, bệnh ho lao và các bệnh ho.

Cần dùng khắp nơi nhiều đại-ly có tư-cách và có hăng tâm  
hăng-sản thay mặt buôn bán theo tôn-chỉ và mục-dịch của  
bồn-dưỡng, « làm ích cho đồng-loại ».

166 rue Colonel Boudonnet, Saigon

(Ở ngang gare xe lửa Saigon-Mytho, dãy phố bán đồ lạc-xon,  
gần bến xe dò Chợ mới Saigon.)



Qui-ngài học đạo, có lòng nhơn, thường không muốn đi dép da. Qui ngài ưa đi guốc. Có đi guốc, xin qui-ngài nhớ đi guốc của người Annam mình chế-tạo bằng máy :

# GUỐC CẦU KIỂU

**NGUYEN - VAN - BAU**

Médecin-Pharmacien Sino-Annamite

**NAM - THAO - DU'ONG**

*N° 38 Rue Amiral Roze*

**SAIGON**

## Ngọc Ngà Châu Báu

Giữa trần-gian có chi qui bằng ngọc tốt bằng ngà. Nhưng, ngọc ngà chỉ để chưng diện chơi thôi ; chớ rủi khi ương yếu không thể lấy ra mà chữa bệnh đặng.

Qui hơn là trong nhà thường có một vài hộp thuốc SĨ LAO BỒ TẠNG HOÀN của nhà thuốc TẠO NHƠN ĐƯỜNG Govap, Giadinb. Thuốc ấy là phương thuốc bổ lao đệ nhất. Già cả mệt mỏi, thận hư phổi yếu, trẻ tuổi ốm o gầy mòn, hễ uống vào thì trắng kiện gân cốt, ăn ngon ngủ khỏe. Mỗi hộp 12 hoàn, giá 1p00

Nhà thuốc TẠO-NHƠN-ĐƯỜNG lại là một nhà thuốc chuyên luyện giao-thực.

Vẫn biết món thuốc này, cũng nhờ lương-y am hiểu cách bào chế, nhưng cũng nhờ nhiều giao-thực tốt mới đủ sức bổ dưỡng.

**NAM-TRUNG**

## Nhà thuốc ÔNG - TIÊN

*N° 82 à 92 rue Paul Blanchy prolongée*

**PHÚ-NHUẬN. — SAIGON**

Chuyên môn bào chế đủ cao đơn hoàn tán, dưới quyền chứng nhận của Chánh-phủ Pháp ngày 23-1-32

Phân-cuộc mới thành lập 1935. Saigon : 228 rue d'Espagne.  
P. Penh : rue Ohier. Hué : 51 rue Gialong. Quinhon : Avenue Gialong. Hanoi : rue des Caisses.



## Chúc ông bà sống lâu thêm tuổi

Nhơn thân con người lấy khí huyết làm gốc.

Nếu khí huyết suy kém thì các bệnh đều sanh.

Nên tôi chế riêng hoàn thuốc này tên là DIÊN-LINH ÍCH THỌ HOÀN, dùng Cao-ly-sâm, Bắc-lộc-Nhung vi quân, đại bổ khí huyết để hiến cho những người già yếu, tuổi cao tác lớn, khí huyết suy kém, tỳ vị yếu, ăn ngủ ít, trong mình mệt nhọc, uống DIÊN-LINH ÍCH THỌ HOÀN các bệnh đều hết, tử tai, sáng mắt, sống lâu thêm tuổi.

Hoặc người lao tâm lao lực thái quá, lo lắng bằng trí não nhiều ngày, lao lực vì lao-động nhiều ngày, sanh ra các bệnh lao tổn, lao thương, ngủ tạng lục phủ suy kém, trong mình bần thần mệt mỏi, ăn ngủ ít, xây xam mày mắt, mờ mắt, ù tai, trường phục DIÊN LINH ÍCH THỌ HOÀN các bệnh đều hết.

Hoặc người ho tồn, ho phong, ho đàm lâu năm chầy tháng, ăn ngủ không đặng, đàm kéo nơi cổ, hơi thở mệt nhọc, trường phục DIÊN LINH ÍCH THỌ HOÀN các bệnh đều hết, còn bệnh ho tuy không hết, cũng có thể thuyên giảm đặng nhiều.

Người bõ khí huyết suy kém sanh ra trúng phong, trúng đàm, trúng ác, khi không xây xam mày mắt, ngã té, đàm kéo nơi cổ, tay chơn rung giựt, uống 1 hoàn DIÊN LINH ÍCH THỌ tỉnh lại liền, trường phục luôn, bệnh hết dứt.

Hoặc người đau dây dưa lâu ngày mới mạnh, nguơn khí hư nhược, tỳ vị yếu, ăn uống không tiêu, no hơi sinh ruột, hay đồ mồ hôi đêm, tay chơn rung lạnh, bần thần mệt nhọc, da mặt mét vàng, hình vóc gầy ốm, trường phục DIÊN LINH ÍCH THỌ HOÀN các bệnh đều hết, bồi bổ sức lực.

Sự công hiệu của hoàn DIÊN LINH ÍCH THỌ không thể kể xiết, quý vị dùng rồi mới thấy rõ.

Giá hộp lớn 5 hoàn 1\$50. Giá hộp nhỏ 2 hoàn 0\$60.

VÕ-VĂN-VÂN DUỢNG-PHÒNG

*Thudaumột (Nôm-kỳ)*

Khắp cả Ba kỳ, Caomên, Lèo, các nhà đại-ly thuốc Annam đều có bán.

Chi nhánh Phát-bành. Saigon 229 rue d'Espagne.

Chi cuộc: 103 Bd Bonnal, Haiphong

d. Avenue Gialong, Quinhon

d. Avenue du Musée, Tourane



Đau nhức gân cốt, tinh-thần mỗi mệt, mất ngủ vì lo rầu

## KIM TINH ĐƠN

Thuốc lạ nhất, khắp nước Nam chưa có hiệu nào biết  
chế. Sự hiệu nghiệm 100 người không sai một. Trị các  
chứng bệnh gân cốt và bệnh thần-kinh. Những người hay  
đau nhức trong gân lúc trở thời tiết, nhức đầu òng, đau  
lưng, rung tay, hoặc những người hay lo rầu phiền muộn,  
lãng trí, khóc cười không chừng, mất ngủ, nằm đêm thao-  
thức, đau mỗi tứ chi, dùng KIM-TINH-ĐƠN thiết hay.

Thuốc không làm say, làm ghiền, uống tới bao lâu cũng  
vô hại. Uống thuốc vào được ngủ yên, sáng thức dậy khỏe  
khoảnh tươi tỉnh.

Những người có tật kinh dùng thuốc này liên tiếp một  
tháng hết kinh.

Giá 1 hộp 10 ve 2\$40, 1 ve 0\$25

Có bán khắp nơi trên 500 Đại-lý.

BÀO CHẾ TẠI :

VỎ-ĐÌNH-DẪN ĐƯỢC-PHÒNG

(14 năm danh tiếng)

N° 118 Rue d'Espagne Saigon, 323 rue des Marins Cholon.

## NHÀ THUỐC ÔNG - TIÊN

N° 82 à 92 P. Blanchy prolongée  
Phú Nhuận Saigon.

Chuyên môn bào chế đủ cao đơn hoàn tán, dưới quyền  
chứng nhận của Chánh-phủ Pháp ngày 23 1.32.

Phân-cuộc mới thành lập 1935.

Saigon : 228 rue d'Espagne. P. Penh : rue Obier.

Huế : 51 rue Gialong. Qui nhơn : avenue Gialong.

Hanoi : rue de Caisses.

NÊN ĐỌC BÁO

## KHUYẾN - HỌC

mỗi tháng hai kỳ, rất bổ-ích về trí thức

Giá đồng niên : 1\$00

THƠ VÀ MANDAT GỬI CHO :

NAM - KÝ

39 Rue du Lac. — HANOI



## Quyển sách đáng nhứt.

---

Chúng-tôi tốn rất nhiều công-phu mới dịch xong cuốn « *Diệu-Pháp-Liên-Hoa-Kinh* » thường kêu là kinh *Pháp-Hoa*. Ấy là quyển sách đại-khái trong Phật-giáo. Đức-Thích-Ca Miru-Ni giảng kinh ấy lúc Ngài sắp nhập Niết-Bàn, tức là lúc Ngài làm-chung. Tất cả là hai mươi tám bài. Ai xem quyển kinh *Pháp-Hoa* rồi sẽ thấy trong mình mình có Phật, mà chính mình đây là một đức Phật vị-lai đó. Người tu đạo Phật, học Phật mà có xem cuốn *Pháp-Hoa* thì vững chơn nhẹ bước trên đường Huệ, sẽ vui lòng mà sống đời vì chúng-sanh và sẽ vì chúng-sanh mà trở lại cõi này dặng làm các sự tiện-lợi, hữu-ích. Người thông kinh *Pháp-Hoa* tinh tấn mà giữ hạnh, hoan hỷ mà tưởng cho mình dương lo phận-sự của một vị Bồ-tát ở tại thế, giúp ích chúng-sanh.

Quý-ngài có muốn thấy ngòi vị của mình về sau, quý-ngài có muốn chắc tay về đức-hạnh, hãy viết thư đến chúng-tôi mà hỏi cuốn « *Diệu Pháp-Liên-Hoa-Kinh* ». Nếu kinh ấy có in rồi thì chúng-tôi sẽ gửi đến bằng cách lãnh-hóa giao ngân, còn chưa xuất-bản thì chúng-tôi sẽ giữ thư của quý-ngài lại, chờ khi có ra thì gửi đến liền.

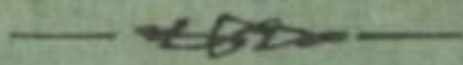


SÁCH PHẬT ĐÃ SOẠN

và xuất bản bởi

**ĐOÀN - TRUNG - CÒN**

*143, Rue Louvain, Saigon*



- 1— Truyện Phật Thích - Ca.
  - 2— Du - lịch xứ Phật.
  - 3— Đạo - lý nhà Phật.
  - 4— Chuyện Phật đời xưa.
  - 5— Văn - minh nhà Phật.
  - 6— Triết - lý nhà Phật.
  - 7— Lịch - sử nhà Phật.
  - 8— Pháp - Giáo nhà Phật.
  - 9— Tăng - đồ nhà Phật.
  - 10— Các Tông - phái đạo Phật.
- sắp ra :
- 11— Diệu Pháp-Liên-Hoa-Kinh.